

VI LÊ MINH

中国节日

LỄ TẾT

Trung Quốc



NHA XUẤT BẢN
TRUYỀN BÀ NGŨ CHÂU



NHA XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VI LÊ MINH

LỄ TẾT
Trung Quốc

Người dịch : Đinh Thị Thu



**NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LỄ TẾT TRUNG QUỐC

Vi Lê Minh

ISBN: 978-604-58-0444-5

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mục lục

Lời giới thiệu.....	5
Lễ tết cổ truyền	11
Tết Bala	12
Tiểu Niên	15
Tết Nguyên Đán.....	18
Tết Nguyên Tiêu	30
Tết Xuân Long	33
Tết Thanh Minh	36
Tết Đoan Ngọ	40
Tết Thất Tịch (Tanabata) .	48
Tết Mạnh Lan Bồn.....	51
Tết Trung Thu.....	55
Tết Trùng Dương	60
Đông Tiết.....	64
Lễ tết theo quy định của pháp luật	67
Tết Dương Lịch.....	68
Ngày Quốc Tế Phụ Nữ mừng tám tháng ba.....	70
Tết Trồng Cây	73
Ngày Quốc Tế Lao Động mừng một tháng năm....	76
Tết Thanh Niên mừng bốn tháng năm	78
Ngày Quốc Tế Thiếu Nhi mừng một tháng sáu	80



Ngày Thành Lập Quân Giải Phóng Nhân Dân mùng một tháng tám	83
Ngày Nhà Giáo	85
Ngày Quốc Khánh	88

Lễ tết Dân tộc thiểu số 95

Lễ Hội Naadam.....	98
--------------------	----

Lễ Eid al-Fitr	105
----------------------	-----

Lễ Eid Al-Adha	107
----------------------	-----

Năm Mới Theo Lịch Tạng	109
------------------------------	-----

Lễ Hội Tuyết Đồn.....	112
-----------------------	-----

Lễ Mộc Dục.....	114
-----------------	-----

Lễ Rước Đuốc.....	118
-------------------	-----

Lễ Hội Bàn Vương (King Pan)	122
-----------------------------------	-----

Lễ Hội Danu.....	124
------------------	-----

Lễ Hội Thuyền Rồng.....	127
-------------------------	-----

Lễ Hội Hoa Sơn.....	131
---------------------	-----

Tết Té Nước	134
-------------------	-----

Tam Nguyệt Nhai	138
-----------------------	-----

Ca Khư mừng ba tháng ba.....	142
------------------------------	-----

Lũng Đoan Nhai	145
----------------------	-----

Tiết Đào Can.....	147
-------------------	-----

Tiết Tân Mễ.....	150
------------------	-----

Tiết Mực Nảo.....	152
-------------------	-----

Phong Niên Tế.....	155
--------------------	-----

Tết Người Cao Tuổi	158
--------------------------	-----

Tết Thiên Thương	160
------------------------	-----



Phụ lục:

Bảng Tóm Tắt Niên Đại Lịch Sử Trung Quốc...	163
--	-----

Lời giới thiệu

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc với chặng đường lịch sử hơn năm ngàn năm, trong hành trình lịch sử không ngừng phấn đấu phát triển đó đã xuất hiện rất nhiều các lễ tết cổ truyền đặc sắc và mang từng nét độc đáo riêng biệt, trong đó quá trình hình thành đa dạng và nội dung phong phú. Các ngày lễ tết là sự kết tinh quan trọng giữa tinh thần và tình cảm của dân tộc Trung Hoa. Văn hóa lễ tết được bắt rễ sâu xa trong lòng mỗi người dân, có nguồn sống mới mẻ và dồi dào tinh lực, vượt qua chặng thời gian lâu dài, dần dần hình thành nên một phần di sản vô cùng quý báu trong nền văn hóa xán lạn của dân tộc Trung Hoa.

Khởi nguồn và quá trình phát triển của lễ tết là một chặng đường chậm và dài bắt đầu từ việc hình thành, hoàn thiện, đến thâm nhập vào trong cuộc sống xã hội; là sự đánh dấu việc xã hội loài người đã phát triển đến một giai đoạn nhất định. Sự tiến bộ của lực lượng sản xuất xã hội, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao, sự xuất hiện của tôn giáo và các hoạt động xã hội đã góp phần tạo điều kiện cho việc sản sinh và phát triển của lễ tết. Nguồn gốc lễ tết cổ truyền của Trung Quốc phần lớn có liên quan đến nền tri thức không ngừng được hoàn thiện và phong phú trong các lĩnh vực như thiên văn, lịch, toán học; đặc biệt là sau khi các tháng trong năm được phân chia ra cụ thể, rõ ràng theo cách tính âm lịch thì càng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với sự xuất hiện của lễ tết cổ truyền hơn. Đến thời nhà Hán (206 TCN - 220 SCN), một năm phân chia thành hai mươi tư tháng, cách thức phân chia này được cho rằng tương đối hoàn thiện. Sự phân chia các tháng trong năm đã tạo tiền đề cho việc sản sinh các ngày lễ tết, có nghĩa



Niên họa "Nông dân tự tổ chức vui chơi", thể hiện sinh động toàn cảnh về các công việc đồng áng, cũng như tinh thần lạc quan và tự tại của người nông dân. Rất nhiều phong tục tập quán và các ngày lễ tết của Trung Quốc đều được hình thành trên cơ sở sinh hoạt và lao động sản xuất nông nghiệp truyền thống.





Lễ tết Trung Quốc

Bảng biểu hai mươi tư tiết khí

Kỳ Tiết	Khí Tiết	Dương Lịch	Âm Lịch	Hoàng Kinh (Độ)	Ý Nghĩa
Mùa Xuân	Lập Xuân	Ngày 04 Hoặc 05 Tháng 02	Tiết Tháng Giêng	315	Bắt Đầu Mùa Xuân
	Vũ Thủy	Ngày 19 Hoặc 20 Tháng 02	Giữa Tháng Giêng	330	Lượng Mưa Tăng Cao
	Kinh Trập	Ngày 05 Hoặc 06 Tháng 03	Tiết Tháng Hai	345	Sầu Nở
	Xuân Phân	Ngày 20 Hoặc 21 Tháng 03	Giữa Tháng Hai	0	Nhật Chiếu Xích Đạo, Ngày Đêm Bình Phân
	Thanh Minh	Ngày 04 Hoặc 05 Tháng 04	Tiết Tháng Ba	15	Trời Trong Sáng, Thảo Mộc Đâm Chồi Nảy Lộc
	Cốc Vũ	Ngày 20 Hoặc 21 Tháng 04	Giữa Tháng Ba	30	Lượng Mưa Tăng Cao, Thúc Tiến Sinh Vật Sinh Trưởng
Mùa Hạ	Lập Hạ	Ngày 05 Hoặc 06 Tháng 05	Tiết Tháng Tư	45	Bắt Đầu Mùa Hè
	Tiểu Mãn	Ngày 21 Hoặc 22 Tháng 05	Giữa Tháng Tư	60	Hạ Thử Ngũ Cốc, Cây Cối Bắt Đầu Sinh Sôi, Tăng Trưởng
	Mang Chủng	Ngày 06 Hoặc 07 Tháng 06	Tiết Tháng Năm	75	Các Loại Cây Nông Nghiệp Như Lúa Mạch Bắt Đầu Vào Giai Đoạn Chín
	Hạ Chí	Ngày 21 Hoặc 22 Tháng 06	Giữa Tháng Năm	90	Nhật Chiếu Bắc Hồi Quy Tuyến, Thời Gian Ngày Dài Nhất
	Tiểu Thử	Ngày 07 Hoặc 08 Tháng 07	Tiết Tháng Sáu	105	Thời Tiết Nóng Nhe
	Đại Thử	Ngày 23 Hoặc 24 Tháng 07	Giữa Tháng Sáu	120	Thời Tiết Nóng Oi Nhất
Mùa Thu	Lập Thu	Ngày 07 Hoặc 08 Tháng 08	Tiết Tháng Bảy	135	Bắt Đầu Mùa Thu
	Xử Thử	Ngày 23 Hoặc 24 Tháng 08	Giữa Tháng Bảy	150	Thử Nhiệt Bắt Đầu Giảm
	Bạch Lộ	Ngày 07 Hoặc 08 Tháng 09	Tiết Tháng Tám	165	Thời Tiết Chuyển Mát Mẽ, Sáng Sớm Có Sương Mù
	Thu Phân	Ngày 23 Hoặc 24 Tháng 09	Giữa Tháng Tám	180	Nhật Chiếu Xích Đạo, Ngày Đêm Bình Phân
	Hàn Lộ	Ngày 08 Hoặc 09 Tháng 10	Tiết Tháng Chín	195	Thời Tiết Chuyển Lạnh, Sáng Sớm Sương Mù Rất Nhiều
	Sương Giáng	Ngày 23 Hoặc 24 Tháng 10	Giữa Tháng Chín	210	Thời Tiết Chuyển Sang Cực Lạnh, Xuất Hiện Băng
Mùa Đông	Lập Đông	Ngày 07 Hoặc 08 Tháng 11	Tiết Tháng Mười	225	Bắt Đầu Mùa Đông
	Tiểu Tuyết	Ngày 22 Hoặc 23 Tháng 11	Giữa Tháng Mười	240	Tuyết Xuất Hiện Lượng Nhỏ
	Đại Tuyết	Ngày 07 Hoặc 08 Tháng 12	Tiết Tháng Mười Một	255	Tuyết Dầy
	Đông Chí	Ngày 22 Hoặc 23 Tháng 12	Giữa Tháng Mười Một	270	Nhật Chiếu Nam Hồi Quy Tuyến, Thời Gian Ban Ngày Ngắn Nhất
	Tiểu Hàn	Ngày 05 Hoặc 06 Tháng 01	Tiết Tháng Mười Hai	285	Thời Tiết Lạnh
	Đại Hàn	Ngày 20 Hoặc 21 Tháng 01	Giữa Tháng Mười Hai	300	Thời Tiết Rét Đậm



Niên họa “Nam Thập Mang”, “Nữ Thập Mang” của Dương Gia Phủ (Cuối triều đại nhà Thanh)

là trong suốt thời gian một năm, căn cứ vào các mùa được phân chia cũng như trình tự thay đổi của các mùa, con người thông qua quá trình lao động sản xuất của bản thân mà từng vùng từng khu vực hình thành nên các phong tục tập quán không giống nhau, đồng thời điều đó cũng đại diện cho các hoạt động thờ cúng tín ngưỡng với những tâm nguyện tốt đẹp của con người. Lễ tết của Trung Quốc cũng được hình thành chính trên cơ sở đó.

Phần lớn các ngày lễ tết của Trung Quốc đều được khởi nguồn và hình thành sơ bộ vào thời kỳ Tiền Tần (tức vào trước năm 221 TCN), ví dụ như: Giao thừa, Nguyên đán, Nguyên tiêu, Thượng ty, Hàn thực, Đoan ngo, Thất tịch, Trùng dương v.v.. Nhưng nét phong phú, đa dạng và sự phát triển phổ biến về nội dung của các phong tục tập quán trong các ngày lễ tết này lại là một chặng đường phát triển vô cùng lâu dài và chậm chạp. Thuở hình thành sơ

khai của các phong tục tập quán này đều liên quan đến hoạt động thờ cúng tín ngưỡng hay các điều mê tín, cấm kỵ nguyên thủy. Đồng thời cũng có liên quan đến các câu chuyện thần thoại phong phú và đa dạng, góp phần tô vẽ thêm sắc màu lãng mạn cho các ngày lễ tết. Tôn giáo tín ngưỡng cũng tạo nên tố chất kích thích và có ảnh hưởng trong phạm vi chừng mực nhất định đối với lễ tết, ngoài ra còn xuất hiện thêm một số nhân vật lịch sử với ý nghĩa tượng trưng cho sự tồn tại vĩnh hằng cùng góp chung sắc màu vào bức tranh về các ngày lễ tết. Tất cả những nhân tố này đều hòa quyện thành tổng thể, cùng tồn tại bên trong nội dung của lễ tết, khiến cho ngày lễ tết của Trung Quốc mang đậm nét thiêng liêng của lịch sử và đậm đà bản sắc dân tộc.

Đến triều đại nhà Hán, các ngày lễ tết cổ truyền chủ yếu của Trung Quốc đều đã được định hình tương đối cố định. Nhà Hán là thời kỳ hoàng kim đầu tiên sau khi Trung Quốc thực hiện công cuộc thống nhất toàn đất nước, chế độ kinh tế, chính trị, xã hội ổn định, nền văn hóa, khoa học phát triển với tốc độ nhanh chóng, các nền văn hóa địa phương như nền văn hóa nhà Tần, văn hóa nhà Sở cũng như văn hóa nhà Tế Lỗ v.v.. lấy bề dày lịch sử truyền thống lâu đời làm nền tảng mà hòa quyện trong nhau, cùng góp phần thể hiện nét văn hóa mang đậm tính lịch sử xuyên suốt những triều đại này, hình thành nên một thể văn hóa thống nhất lấy văn hóa nhà Hán làm biểu tượng. Điều này cũng tạo điều kiện văn hóa xã hội tốt đẹp cho quá trình hình thành cuối cùng của các ngày lễ tết.





Lễ tết Trung Quốc

Lễ tết phát triển đến triều đại nhà Đường (tức khoảng thời gian từ năm 618 đến năm 907 SCN), đã được giải phóng ra khỏi vòng vây thần bí của những tập quán thờ cúng tín ngưỡng cũng như các điều cấm kỵ, trở thành các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí hoặc mang đậm hình thức lễ nghi, đồng thời cũng rất nhanh chóng trở thành một trào lưu được phổ biến sâu rộng. Từ đó, lễ tết được gắn với các ngày lễ hỷ, khánh tiết, thắm đượm sắc màu phong phú, trở thành ngày hội hay ngày lễ tết thật sự. Do các dân tộc không ngừng hiểu biết lẫn nhau mà hình thành sự giao lưu văn hóa lễ tết, cộng thêm quá trình phát triển và được truyền bá lan rộng của tôn giáo khiến cho nội dung của văn hóa lễ tết cũng không ngừng được bổ sung và hoàn thiện. Những phong tục tập quán này được phát triển một cách liên tục không ngừng, không bị suy thoái theo hành trình thời gian.

Các ngày lễ tết cổ truyền của Trung Quốc không chỉ là một bộ phận cấu thành quan trọng trong các hoạt động vui chơi giải trí cũng như trong nền văn hóa dân gian, mà còn là cơ hội quan trọng trong quá trình giao lưu giữa các lĩnh vực văn hóa và kinh tế mậu dịch. Hầu như mỗi một ngày lễ tết đều được coi là ngày hội về giao lưu kinh tế mậu dịch, cũng như được gọi là ngày hội về giao lưu văn hóa trong phạm vi tổng thể. Trong những ngày lễ tết này, các giới ngành nghề như công nhân, thợ thủ công hay nông dân đều trao đổi lẫn nhau về tư liệu sản xuất; cư dân thành phố thì cần cải thiện cuộc sống vật chất, giới văn nhân thi sĩ thì cần sáng tác các tác phẩm thơ ca, trao đổi học thuật, tác phẩm, và từ đó nhà nước ban hành quy định cho phép tiến hành một số hoạt động lễ hội với quy mô lớn, xác lập qui phạm các lễ nghi đạo đức và phát huy vai trò tuyên truyền và giáo dục.

Sự xuất hiện và phát triển của các ngày lễ tết cổ truyền là một quá trình kết tinh hội tụ mọi nét văn hóa lịch sử trên chặng thời gian lâu dài của cả một quốc gia và dân tộc. Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc, ngoài các ngày lễ tết cổ truyền đặc biệt quan trọng đối với dân tộc Hán, năm mươi lăm dân tộc thiểu số còn lại cũng đều có các phong tục tập quán mang bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo riêng biệt. Người hiện đại thông qua các phong tục tập quán về các ngày lễ tết lưu truyền từ xa xưa có thể hiểu một cách tường tận bức tranh phong phú đầy sắc màu về cuộc sống của tổ tiên thời cổ đại, quá trình tự trải nghiệm, tham gia và sáng tạo ra các nền văn hóa cũng như các ngày lễ tết, đã khiến cho nền văn hóa ưu tú, tinh tế của Trung Quốc không ngừng được bảo lưu, lan truyền và phát huy xán lạn.

Do sự phát triển xã hội và sự tiến bộ của thời đại, quan niệm tư tưởng, hình thức trải nghiệm và thú vui về cuộc sống cũng đã có những biến đổi quan trọng. Văn hóa các ngày lễ tết của Trung Quốc cũng không ngừng được phát triển và đổi mới theo hành trình thời gian tương ứng với nó. Một số ngày lễ tết

cổ truyền quan trọng trong đó đặc biệt là các ngày lễ tết như: Tết Nguyên đán, Tết Thanh minh, Tết Đoan ngọ, Tết Trung thu vẫn đang được lưu truyền sâu rộng trong dân gian. Bên cạnh đó, một số lượng nhỏ các ngày lễ tết khác lại dần dần bị mai một, từ đó bị loại ra khỏi cuộc sống đời thường hằng ngày của nhân dân. Trong những năm gần đây, các ngày lễ tết với nguồn gốc từ phương Tây đã dần dần xâm nhập vào đất nước Trung Quốc, như lễ Tình nhân, ngày Cá tháng tư, Ngày của mẹ, lễ Giáng sinh v.v.. Những lễ tết mang đậm tính "hải ngoại" này đã góp phần tạo nên những phương thức biểu đạt tâm tư tình cảm mang màu sắc tươi mới của người Trung Quốc, đặc biệt được thịnh hành sâu rộng trong giới trẻ tại các thành phố Trung Quốc.

Cùng với chất lượng cuộc sống không ngừng được nâng cao và phong cách sống cũng ngày một thay đổi theo hướng phát triển hoàn thiện của loài người trong xã hội hiện đại, phương thức tổ chức chúc mừng trong các ngày lễ tết cũng theo đó mà xuất hiện những biến đổi tương ứng, đó là sự kết hợp đan xen lẫn nhau giữa nét cổ truyền và hiện đại. Có một bộ phận người dân không còn hài lòng với các phương thức tổ chức chúc tụng trong các ngày lễ tết với phong tục tập quán cổ truyền mang tính chất bảo thủ lạc hậu nữa, họ bắt đầu tìm kiếm, theo đuổi một phương thức đón lễ tết mới đơn giản gọn nhẹ, mang tính vui chơi giải trí nhiều hơn. Những phương tiện hiện đại như Internet, điện thoại di động đã được sử dụng để biểu đạt tâm tư, tình cảm hay những lời chúc tốt đẹp. Các ngày lễ tết của Trung Quốc và cuộc sống trong các ngày khánh tiết của người dân Trung Quốc cũng từ đó ngày một trở nên phong phú, đặc sắc.

Lễ tết của Trung Quốc vô cùng nhiều, chính vì số lượng quá nhiều nên quyển sách này chỉ có thể lựa chọn giới thiệu những ngày lễ tết chủ yếu. Tất cả những ngày kỷ niệm này đều khắc họa đậm nét lịch sử phát triển của xã hội và dân tộc, đồng thời tô màu điểm sắc cho cuộc sống tốt đẹp của ngày hôm nay.



Vợ chồng kỷ niệm đám cưới vàng và tặng hoa hồng cho nhau, cùng nhau trải qua Ngày lễ Tình nhân ngọt ngào, lãng mạn.





Một cây thông Nô-en mới được trang trí tại khu vực bên ngoài của một trung tâm mua sắm.

LỄ TẾT CỔ TRUYỀN

Trung Quốc với khu vực địa lý rộng lớn, số lượng các dân tộc đông đảo, trong đó các dân tộc, các khu vực vùng miền khác nhau góp phần hình thành nên những phong tục tập quán đa dạng, phong phú với các lĩnh vực về nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống con người như ăn mặc, ẩm thực, nơi ở, đi lại; hay với các lĩnh vực khác như khánh tiết, lễ nghi, cúng tế; cũng có phương diện về tôn giáo tín ngưỡng, sùng bái dân gian hay các phương diện về hôn nhân, sinh đẻ, mai táng. Những phong tục tập quán này đã hình thành và lưu truyền hàng ngàn năm nay, trở thành phong tục riêng biệt được bảo tồn, lưu truyền riêng của từng dân tộc trong từng khu vực, vùng miền khác nhau, cũng có một số lượng trong đó dần dần phát triển và trở thành phong tục tập quán chung đại diện cho đại gia đình dân tộc Trung Hoa, góp phần làm nên một bộ phận vô cùng quan trọng trong nền văn hóa cổ truyền dân tộc.





TẾT BALA

Tên gọi ngày lễ tết: Tết Bala

Thời gian đón tết: Ngày mùng 08 tháng 12 âm lịch.

Tháng mười hai âm lịch ở Trung Quốc còn được gọi là "Lạp nguyệt" (tức tháng thứ mười hai), do vậy ngày mùng tám tháng mười hai sẽ được gọi là "Lạp bát tiết" (tức Tết Bala, Tết tháng mười hai), hay còn được gọi là "Lạp nhật" (tức ngày Bala, ngày của tháng mười hai). Tết Bala là ngày lễ tết cổ truyền của dân tộc Hán Trung Quốc, cũng được coi là bản hòa tấu dạo đầu của Tết Nguyên đán.

Theo sử chép lại, tết Bala bắt nguồn từ ngày lễ hội tháng mười hai thời cổ đại Trung Quốc. Ngay từ thời xa xưa, Trung Quốc đã coi trọng nông nghiệp. Người cổ đại coi mùa thu hoạch là kết quả từ sự giúp đỡ bảo hộ của vô số các vị thần thánh trong cõi thiên địa vạn vật ban cho, nên họ tổ chức lễ kỷ niệm báo ơn thật trịnh trọng để ăn mừng và họ gọi lễ kỷ niệm đó là "Lạp tế" (tức lễ hội tháng mười hai). Sau khi kết thúc các hình thức lễ nghi trong ngày lễ hội tháng mười hai này, người cổ đại liền tổ chức các hoạt động ẩm thực, dùng gạo mới sản xuất ra nấu thành cháo, mọi người tụ tập, ăn uống vui chơi cùng nhau. Sau đó, lễ hội tháng mười hai phát triển thành ngày lễ tết lấy việc thờ cúng tổ tông làm mục



Người Bắc Kinh đang thưởng thức món cháo Bala trong ngày Tết Bala.

đích chủ đạo. Thế kỷ thứ V SCN, nhà nước Trung Quốc quyết định lấy ngày mừng tám tháng mười hai âm lịch đặt thành ngày Tết Bala.

Sau khi Phật giáo thâm nhập vào Trung Quốc, mọi người đã biến những phong tục tập quán vốn có trong Tết Bala như tục ăn cháo và thờ cúng tổ tiên thành truyền thuyết về vị Phật tổ - Buddha thành đạo vào ngày mừng tám tháng mười hai. Trong đó đại ý nói rằng, trước khi Buddha trở thành Phật, ngài đã từng nhiều năm tu hành, khổ hạnh đến độ thân thể gầy ốm như củi khô, quyết tâm vượt qua mọi nỗi khổ hạnh trần tục. Trong thời gian đó, ngài gặp được một vị mục nữ, vị mục nữ này đã tặng cho ngài một bát cháo sữa gạo để chống lại cái đói khát. Sau khi ngài ăn xong, thể trạng liền được khôi phục lại, ngài ngồi trầm ngâm suy ngẫm dưới một gốc cây bồ đề, và rồi đắc đạo vào đúng ngày mừng tám tháng mười hai. Để kỷ niệm sự kiện này, các tăng môn Phật tử đã dùng gạo và quả hạt nấu thành cháo, với ý nghĩa cúng thờ Phật, và được gọi thành "Lạp bát chúc" (tức cháo Bala, cháo ngày lễ mừng tám tháng mười hai).

Lịch sử ăn cháo Bala của người Trung Quốc đã tồn tại hơn một ngàn năm nay, khởi nguồn sớm nhất từ triều đại nhà Tống (960 - 1279). Thời kỳ đó, mỗi năm khi đến ngày Tết Bala, triều đình, quan lại trong phủ hay các chùa chiền đều làm loại cháo Bala này. Đến triều đại nhà Thanh (1616 - 1911), phong tục ăn cháo Bala càng trở nên phổ biến hơn. Trong các cung đình, hoàng đế, hoàng hậu, hoàng tử v.v.. đều ban lộc cháo Bala cho các quan đại thần văn võ, tùy tùng cung nữ, đồng thời còn ban phát gạo, quả hạt v.v.. cho các tăng lữ sử dụng tại các chùa chiền. Trong dân gian, nhà nhà người người đều nấu cháo Bala để thờ cúng tổ tiên, ngoài ra đây còn là dịp để mọi người trong nhà sum vầy bên nhau, và còn là quà biếu tặng giữa người thân, họ hàng hay hàng xóm láng giềng với nhau, để biểu đạt những lời chúc phúc tốt đẹp.

Chủng loại của cháo Bala vô cùng phong phú. Cháo Bala truyền thống trong dân gian rất coi trọng việc lựa chọn sử dụng tám loại thành phần nguyên liệu chính, tám loại thành phần nguyên liệu phụ, tương hợp với "Ba" ("số tám") trong từ "Bala", tượng trưng cho ý nghĩa cát lợi. Thành phần nguyên liệu chính lấy từ các loại đậu và các loại gạo làm chủ đạo, ví dụ như: các loại đậu có đậu đỏ, đậu xanh, đậu đũa, đậu lăng, đậu ván, đậu tằm v.v.. các loại gạo có kê, gạo tẻ, gạo vàng, gạo nếp, gạo cơm, gạo thơm, lúa mạch, yến mạch, ngô, cao lương v.v.. Chủ nhân có thể căn cứ vào sở thích và thói quen để lựa chọn nguyên liệu dùng. Thành phần nguyên liệu phụ của cháo Bala thông thường có thể chọn lựa trong các loại như: đào, mơ, hạnh đào,





Lễ tết Trung Quốc

táo, hạt dẻ, cà chua, hạt hướng dương, hạt sen, lạc, hạt phỉ, hạt thông, lê khô, nho khô v.v..

Sau khi trộn đều các thành phần chính và thành phần phụ của nguyên liệu, cho nước vào nồi đất nung bắc lên bếp lửa ninh cho thật lâu thật kỹ, sau khi nấu chín cho thêm các loại gia vị ngọt như đường trắng, hoa hồng, hoa quế v.v.. Cháo Bala trong các vùng miền khác nhau của Trung Quốc cũng có những

nét riêng biệt với đầy đủ vị và sắc màu, chủng loại cũng phong phú đa dạng. Trong đó cháo Bala của Bắc Kinh được coi là tinh tế nhất, các thành phần nguyên liệu trộn đều trong gạo trắng tương đối nhiều, ví dụ như: táo đỏ, hạt sen, hạnh đào, hạt dẻ, hạnh nhân, hạt thông, long nhãn, hạt phỉ, nho, bạch quả, mại tiểu, thanh tở, hoa hồng, đậu đỏ, lạc v.v.. tổng cộng không dưới hai mươi chủng loại. Người dân ngay trong đêm mùng bảy của tháng mười hai đã bắt đầu bận rộn công việc chuẩn bị, vo gạo, ngâm các loại quả hạt, bóc vỏ, bỏ hạt; sau đó bắt đầu tiến hành nấu vào đêm ngày mùng bảy rạng sáng ngày mùng tám; rồi tiếp tục chỉnh lửa nhỏ phù hợp để ninh nhừ, ninh cho đến sáng sớm ngày mùng tám thì cháo Bala mới có thể được coi là đã hoàn thành.

Đối với những gia đình tương đối cẩn thận chĩn chu, họ đặc biệt coi trọng màu sắc của cháo Bala. Họ loại bỏ tất cả các hạt đậu có màu sắc thiên đậm, chỉ dùng các thành phần nguyên liệu như gạo nếp, gạo hương, gạo mại tiểu, nhân hạt sen để nấu thành cháo. Màu trắng tinh khiết như tuyết của cháo sau khi nấu xong, đặt lên các dụng cụ được chế tạo một cách tinh tế, vừa đẹp mắt lại vừa ngon miệng, không chỉ tạo nên sự hòa quyện đặc sắc giữa màu sắc, hương vị, mà điều này còn tượng trưng cho những ý nghĩa tốt đẹp như cát tường phúc thọ cũng như thể hiện sự chúc tụng cho vụ mùa bội thu. Trong tiết trời lạnh lẽo với sương, với tuyết của tháng mười hai, toàn thể các thành viên trong gia đình quây quần bên nhau trong cùng một bàn ăn, thưởng thức cháo Bala với hương vị ngọt ngào ngon miệng, người Trung Quốc cho rằng đây là những khoảnh khắc có ý nghĩa vô cùng tốt đẹp. Đối với những gia đình kỹ lưỡng và tinh tế, họ còn khắc và gọt các loại quả



Tỏi ngâm dùm trong ngày lễ Tết Bala.

hạt thành các hình thù trước khi đem đi nấu như hình các nhân vật hay hình các loài động vật v.v., thậm chí họ còn dùng các loại thực vật với màu sắc phong phú đa dạng từ bột táo xay nhuyễn, bột đậu, bột sơn trà, sơn dược v.v.. rồi nhào nặn thành những hình tượng nhân vật trong các thần thoại, truyền thuyết dân gian.

Sau khi cháo Bala được nấu chín, trước tiên phải được mang lên kính thờ tổ tiên cũng như các vị thần thánh linh thiêng, sau đó đem đi biếu tặng cho người thân họ hàng, những công việc này nhất định phải hoàn thành trước buổi trưa. Sau cùng, mọi thành viên trong gia đình mới được thưởng thức. Nếu đem loại cháo này cho những người nghèo khổ cơ cực ăn, càng góp phần tu tâm tích đức cho chính bản thân người biếu tặng. Cháo Bala sau khi ăn còn dư lại, để dành vài ngày sau đó mà vẫn chưa ăn hết, điều này sẽ mang lại một sự khởi đầu tốt đẹp, tượng trưng cho ý nghĩa "cả năm của cải dư dả".

Trong Tết Bala, ngoài việc nấu cháo Bala thì dân gian phương Bắc Trung Quốc còn có tập tục ngâm "tỏi Bala". Người nội trợ trong gia đình bóc sạch vỏ tỏi rồi cho vào trong một chiếc hũ, sau đó đổ đầy giấm gạo chua lên, bịt kín miệng hũ vào đúng ngày lễ Bala này, đặt hũ tỏi đã ngâm vào vị trí ấm và thoáng đàng trong phòng, đợi đến bữa tối tất niên ngày ba mươi tết cuối cùng của năm mới lấy ra thưởng thức cùng món bánh sủi cảo truyền thống. Mầm tỏi sau khi được ngâm xong đổi thành màu xanh, giống như màu của chiếc vòng bích ngọc vậy, phối với sắc màu đậm đỏ của giấm gạo chua, quyện thành một thứ màu sắc vô cùng đẹp, góp phần tạo thêm không khí sum vầy, ấm cúng cho bữa ăn đoàn tụ trong ngày lễ tết của cả một đại gia đình.

TIÊU NIÊN

Tên gọi: Tiêu niên

Thời gian đón tết: Ngày 23 tháng 12 âm lịch

Ngày 23 tháng 12 âm lịch còn được gọi là "Tiêu niên", là ngày lễ thờ bếp dân gian.

Vua bếp trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc, còn được gọi là "Vương Chúa Bếp" (tức Ông Táo), là Thần Bếp nắm mọi quyền gây họa ban phúc cho toàn thể một gia đình. Theo truyền thuyết, vào ngày 23 tháng 12 hàng năm, Vương Chúa Bếp đều bay lên thiên đình bẩm báo





Lễ tết Trung Quốc

với Ngọc Hoàng Đại Đế tất cả mọi việc thiện ác đã trải qua của toàn gia đình đó, để từ đó Ngọc Hoàng Đại Đế suy xét ban thưởng hay trừng phạt thích hợp. Do đó, khi tiễn Vương Chúa Bếp bay lên thiên đình, mọi người thường đặt lên bàn thờ cúng Vương Chúa Bếp các vật phẩm như: hoa quả ngọt, nước tinh khiết, các loại hạt, hoa, trong đó ba loại thành phần cuối cùng chính là những vật dụng không thể thiếu cho hành trình bay lên thiên đình của Vương Chúa Bếp. Khi thờ cúng Vương Chúa Bếp, mọi người còn dùng lửa làm nóng chảy đường Quan Đông rồi phết lên trên miệng của Vương Chúa Bếp. Miệng của Vương Chúa Bếp sẽ bị dính chặt lại và do đó sẽ không thể báo cáo những việc xấu cho Ngọc Hoàng Đại Đế nghe được nữa. Trong dân gian lưu hành tập tục gọi là "nam nhi không cúng khấn, nữ nhi không thờ bếp", cũng chính vì vậy công việc thờ cúng Vương Chúa Bếp chỉ hạn chế dành cho phái nam nhi.



Buổi tối ngày ba mươi - đêm giao thừa cuối năm, Vương Chúa Bếp còn xuống trần gian đón Tết cùng các vị thần thánh, trong năm đó mọi người còn cần phải tiến hành các nghi thức để "đón Bếp", "đón Thần".

Ngay từ ngày bắt đầu đón Lễ Bala, người dân đã tiến hành dọn dẹp mọi thứ, cho đến trước hoặc sau ngày hai mươi ba tháng mười hai mới hoàn thành công việc dọn dẹp này. Quét sạch bụi bặm, dọn dẹp nhà cửa cho sạch sẽ thơm mát với mục đích để người dân rũ bỏ đi những điều cũ kỹ hay không tốt lành, không may mắn, nghênh đón những điều tươi mới về nhà. Người người, nhà nhà đều chăm chỉ toàn tâm toàn ý tiến hành công việc dọn dẹp cho sạch sẽ, gọn gàng trong thời gian đón ngày lễ tết này. Ở Bắc Kinh người dân thường chọn ngày hai mươi tư tháng mười hai đặt thành "ngày tổng vệ sinh nhà cửa".

Đầu tiên, người nội trợ trong gia đình sẽ tập hợp mọi vật dụng trong nhà như giường, tủ hay các đồ đạc sinh hoạt hằng ngày, dùng khăn vải phủ kín lên trên tất cả các vật dụng này, sau đó dùng chổi quét cho sạch sẽ cát bụi bám mọi nơi ở trên tường. Sau khi lau dọn các phòng xong, tiếp tục lau chùi bàn ghế và sàn nhà. Công việc lau dọn nhà cửa được hoàn thành xong, các cửa tiệm, các căn hộ gia đình như

Ngọc Hoàng Đại Đế, hay còn được gọi là "Ngọc Đế", là nhân vật có địa vị cao nhất và chức vụ lớn nhất trong tục tín ngưỡng tôn thờ của đạo giáo. Tương truyền rằng, Ngọc Hoàng quản lý tất cả ba giới (thượng, trung, hạ), thập phương (tứ phương, tứ duy, thượng hạ), tứ sinh (thai sinh, loãn sinh, hiển sinh, hóa sinh), lục đạo của tất cả phúc họa (thiên, nhân, quỷ, địa ngục, súc sinh, quỷ đói). Trong tâm trí và tư tưởng của bách tính thế tục, Ngọc Hoàng Đại Đế là nhân vật linh thiêng nhất của Trung Quốc cũng như là vị đế vương của cả quần chúng nhân dân và tất cả các vị thần thánh linh thiêng. Đạo giáo lấy ngày mùng chín tháng giêng âm lịch hàng năm đặt thành ngày sinh nhật của Ngọc Hoàng Đại Đế.



Niên Họa "Thần Môn" Dương Liễu Thanh ở thành phố Thiên Tân (triều đại nhà Thanh).





Lễ tết Trung Quốc

được trang hoàng hoàn toàn mới mẻ lại. Câu đối mừng năm mới được dán lên, sắc màu rực rỡ hấp dẫn ánh nhìn, tất cả góp phần làm toát lên toàn khung cảnh thịnh vượng phúc lộc với tiết tấu rộn ràng nhộn nhịp trong mọi gia đình. Các vị thần cửa thiêng liêng ngẩng đầu nhìn những câu đối hỷ lộc, hoa dán tường tinh xảo đẹp đẽ, những bức niên họa rực rỡ sáng chói sắc màu, cùng với những chiếc đèn lồng mang đầy hình thái hấp dẫn và các đồ vật được chuẩn bị chu đáo kỹ lưỡng cho công việc thờ cúng thiêng liêng, tất cả góp phần thể hiện không khí đón tết đầy ý nghĩa, đất trời và lòng người hòa quyện trong nhau, giao hòa trong nhau.

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Tên gọi: Tết Nguyên đán

Thời gian đón tết: Ngày mùng một tháng giêng âm lịch

Hàng năm, mỗi khi tiết trời chỉ còn se se lạnh, mùa đông chuẩn bị kết thúc, mùa xuân ấm áp chuẩn bị trở về, thì như thường lệ, người dân Trung Quốc lại tổ chức chào đón và chúc mừng một cách long trọng và náo nức ngày lễ tết cổ truyền đầu tiên khởi đầu cho một năm mới - Tết Nguyên đán (năm mới theo cách tính âm lịch). Tết Nguyên đán có thể được coi là ngày lễ tết náo nhiệt nhất, hoành tráng, trịnh trọng nhất đối với tất cả người dân Trung Quốc. Tết Nguyên đán đã có bề dày lịch sử dài lâu với nội hàm văn hóa đa dạng phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tết Nguyên đán đánh dấu sự khởi đầu cho một năm mới tính theo



Vũ sư múa kỳ lân được tổ chức trong thời gian đón Tết Nguyên đán.

âm lịch, người Trung Quốc vẫn thường gọi đó là "qua niên" (tức đón tết). Trong hành trình lịch sử với bề dày hơn hai ngàn năm xa xưa, phong tục tập quán và các lễ nghi đón năm mới của người Trung Quốc đã trải qua quá trình phát triển lâu dài từ việc dần dần được mạnh mẽ, định hình đến biến tấu, thay đổi.



Niên Họa "Đón Tết Nguyên đán". Ảnh minh họa do Lý Lộ Lộ cung cấp.

Thời đại Tiên Tần là giai đoạn manh nha của phong tục tập quán đón năm mới. Các hình thức và hoạt động chúc tụng trong thời kỳ này chủ yếu bắt đầu khi mọi việc nhà nông trong suốt cả một năm đã hoàn thành, lúc này, người dân tiến hành tổ chức các hoạt động cúng vái với mục đích đền đáp sự ban ơn ban lộc từ các vị thần thánh linh thiêng. Trong tác phẩm thi ca toàn tập xuất hiện sớm nhất Trung Quốc với tiêu đề "Kinh thi", người Trung Quốc đã ghi chép lại tập tục đón mừng trong thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới trong thời kỳ Tây Chu (1046 - 771 TCN), người dân đem những loại rượu ngon và bánh nén dâng lên thờ cúng các vị thần thánh, với nguyện vọng báo đáp công ơn bảo hộ và ban phát phước lộc của các vị thần thánh linh thiêng cho mình, đồng thời cầu nguyện mưa thuận gió hòa, ngũ cốc lương thực phong phú, thịnh vượng cho một năm mới đến. Do các vị chư hầu giữa các vùng địa phương quy định cách tính lịch không thống nhất cho nên các hoạt động đón mừng lễ tết trong thời gian này cũng theo đó mà không giống nhau, nhưng hầu hết đều vào dịp Đông tiết khi việc

Thái Sơ Lịch là loại lịch pháp được thực thi từ thời 104 TCN đến năm 85 SCN dưới triều đại nhà Hán. Hán Vũ Đế tiếp nhận ý kiến đề xuất của một số nhân vật như Tư Mã Nhi (năm sinh: khoảng năm 145 hoặc năm 135 TCN - năm mất: chưa xác định), lệnh cho các nhà thiên văn học, một số nhân vật như Đặng Bình chế định ra loại lịch pháp này. "Thái Sơ Lịch" quy định tháng giêng là tháng khởi đầu cho một năm. Đầu tiên lấy hai mươi tư tiết khí quy định thành lịch pháp, đồng thời bao gồm cả chu kỳ nhật thực và nguyệt thực, là bộ lịch tương đối hoàn chỉnh đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.





Lễ tết Trung Quốc

đồng áng nhà nông đã rảnh rang. Đây cũng chính là cơ sở cho việc định hình phong tục tập quán đón năm mới sau này.

Phong tục tập quán đón năm mới được định hình vào triều đại nhà Hán. Sau khi kinh qua thời kỳ xã hội bạo loạn nghiêm trọng vào những năm cuối thời Chiến Quốc (475 - 221 TCN) và triều đại nhà Tần (221 - 206 TCN), sơ kỳ triều đại Tây Hán (206 TCN - 25 SCN) đã ban hành chính sách "Bồi dưỡng sinh trưởng", sức lao động sản xuất xã hội đã đạt được sự khôi phục và phát triển đáng kể, trật tự xã hội cũng tương đối ổn định, tư tưởng tình cảm trong cuộc sống hằng ngày của nhân dân cũng được nâng cao một cách rõ rệt, một loạt các phong tục tập quán đón mừng các ngày lễ tết cũng từ đó dần dần được hình thành. Sau khi bộ sách *Thái xuất lịch* được ban bố, quy định về cách tính lịch được ổn định lâu dài. Ngày mừng một tháng giêng cũng từ đó được xác định thống nhất là ngày đầu tiên của một năm mới. Căn cứ vào điều đó, khi mà các vùng, các khu vực vẫn thường tiến hành các hoạt động đền đáp, cúng vái và tưởng nhớ công ơn các vị thần thánh thiêng liêng trong những ngày không đồng nhất lần lượt từ mùa cuối đông cho đến dịp đầu xuân, thì sau đó dần dần được tổ chức thống nhất vào ngày mừng một tháng giêng âm lịch hàng năm. Cùng với



Niên họa "Liên năm dư thừa" (triều đại nhà Thanh), tận dụng thuật ngữ đồng âm gửi gắm kỳ vọng vào một năm mới của con người trong đời sống xã hội.



Mọi người thường đem chữ Phúc dán lên trên cánh cửa hoặc cánh cửa sổ với tâm nguyện cầu mong cát tường như ý.

sự phát triển của xã hội, từ triều đại nhà Hán cho đến thời Nam Bắc triều (420 - 589 SCN), phong tục tập quán đón năm mới vào ngày mừng một tháng giêng càng ngày càng được chào đón nồng nhiệt, các hoạt động vui chơi giải trí như đốt pháo, thưởng thức rượu Sư tử, thức trắng đêm đón mặt trời mọc, thưởng thức nghệ thuật đèn lồng v.v.. đều xuất hiện rầm rộ, Tết Nguyên đán dần dần trở thành ngày lễ quan trọng nhất trong tất cả các ngày lễ tết của Trung Quốc.

Tập tục đón năm mới đến triều đại nhà Đường thì diễn ra nhiều biến cố thay đổi. Triều Đường là triều đại có nền kinh tế thịnh vượng, chính trị phát triển mạnh; đồng thời cũng là thời kỳ mà tần suất giao lưu văn hóa trong và ngoài nước diễn ra thường xuyên và rầm rộ. Tập tục đón năm mới dần dần được giải phóng và thoát ra khỏi vòng vây thần bí từ ngày lễ mang tính chất tưởng nhớ với việc cầu khẩn cúng vái báo ơn báo nghĩa, mê tín dị đoan, tiên đoán thiên tai thảm họa; được chuyển thành các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí hay các hình thức lễ nghĩa. Hoạt động đốt pháo trong ngày Tết Nguyên đán cũng không còn nhằm mục đích xua ma quỷ, trừ tà họa nữa, mà biến chuyển thành hình thức nghệ thuật mang tính chất vui chơi giải trí, hưởng thụ cuộc sống. Có thể nói rằng, chỉ cho đến sau





Lễ tết Trung Quốc

triều đại nhà Đường, khái niệm "năm mới" đã chính thức trở thành mùa lễ tết mà khắp đất trời cùng cung chúc, ngàn vạn nhân dân cùng vui đón.

Tập tục đón năm mới đến triều đại nhà Minh (1368 - 1644) bắt đầu xuất hiện sự thay đổi, quá trình thay đổi này được biểu hiện trên hai lĩnh vực chủ yếu: Lĩnh vực thứ nhất là hình thức lễ nghi và hình thức mang tính chất vui chơi giải trí ngày một được củng cố từng bước. Trong năm mới này, người dân thăm hỏi, chúc tụng lẫn nhau, vương chúc quý nhân gửi thiệp chúc mừng cho nhau, hoặc đến tận nhà riêng cung chúc lẫn nhau; quần chúng nhân dân cũng rất quan tâm tới việc biếu tặng quà cáp, cung chúc tân xuân lẫn nhau. Lĩnh vực thứ hai là tính nghệ thuật trong hình thức vui chơi giải trí càng ngày càng được củng cố từng bước. Trong thời gian đón năm mới, các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí như múa kỳ lân, múa sư tử, chơi trò chơi, đố thơ đố chữ, leo cột cao, thi trèo thuyền v.v.. với nhiều hình thức phong phú đa dạng. Người Bắc Kinh dạo bước trong các khu chùa chiền, người Quảng Châu dạo ngắm đường hoa, người Tô Châu lắng mình nghe tiếng chuông trong Hán Sơn Tự v.v.. Các hoạt động giải trí thưởng thức nghệ thuật tại các vùng miền khác nhau đều mang những nét đặc sắc riêng, không sao kể xiết. Phong tục tập quán đón năm mới trong thời gian này đã hấp thụ mạnh mẽ nét văn hóa cổ truyền của dân tộc Trung Quốc, trở thành hội chợ, nơi tụ hội và triển lãm các phong tục tập quán dân gian trong bể dày lịch sử dài hàng ngàn năm của người Trung Quốc.



Làm bánh sủi cảo đón mừng Tết Nguyên đán là tập tục của rất nhiều gia đình người Trung Quốc. Thịnh Tích San Hội, chọn từ "Bắc Kinh cổ xưa - Thị Tĩnh Phong Tĩnh Họa".



Đêm giao thừa, toàn thể mọi thành viên trong gia đình cùng thức thâu đêm đến ngày hôm sau để tạm biệt năm cũ qua đi và nghênh đón năm mới chuẩn bị đến. Thịnh Tích San Hội, chọn từ "Bắc Kinh cổ xưa - Thị Tĩnh Phong Tĩnh Họa".

Trong quãng thời gian đón Tết Nguyên đán - ngày lễ tết cổ truyền này, dân tộc Hán và phần lớn các dân tộc thiểu số khác của Trung Quốc đều tiến hành tổ chức nhiều hoạt động chào đón chúc mừng, các hoạt động này hầu hết đều có những nội dung chủ yếu như: thờ cúng Phật linh và các vị thần thánh, cúng vái tưởng nhớ tổ tiên, dọn dẹp loại bỏ những điều đã qua trong năm cũ và nghênh tiếp những điều tươi mới từ năm mới, chào hỷ đón lộc, cầu nguyện cho cả năm mùa mùa bội thu; hình thức tổ chức các hoạt động này phong phú đa dạng, với những nét đậm đà bản sắc của từng dân tộc riêng biệt.

Trải qua quãng thời gian hơn hai ngàn năm trở lại đây, truyền thống đón mừng Tết Nguyên đán hầu như đã khắc sâu vào tâm khảm của mỗi một người con đất Trung Hoa. Mỗi khi đến cuối năm âm lịch, những người dân sống xa quê hương, xa gia đình đều lo tất bật trở về đoàn tụ với mọi người trong gia đình mình. Các hoạt động trong phong tục tập quán đón mừng năm mới mang đậm những tâm tư tình cảm và thể hiện rõ nét cuộc sống chân thật của người dân như: thức đón đêm giao thừa, gói bánh sủi cảo, dán câu đối năm mới, cung chúc thăm hỏi lẫn nhau v.v.. đều đã trở thành tập tục thói quen chung thống nhất của tất cả người người nhà nhà không phân biệt địa vị giàu nghèo hay tôn bậc tuổi tác. Tập tục đón năm mới của người dân Trung Quốc còn ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia láng giềng xung quanh như Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản v.v.. Người dân tại các quốc gia này cũng có những hình thức và nội dung chào đón năm mới tương tự như vậy.

Các hoạt động đón mừng ngày Tết Nguyên đán không chỉ giới hạn trong thời gian một ngày, mà còn kéo dài trong vòng hơn nửa tháng, thường thời gian đón tết kéo dài đến ngày mười lăm tháng giêng, khi nhà nhà đón xong Tết Nguyên tiêu mới có thể được coi là giai đoạn kết thúc. Trên thực tế, ngay từ ngày hai mươi ba tháng mười hai hàng năm, người dân đã bắt đầu chuẩn bị đón năm mới rồi. Trong quãng thời gian này, tất cả mọi người, tất cả mọi nhà đều phải tiến hành cuộc tổng vệ sinh dọn dẹp lại nhà cửa, mua các loại đồ dùng sử dụng trong năm mới, dán các hình hoa trên các khung cửa, treo niên họa, viết câu đối mừng ngày xuân, chế biến các món bánh thưởng thức trong ngày đón năm mới, làm sẵn các loại thực phẩm, chuẩn bị mọi công việc với mục đích loại bỏ những điều cũ trong năm đã qua và nghênh tiếp những điều mới trong năm sắp đến. Đêm cuối cùng kết thúc một năm cũ và mở đầu cho một năm mới được gọi là "đêm giao thừa". Đêm giao thừa này chính là thời khắc quan trọng và linh thiêng





Lễ tết Trung Quốc

cho một gia đình sum vầy, quây quần và đoàn tụ bên nhau. Những người trong gia đình sau khi hội tụ lại với nhau, cùng nhau ăn bữa cơm tất niên thịnh soạn đầy đủ, hoặc là kể cho nhau nghe những điều vui vẻ ý nghĩa hoặc là vui chơi giải trí thức trắng đêm đón giao thừa chào năm mới.

Đêm giao thừa: Người Trung Quốc thường thức trắng không ngủ một đêm trong ngày cuối cùng của năm cũ, nghênh đón một năm mới chuẩn bị đến. Liên quan đến xuất xứ của phong tục tập quán này, tổ tiên người Trung Quốc từ muôn đời muôn kiếp trước đã truyền lại cho con cháu một câu chuyện dân gian đầy ý nghĩa thú vị như thế này: từ thời cổ đại xa xưa, có một loài quái thú hung ác, quái thú sống tản mạn trong rừng sâu thẳm hoặc trên núi cao chênh vênh, người dân gọi tên loài quái thú này là "Năm". Quái thú hình dáng xấu xí ghê tởm, bản chất rất hung ác, từ những loài côn trùng nhỏ bé đến dân chúng sống nơi đó, vật vật người người đều kể cho nhau nghe về khẩu vị mà quái thú thay đổi trong mỗi ngày, hay bàn về sự thay đổi màu sắc trên cơ thể của quái thú tên "Năm" này. Sau đó, mọi người dần dần hiểu rõ được quy trình hoạt động của "Năm", quái thú này cứ cách ba trăm sáu mươi lăm ngày lại mò đến nơi cư dân sống tụ tập với nhau hòng mong thử được một loại khẩu vị tươi mới, hơn nữa, thời gian mà quái thú xuất hiện đều vào lúc sau nửa đêm, đợi cho đến khi đánh chén no nê các loài chim gà ngan ngỗng rồi, quái thú mới quay trở về rừng rậm xa xôi.

Khi đã tính toán và nắm rõ thời gian trong quy trình hoạt động của quái thú tên "Năm", dân chúng liền đóng khóa kín cửa và thức trắng cả một đêm, được gọi thành "Đóng Năm", đồng thời còn nghĩ ra một hệ thống biện pháp khi thức đêm "đóng năm": mỗi lần đến buổi tối của ngày này, nhà nhà người người đều chuẩn bị sẵn bữa cơm tối từ trước đó, tắt lửa dọn bếp, rồi nhốt cẩn thận và kín đáo mọi lồng gà, chuồng trâu, đóng chặt tất cả mọi cánh cửa trong nhà hay ngoài ngõ, và mọi người trốn trong phòng cùng ăn "cơm Năm buổi đêm". Vì bữa cơm tối này mang ý nghĩa xua đuổi hung tà, cầu mong cát lợi, cho nên người dân chuẩn



Dán câu đối Tết - phong tục tập quán trong đời sống dân gian cổ xưa vẫn còn kế thừa và lưu truyền thịnh hành đến thời đại ngày hôm nay. Ảnh minh họa do Trần Diên Hựu chụp.

bị các món ăn rất thịnh soạn, đầy đủ, từ người già đến con trẻ, toàn thể gia đình sum vầy bên nhau, cùng ăn bữa cơm tối tượng trưng cho ý nghĩa hòa hợp đoàn tụ, đồng thời trước khi ăn bữa cơm này, mọi người còn cúng vái tổ tiên, cầu nguyện thần linh thiêng liêng phù hộ độ trì cho con cháu được trải qua một đêm bình an vô sự. Sau khi ăn xong bữa cơm tối, tất cả mọi người không ai dám đi ngủ, quây quần bên nhau trò chuyện cho quên nỗi sợ hãi bủa vây, cũng từ đó mà dần dần hình thành nên tập tục thức trắng đêm giao thừa đón năm mới.

Tập tục thức trắng đêm giao thừa khởi nguồn từ thời đại Nam Bắc triều (420 - 589), ngày hôm nay chúng ta vẫn có thể đọc được những tác phẩm thơ văn mà một số văn nhân thi sĩ thời xưa đã trải qua và viết để lại cho đời sau. Mọi người thắp sáng nến hoặc đèn dầu, thức trắng cả đêm đến sáng hôm sau, điều đó tượng trưng cho ý nghĩa ánh sáng xua tan và thiêu cháy đi mọi dịch bệnh ôn tà, cầu nguyện cho một năm cát tường như ý.

Khi tiếng chuông vang lên báo hiệu thời khắc chuyển giao vào thời điểm không giờ không phút đúng đêm giao thừa đã đến, mọi người còn **ăn bánh sủi cảo** với nhau. Thời cổ đại gọi khoảnh khắc thời gian không giờ không phút là "nửa đêm", nửa đêm của đêm giao thừa chính là thời khắc giao chuyển giữa năm cũ và năm mới, mọi người ăn bánh sủi cảo trong thời gian này biểu tượng cho ý nghĩa loại trừ những điều cũ đã qua và nghênh đón những điều mới chuẩn bị đến, hay được gọi là "geng sui jiao zi" (tức thời khắc chuyển giao). Trong đó hai từ "jiao" (tức giảo - sủi cảo) và "jiao" (tức giao - chuyển giao) đồng âm với nhau, đây cũng là nguồn gốc tên gọi của hai từ "jiao zi" (tức bánh sủi cảo). Hơn nữa, hình dáng của miếng bột gói bao quanh bên ngoài chiếc bánh giống như viên bạc thỏi, từng đĩa từng đĩa bánh bung lên trên mặt bàn có ý nghĩa tượng trưng cho tâm nguyện tốt đẹp về "năm mới phát đại tài, bạc thỏi ngập tràn"; cho nên tập tục ăn bánh sủi cảo từ đó được kế thừa và lưu truyền cho đến tận đời con cháu hôm nay.

Con trẻ rất thích được chào đón năm mới, là bởi vì chúng có thể nhận được "ya sui qian" (tức **tiền mừng tuổi**) vào ngay thời khắc đêm giao thừa. Tiền mừng tuổi là món quà cung chúc năm mới với tâm nguyện vô cùng tốt đẹp mà con người gửi gắm vào trong đó, họ rất cẩn thận cho vào trong một chiếc phong bao màu đỏ rực; sau khi ăn xong bữa cơm tối hoặc tới khoảnh khắc đêm giao thừa, khi tiếng chuông vang lên báo hiệu một năm mới đến, vị trưởng bối sẽ phân phát cho các con cháu tuổi vị thành niên.





Tiệc liên hoan đón mừng Tết Nguyên đán một năm được tổ chức một lần đã trở thành tiêu điểm quan tâm của hàng vạn hàng tỷ người. Ảnh minh họa do Tấn Tân Dân cung cấp.

Nghe nói rằng, bởi vì "sui" (tức tuổi - tuổi) và "sui" (tức tụy - mờ ám) đồng âm với nhau, cho nên con cháu khi nhận được tiền mừng tuổi sẽ có thể trấn áp mọi ác tà mờ ám, được đón cả một năm bình an vô sự.

Trong ngày Tết Nguyên đán, mọi người còn có tập tục **dán câu đối** chào mừng ngày Tết, hình thức nguyên thủy của câu đối mừng xuân chính là "tao fu" (tức đào phù). "Tao fu" xuất hiện sớm nhất vào triều đại nhà Chu (1046 - 256 TCN), chính là tấm bản gỗ làm từ cây đào có hình chữ nhật dài dán vào hai bên thành của cánh cửa ra vào chính. Trong các câu chuyện thần thoại cổ đại xa xưa của Trung Quốc, tương truyền rằng có một thế giới tồn tại đều là ma quỷ, trong đó có một ngọn núi, trên núi trồng một cây đào cổ thụ với diện tích lan rộng tới tận ba ngàn dặm (ước tính khoảng chừng một ngàn năm trăm kilômet). Trên ngọn cây có một con gà vàng. Mỗi sáng sớm khi gà vàng cất cao tiếng gáy thì những linh hồn ma quỷ đã vất vưởng bên ngoài suốt cả một đêm tối bắt buộc phải nhanh chóng quay trở về thế giới ma quỷ của mình. Cánh cổng chính của thế giới ma quỷ nằm theo hướng đông bắc của cây đào cổ thụ, bên cạnh cánh cổng đó có hai vị thần nhân đứng canh gác. Nếu như linh hồn ma quỷ nào khi lai vãng trong thời gian đêm tối đó đã làm những việc gây tổn thương đến trời đất và đạo lý, thì hai vị thần nhân sẽ phát hiện ra ngay lập tức, đồng thời sẽ chặn đứng

chúng, dùng thân cỏ lau làm thành sợi dây thừng trói chặt chúng lại rồi cho vào miệng cọp. Do đó, tất cả mọi loài ma quỷ trong thế giới này đều sợ hai vị thần nhân đó. Từ đó, dân gian liền lấy gỗ từ thân cây đào khắc hình giống hai vị thần nhân này, đặt trước cánh cổng ngôi nhà của chính mình, với mục đích trừ tà ma, phòng nguy hại. Sau đó, mọi người chuyển sang khắc tên của hai vị thần nhân này lên tấm gỗ thân cây đào, và coi việc làm đó cũng chính là biểu tượng tượng trưng cho ý nghĩa trừ ma xua tà. Tấm gỗ làm từ thân cây đào sau đó được gọi là "tao fu" (tức tấm gỗ đào).

Cho đến triều đại nhà Tống, mọi người liền bắt đầu viết câu đối dán lên tấm gỗ đào, thứ nhất là không bỏ đi ý nghĩa tấm gỗ đào trừ tà xua ma, thứ hai là biểu đạt được tâm nguyện tốt đẹp của bản thân mình, thứ ba là dùng để trang trí lên cánh cửa với mục đích tạo mỹ quan. Rồi sau đó lại được chuyển sang hình thức viết câu đối trên tấm giấy màu đỏ rực tượng trưng cho ý nghĩa hỷ lộc cát tường. Nhân dịp năm mới đến, dán lên hai bên cánh cửa, dùng để biểu đạt tâm nguyện tốt đẹp cầu mong phúc lộc may mắn cho cả một năm đó của quần chúng nhân dân. Từ đó cho đến hơn một ngàn năm trở về sau, câu đối mùa xuân được xem là một hình thức văn hóa dân gian đặc biệt đậm đà bản sắc, trường tồn bất tử của tất cả mọi người Trung Quốc.

Để cầu nguyện phúc thọ, sức khỏe và bình an cho cả đại gia đình, người dân tại một số nơi vẫn còn lưu truyền phong tục tập quán dân cầu



Tranh "Pháo trúc sinh hoa"
của Ngô Hữu Như.





Lễ tết Trung Quốc

đối khắc hình các vị thần nhân. Nghe truyền lại rằng, khi dán hai vị thần nhân lên cánh cửa chính sẽ gây khó khăn trở ngại cho mọi loài yêu quái ma quỷ. Trong dân gian, các vị thần tiên canh gác trước cửa chính là biểu tượng cho sự công bình và quyền lực. Cha ông thời cổ đại cho rằng, tướng mạo phi thường của con người luôn luôn ẩn chứa sự thông minh phi thường cũng như bản lĩnh phi phạm. Bản tính của họ chính trực lương thiện, bắt giữ ma quỷ và chặn trói ác tà chính là bản năng bẩm sinh và trách nhiệm của họ. Mọi người đều tỏ lòng ngưỡng thờ các vị thần linh xưa quý trừ tà - những vị thần với hình dạng tướng mạo kỳ lạ phi thường đó. Cho nên, các vị thần linh đứng canh gác cổng từ trước tới nay luôn luôn trong bộ dạng dữ dằn, mở to tròn đôi mắt, dáng hình ghê gớm, trên tay cầm các loại vũ khí truyền thống, lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng xông lên chiến đấu với những loài ma quỷ dám chạy qua cánh cổng. Bởi vì cánh cửa chính trong nhà của người Trung Quốc thường thường đều do hai cánh cửa đơn ghép liền vào nhau, cho nên thần trông giữ cửa luôn luôn là hình tượng hai vị thần đứng đối xứng với nhau, trực diện với nhau. Thần trông giữ cửa trong truyền thuyết dân gian mãi mãi là hình tượng khắc ghi hai vị mãnh tướng Tần Thúc Bảo và Úy Trì Kính Đức với công lao bảo hộ cho Đường Thái Tông (589 - 649) trong lúc lâm bệnh nguy nan, và còn là hình tượng hai vị thần nhân có công trừ ma diệt tà tên Thần Đổ và Úc Lũy.

Đốt pháo là hoạt động vui chơi mà con trẻ yêu thích trong thời gian đón mừng Tết Nguyên đán. Tương truyền rằng, đốt pháo tạo tiếng nổ vang có thể góp phần vào việc trừ ma diệt tà, cho nên hàng năm bắt đầu ngay từ đêm giao thừa, khắp mọi nơi đều vang lên âm thanh liên tiếp không ngừng của tiếng pháo nổ giòn giã. Từng chùm pháo hoa, từng chuỗi âm thanh, càng tăng thêm không khí rộn rã náo nức để mừng vui và nghênh chào ngày tết, cũng trở thành một phần cảnh tượng đặc sắc riêng biệt trong quá trình chào đón một năm mới bắt đầu.

Trong thời gian đón Tết Nguyên đán, mỗi một khu vực, mỗi một vùng miền hay địa phương đều có những hoạt động vui chơi giải trí truyền thống mang đậm bản sắc của từng nơi đó, trong đó được coi phổ biến nhất là múa kỳ lân, múa đèn lồng, đua thuyền, leo cột cao. Rất nhiều nơi còn tổ chức các khu **lễ hội chùa chiền**. Lễ hội chùa chiền là một hình thái dân gian truyền thống của người dân Trung Quốc khi nghênh đón năm mới, thông thường bắt đầu từ ngày mùng một kéo dài cho đến tận ngày mùng bảy của tháng đầu tiên trong năm. Trong lễ hội chùa chiền có các chương trình biểu diễn đặc sắc và phong phú, đa dạng như múa rồng, múa



Miếu hội Xưởng Điện - Bắc Kinh.

sư tử, các sản phẩm thủ công với hình thù và chủng loại đa phong cách, và cả ẩm thực địa phương, những điều này đã hấp dẫn hàng ngàn hàng vạn người dân nô nức, phấn khởi chào đón ngày lễ long trọng và ý nghĩa này.

Cùng với sự phát triển của thời đại, tập tục đón năm mới cũng đã có nhiều thay đổi theo thời gian. Ví dụ như, vì mục đích ngăn chặn các đám hỏa thiêu và phòng chống ô nhiễm môi trường, rất nhiều thành phố đã ra quy định nghiêm cấm việc đốt pháo, tuy nhiên vấn đề này không hề ảnh hưởng đến không khí náo nức rộn ràng đón tết của mọi người. Vào đúng đêm giao thừa, nhà nhà người người vẫn giữ tục lệ cũ sum vầy đoàn tụ bên cạnh nhau, vừa ăn bữa cơm tất niên vừa thưởng thức chương trình truyền hình liên hoan nghênh xuân diễn ra vào tối ngày ba mươi tết, chương trình này kéo dài suốt đêm cho đến sáng sớm ngày mừng một của năm mới. Trong tâm trí và tình cảm của tất cả những người con của đất nước Trung Hoa, Tết Nguyên đán mãi mãi là một ngày lễ hội quan trọng nhất.

Căn cứ vào quy định ban hành của nhà nước, mỗi kỳ nghỉ nghênh đón Tết Nguyên đán kéo dài ba ngày. Cộng thêm hai ngày cuối tuần ngay sát trước và sau kỳ nghỉ này, thì tổng cộng được nghỉ thời gian liên tục tất cả bảy ngày.



TẾT NGUYÊN TIÊU

Tên gọi: Tết Nguyên tiêu

Thời gian đón tết: Ngày mười lăm tháng giêng âm lịch

Ngày mười lăm tháng giêng âm lịch được gọi là ngày Tết Nguyên tiêu cổ truyền dân gian của Trung Quốc. Bởi vì tháng giêng còn được gọi là tháng nguyên (tức tháng một), buổi tối ngày mười lăm tháng giêng chính là thời gian trăng trên bầu trời tròn trịa sớm nhất khởi đầu cho cả một năm, "tiêu" có ý nghĩa là "đêm tối", cho nên, ngày lễ này được gọi với tên là Tết Nguyên tiêu. Tết Nguyên tiêu cũng còn có tên gọi khác là Tết Nguyên, Tết Nguyên tịch, Tết Đèn lồng.

Người Trung Quốc có tập tục **thường đèn lồng** vào ngày Tết Nguyên tiêu, chính là câu nói "chơi đèn hoa ngày mười lăm tháng giêng" mà truyền thuyết dân gian Trung Quốc vẫn thường nhắc đến. Phong tục tập quán này khởi nguồn xuất xứ từ "tam nguyên thuyết" của Đạo giáo với nội dung như sau: Ngày mười lăm tháng giêng âm lịch được gọi là Tết Thượng nguyên, ngày mười lăm tháng bảy gọi là Tết Trung nguyên, ngày mười lăm tháng mười thì được gọi là Tết Hạ nguyên. Sự phân biệt Tam Nguyên giữa Thượng - Trung - Hạ lần lượt thành tam quan là "Thiên" (trời), "Địa" (đất), "Nhân" (người). Thiên quan yêu thích vui chơi, hạ lệnh cho đốt pháo trong ngày Tết Thượng nguyên. Ngay từ triều đại nhà Hán đã tồn tại tập tục thả lửa đốt



Niên họa "Cung chúc thường thức Tết Nguyên tiêu", (Ảnh minh họa do Vương Thụy Thôn cung cấp).

đèn lồng trong ngày Tết Nguyên tiêu này. Trải qua sự kế thừa và lưu truyền qua từng triều đại, từng thời kỳ, các hình thức trưng đèn lồng của người dân trong ngày lễ tết này càng ngày càng trở nên đa dạng phong phú hơn, đồng thời nội dung hàm ý tên gọi của các loại đèn lồng cũng từ đó ngày một nhiều hơn, bao gồm đèn gương, đèn phượng, đèn kính v.v.. Người dân ngoài thắp đèn lồng, còn có hoạt động như đốt pháo hoa, pháo bông góp phần tăng thêm không khí náo nhiệt cho ngày lễ hội này, câu nói "cây như chùm lửa dát đầy bạc hoa vây quanh như không từng có buổi đêm" chính là nhằm mục đích hình dung cho cảnh tượng lung linh đẹp đẽ, mỹ lệ của ngày Tết Nguyên tiêu.

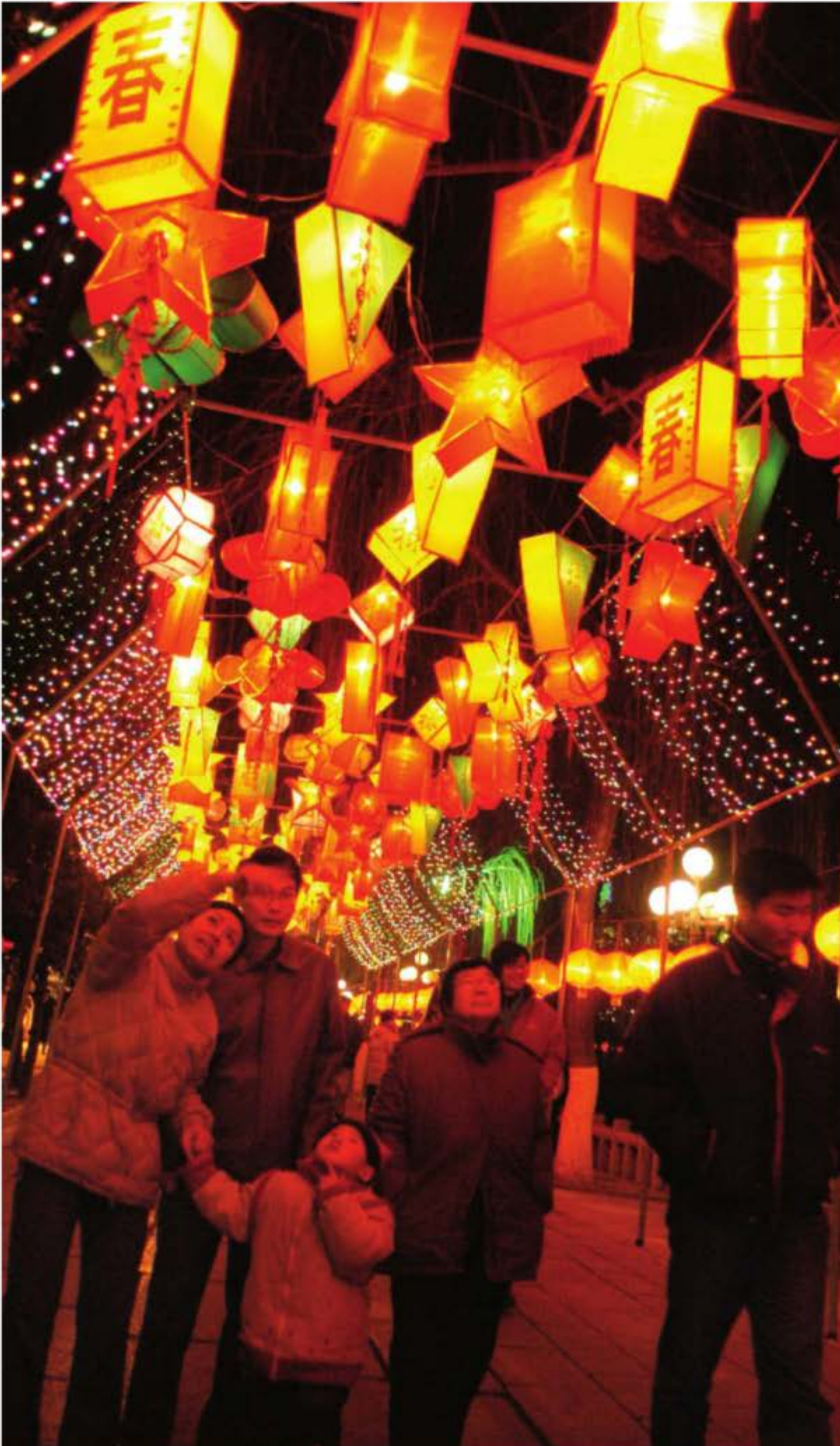
Tết Nguyên tiêu thường ngoạn đèn lồng còn có một trò chơi thanh tao thú vị mang tính văn hóa tri thức khác, đó là trò chơi với tên gọi **đố đoán đèn**. Câu đố về đèn lồng là trò chơi đố chữ mang đậm bản sắc dân tộc Trung Quốc. Người dân cho hình dáng bản chất thật của sự vật hoặc các từ ngữ giấu kín vào trong những vần thơ ca đồng âm hoặc các câu chữ trong đời sống dân gian thường sử dụng đầy mỹ lệ, tao nhã nhưng bề ngoài không có bất cứ một mối liên quan gì đến thứ đã giấu kín đó, viết thành từng dòng chữ dài như câu đối dán lên bề mặt trên đèn lồng, nhằm để cho người thưởng ngoạn tham gia thi tài giải đố; có một số tương tự như trò chơi "dọc ngang đoán chữ" vẫn được đăng tải trên các báo hay tạp chí của người phương Tây. Trò chơi đố đoán chữ xuất hiện sớm nhất tại triều đại nhà Tống. Trong khu vực Lâm An (ngày nay là Hàng Châu) - nơi đóng đô của triều đại Nam Tống (1127 - 1279), mỗi dịp đến ngày Tết Nguyên tiêu này, những thi nhân sáng tác câu đố, tham gia giải đố nhiều vô kể. Bởi vì trò chơi đố chữ vừa hấp dẫn thú vị, thu hút được mọi người tham gia, lại mang đầy tính nhân văn; cho nên trong quá trình lưu truyền cho con cháu đời đời về sau luôn được mọi thành phần, mọi tầng lớp trong xã hội hoan nghênh, hưởng ứng đông đảo.

Tết Nguyên tiêu ăn các **món ăn Nguyên tiêu** chính là tập tục ẩm thực mang đậm bản sắc riêng biệt của ngày Tết Nguyên tiêu. Tương truyền rằng: tập tục này khởi nguồn từ thời kỳ Xuân Thu (khoảng 770 - 476 TCN). Nguyên tiêu còn được gọi là "tang yuan" (tức bánh trôi bánh chay), "yuan zi" (tức bánh tròn), chính là một phương pháp dùng bột xay ra từ gạo nếp nặn thành những hình tròn nhỏ, hoặc để trống rỗng không nhân hoặc trừ lỗ để nhân bên trong. Thành phần nguyên liệu của nhân đa số thường được làm từ đường trắng, bột đậu, quả hạt v.v.. Có thể nấu bằng cách luộc, rán mỡ hay hấp cách thủy đều được. Người Trung Quốc





Lễ tết Trung Quốc



Đại gia đình chiêm ngưỡng ngày Hội Đèn lồng, lưu luyến bồi hồi trong thế giới ngập tràn hoa đăng.



Buổi đêm trong ngày Tết Nguyên tiêu, người cha bế con trai và cùng nhau giải câu đối Hoa Đăng giữa dòng người đông đúc.

yêu thích mọi vật đều tròn trịa, ăn bánh Nguyên tiêu trong buổi tối khi mà trăng tròn vành vạnh vào tháng đầu tiên bắt đầu cho cả một năm, chính là hy vọng rằng các thành viên trong gia đình luôn được đoàn viên, hòa hợp, hạnh phúc và mỹ mãn.

Cùng với dòng thời gian ngày một đổi thay, các hoạt động đón chào ngày Tết Nguyên tiêu càng ngày càng phong phú đa dạng với nhiều hình thức và sắc màu khác nhau. Mỗi độ đến đêm của ngày Tết Nguyên tiêu này, rất nhiều thành phố tiến hành tổ chức lễ hội đèn lồng, triển lãm rộng khắp mọi loại đèn với những sắc màu lung linh, kiểu dáng mới mẻ đa dạng, tư thái và cách chế tạo cũng trăm chiếc ngàn kiểu. Tại các vùng nông thôn thì tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, ví dụ như đốt pháo bông, leo cột cao, thưởng ngoạn đèn lồng. Không ít những địa phương hay vùng miền còn có thêm nhiều hoạt động khác như múa sư tử, thi chèo thuyền, thi ca hát, đánh trống Thái Bình v.v..

TẾT XUÂN LONG

Tên gọi: Tết Xuân long ("Rồng ngẩng đầu" ngày mừng hai tháng hai)

Thời gian đón tết: Ngày mừng hai tháng hai âm lịch

Trong dân gian tương truyền rằng, ngày mừng hai tháng hai hàng năm chính là ngày mà Long Vương - vị thần cai quản mây, mưa, gió bão





Lễ tết Trung Quốc



Niên họa "Rồng ngẩng đầu ngày mừng hai tháng hai".

của thiên đình - ngẩng đầu lên. Từ đó về sau, lượng nước mưa ngày một nhiều hơn rõ rệt. Do đó, ngày này được gọi là "Tết Xuân long" (tức Tết Rồng mùa xuân), hay còn được gọi với tên khác là "Tết long thủ" (tức Tết Đầu rồng). Người dân vùng phía bắc Trung Quốc lưu truyền tương đối thịnh hành câu ngạn ngữ rằng: "ngày mừng hai tháng hai, rồng ngẩng đầu; kho cát chứa lớn thì đầy mãn, kho đựng đồ nhỏ thì ngập tràn".

Mỗi độ đến dịp Tết Xuân long, tại phần lớn các địa phương ở phía bắc Trung Quốc, người người nhà nhà ngay từ sáng sớm đã mang những chiếc đèn lồng đến cạnh miệng giếng hoặc bên bờ những con sông lấy nước, rồi trở về nhà bắt đầu công việc thắp đèn, đốt nhang và cúng vái. Từ thời cổ đại, người dân gọi hình thức lễ nghi này là "Dẫn điển long". Vào ngày lễ này, mọi gia đình đều phải ăn món mì sợi, tượng trưng cho ý nghĩa "rồng ngẩng đầu", hay rán món bánh bột dầu, với ý nghĩa "ăn gan rồng", ngoài ra còn nổ ngô hạt, mục đích cầu nguyện rằng "kim đậu trở hoa, vương long thẳng thiên, mưa thuận gió hòa, ngũ cốc đầy bồ".

Liên quan đến nguồn gốc của ngày Tết Xuân long, trong dân gian vốn lưu truyền một câu chuyện kể như sau: Triều đại nhà Đường, hoàng hậu Võ Tắc Thiên (624 - 705) lên ngôi hoàng đế. Điều này khiến Ngọc Hoàng Đại Đế tức giận, Ngọc Hoàng lệnh cho Long Vương - vị thần quản

công việc phát mưa phát gió khắp non sông bốn bể, trong thời gian ba năm không chuẩn phép giáng mưa xuống cõi trần gian. Long Vương không đành lòng nhìn cảnh chúng sinh tuyệt đường sinh sống, liền kháng lại ý chỉ của Ngọc Hoàng Đại Đế, lặn lã giấu Ngọc Hoàng ban một trận mưa gió lớn xuống cõi trần gian. Ngọc Hoàng biết chuyện, nổi trận lôi đình, trối nốt Long Vương vào dưới một ngọn núi lớn để trừng phạt, trên ngọn núi trối Long Vương có khắc bia chữ, ghi rằng:

Long Vương giáng vũ phạm thiên quy

Đương thụ nhân gian ngàn thu tội

Yếu tướng trọng đặng linh tiêu cách

Trừ phi kim đậu khai hoa thời.

Để cứu giúp vị Long Vương đã có hảo tâm giúp đỡ cho cõi chúng sinh này, nhân dân đã đi khắp mọi nơi tìm kiếm bằng được loại đậu kim đang thời trở bông đó. Cho đến ngày mừng hai tháng hai của năm thứ hai, nhân dân trong quá trình cào hạt ngô phơi khô dưới nắng, tâm trí nảy sinh ra ý nghĩ rằng: hạt ngô này có hình dáng giống hệt hạt đậu kim, rang lên sẽ bung ra và thành bông hoa nở, như vậy thì chẳng phải chính là đậu kim đơm bông hay sao? Thế là người người nhà nhà đem nổ hạt ngô cho nở thành hoa, đồng thời bày biện cẩn thận trong sân vườn thấp nhang cầu khẩn, kính dâng lên thiên đình loại "đậu kim" đã đơm bông này. Long Vương khi ngẩng đầu lên nhìn thấy, biết rằng dân chúng đã cứu giúp mình, liền hướng lên phía Ngọc Hoàng Đại Đế thét vang: "Đậu kim đã đơm bông rồi, mau thả tôi ra!". Ngọc Hoàng Đại Đế đành phải hạ lệnh cho Long Vương trở về thiên đình, tiếp tục công việc ban mưa phát gió cho mọi loài trong cõi trần gian. Từ đó, trong dân gian hình thành nên một thói quen: mỗi độ đến ngày mừng hai tháng hai hàng năm, nhân dân liền đem nổ hạt ngô cho nở thành hoa để ăn.

Kỳ thực, sau tháng hai âm lịch hàng năm, tiết "vũ thủy" cũng chuẩn bị đến, hiện tượng khô hạn ít mưa của mùa đông cũng đã kết thúc, lượng mưa trút xuống trần gian cũng dần dần tăng lên, đây vốn là đặc điểm thời tiết mùa mưa gió của vùng Hoa Bắc - Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu nhìn từ một góc độ khác có thể thấy Tết Xuân long phản ánh tâm nguyện tốt đẹp luôn cầu mong cho mưa thuận gió hòa, ngũ cốc đầy kho của quần chúng nhân dân.





TẾT THANH MINH

Tên gọi: Tết Thanh minh

Thời gian đón tết: Tiết khí thanh minh vào ngày mùng bốn hoặc mùng năm tháng tư dương lịch.

Tết Thanh minh trong phong tục tập quán đón ngày lễ tết lưu truyền cho đến ngày hôm nay của người Trung Quốc là một ngày tết có ý nghĩa đặc biệt không giống với bất kỳ một ngày lễ tết

nào, có thể nói là một ngày đại lễ trong dân gian cổ truyền, vừa là ngày lễ hội lại vừa là ngày tiết khí. Được coi là một trong số hai mươi tư tiết khí, thời gian trải qua tiết thanh minh thường kéo dài khoảng một trăm linh bảy ngày sau Đông chí, mười lăm ngày sau xuân phân, trước hoặc sau ngày mùng năm tháng tư dương lịch, tiết thanh minh chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong sự giao hòa biến đổi của các tiết mùa trong cả một năm. Nói đến Tết Thanh minh, thì phải kể đến khởi nguồn về một ngày lễ tết vô cùng thịnh hành và quen thuộc trong đời sống của người Trung Quốc thời cổ đại nhưng sau này đã bị thất truyền - Tết Hàn thực. Hàn thực bắt đầu trước Thanh minh khoảng một đến hai ngày, còn được gọi với tên "Tiết lạnh" (tức tiết trời lạnh), "Tiết cấm yên" (tức tết cấm hun khói). Truyền thuyết kể lại rằng, Tết Hàn thực nhằm mục đích tưởng niệm vị quan thần trung với nước hiếu với vua mang tên Giới Tử Suy trong thời kỳ Xuân Thu.

Tết Thanh minh, từng đoàn học sinh, sinh viên xếp thành hàng dài dâng hoa tri ân các anh hùng liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ.



Tào mộ triều đại nhà Minh, Thanh.



Giới Tử Suy là hiền thần của triều đại nhà Tấn, được ban lệnh phục tùng, bảo vệ cho công tử Trọng Nhĩ. Khi nước Tấn xảy ra nội loạn, công tử Trọng Nhĩ bất đắc dĩ phải chạy trốn ra nước ngoài ẩn dật. Giới Tử Suy bất chấp mọi khó khăn gian khổ, tháp tùng vị công tử mới mười chín tuổi, đã từng xẻo thịt của chính đùi mình nấu canh cho công tử Trọng Nhĩ ăn. Sau khi Trọng Nhĩ lên ngôi vua, ngay lập tức ban thưởng cho các vị công thần đã có công tháp tùng ông trong quãng thời gian lưu lạc gian nan vất vả đương thời, thế nhưng riêng trường hợp của Giới Tử Suy thì ông lại quên luôn. Có rất nhiều người tỏ thái độ bất bình, không tâm phục khẩu phục cách nhà vua đối xử với Giới Tử Suy, còn khuyên ông nên ban thưởng cho Giới Tử Suy trước toàn thể các quan đại thần. Thế nhưng Giới Tử Suy lại coi thường nhất những kẻ chỉ biết tranh công cướp thưởng, nên ông dọn dẹp cẩn thận mọi hành lý rồi âm thầm cùng mẹ đi vào vùng rừng sâu núi cao sống cuộc đời ở ẩn dật từ đó.

Sau khi Tấn Văn Công biết chuyện, hổ thẹn không kể xiết, muốn đích thân kéo thêm tùy tùng cùng đi tìm Giới Tử Suy cho bằng được. Thế nhưng rừng sâu núi cao dậm trường hiểm nguy, cây cối rậm rạp phong tỏa, để tìm được hai con người này đâu phải là việc có thể làm được dễ dàng. Có người còn hiến kế rằng, cho đốt lửa để khắp núi khắp rừng cháy bùng lên dữ dội, ắt sẽ ép được Giới Tử Suy thoát ra ngoài tránh lửa. Tuy nhiên sau khi đại hỏa đã đốt trọn cả một ngọn núi, lại chẳng nhìn thấy bóng hình của Giới Tử Suy nơi đâu. Khi lửa đã tắt, mọi người mới phát hiện ra cảnh tượng Giới Tử Suy công phụ mẫu ngồi dưới một gốc cây liễu cổ thụ và bị thiêu cháy cho đến chết, đồng thời từ trong thân cây có một lỗ nhỏ giấu một bức thư viết bằng máu. Giới Tử Suy đã nói trong bức huyết thư này rằng, bản thân ông đã tự tay xẻo thịt của chính mình để hiến dâng lên vua, đã gắng hết sức có thể để làm trọn đạo nghĩa của một vị quan thần rồi, vua hà tất phải tìm lại ông nữa. Nếu vua có thể luôn luôn hối cải, tự xem xét lại bản thân, vì dân vì triều đình anh minh chính trực, vậy thì ông dù ở nơi chín suối kia cũng được thanh thản nhẹ nhàng mà nhắm mắt xuôi tay rồi.

Để tưởng niệm Giới Tử Suy vì oan uổng mà chết thảm như vậy, Tấn Văn Công hạ lệnh quy định ngày này thành ngày "Hàn thực tiết", cũng chính là ngày tưởng nhớ và ăn các món ăn lạnh, hiệu triệu cả nước nghiêm cấm phóng hỏa. Năm thứ hai sau đó, Tấn Văn Công dẫn quần thần leo núi cúng vái tưởng niệm Giới Tử Suy, phát hiện thấy cây liễu cổ đại ngày ấy giờ đã đâm chồi nảy lộc tươi mới, liền đặt tên cây là "liễu thanh minh", đồng thời gọi ngày cuối cùng trong tiết Hàn thực là tiết Thanh minh.





Niên Họa "Xuân Phong Đắc Ý".

Tết Thanh minh chính là tiết mùa xuân với nắng ấm tươi sáng, không khí trong lành thanh tịnh, nhân dân có tập tục **quét dọn mồ mả cúng thờ tổ tông** và **dã ngoại cắm liễu cầu may**.

Người Trung Quốc có truyền thống tốt đẹp và mang đậm nét đạo nghĩa là kính lão, đối với những bậc tiên nhân đã khuất thì lại càng được tôn kính và tưởng niệm hơn. Do vậy, mỗi độ đến ngày Tết Thanh minh này, người người nhà nhà đều đến các vùng miền ngoại ô để dọn dẹp mồ mả, thờ cúng tổ tiên. Người dân tiến hành diệt trừ cỏ dại, đắp thêm đất mới cho những ngôi mộ của người đã khuất, rồi thắp nén hương và bày biện đồ ăn thức uống cũng như tiền giấy lên trước ngôi mộ, với mục đích biểu thị tâm nguyện và lòng thành kính của con cháu đối với tổ tông. Ngày nay, nhân dân hưởng ứng lời hiệu triệu của nhà nước và chính phủ, các hình thức liệm khấn cũng xuất hiện rất nhiều những thay đổi cho phù hợp hơn. Bỏ hình thức thổ táng, thực hiện hình thức hỏa táng; sau khi thực hiện hình thức mới này, các ngôi mộ tại các khu đất trống không nhiều thêm. Tuy nhiên, mỗi khi đến ngày lễ tết này, người dân vẫn áp dụng vô số những phương thức với nhiều nội dung và hình thức biểu hiện không giống nhau để tưởng niệm tổ tiên của gia đình mình, hoặc là tổ chức hoạt

động quét dọn sạch sẽ cho các linh mộ liệt sĩ, tưởng nhớ công lao đối với các bậc tiền nhân đã hy sinh vì non sông đất nước. Nhân dân hội tụ đông đảo trước các khu nghĩa trang liệt sĩ, dâng lên những chùm hoa hay những vòng hoa tươi, gửi gắm tâm nguyện báo ơn báo nghĩa đối với các bậc liệt sĩ anh hùng.

Vào thời gian đón Tết Thanh minh, thời tiết trở nên ấm áp hơn, cây cối đâm chồi nảy lộc tươi xanh, nơi nơi đều đậm một màu xanh mướt của hoa lá cỏ cây, đây cũng chính là dịp mà các hộ gia đình tổ chức chuyến dã ngoại vui chơi giải trí. Người dân thường cùng nhau tổ chức các cuộc vui chơi thưởng ngoạn trong tiết trời xuân ấm áp tại các vùng ngoại ô, cùng hít thở không khí trong lành mới mẻ, chiêm ngưỡng bầu trời trong xanh, cây cối xanh tốt, cỏ hoa rực rỡ. Tập tục dạo chơi ngoài vùng ngoại ô của người Trung Quốc thời cổ đại được gọi là "dã ngoại", cho nên Tết Thanh minh cũng được gọi là "Tết Dã ngoại". Người dân còn ngắt những cành liễu xanh cắm lên mái tóc nhằm mục đích xua tà đuổi ma, phòng tránh họa nạn, cầu nguyện được bình an vô sự và hạnh phúc, hoạt động này được gọi là "cắm liễu cầu may". Thời cổ xưa, người Trung Quốc còn thịnh hành một tập tục khác nữa là dã ngoại chọn rau kỷ (tên một thứ cỏ, hoa trắng, khi còn non có thể ăn được; dùng để làm thuốc giải nhiệt, lợi niệu, cầm máu). Phong tục tập quán đó hiện nay vẫn tiếp tục được lưu truyền. Mỗi dịp đến thời gian ngay trước hoặc sau tiết Thanh minh, luôn có các thiếu nữ, phụ nữ đi dã ngoại, ngắt vài cành rau kỷ tươi non mang về làm nhân bánh sủi cảo, làm nhân bánh trôi bánh chay, hương vị thanh thơm ngon, còn mang mùi vị hoang dã mới mẻ. Một số chị em phụ nữ còn yêu thích và cắm những bông rau kỷ nhỏ nhắn xinh xắn lên búi tóc của mình.

Trong thời gian đón Tết Thanh minh, người dân còn thịnh hành cả tập tục thả diều, bơi sông, đánh đu. Thời gian này vừa đúng là tiết mùa tốt nhất khi đang dịp trồng cây gieo hạt trong nông vụ của nhân dân. Trong những câu ngạn ngữ ở các miền quê, có không ít câu nói về tiết Thanh minh và mùa màng nông vụ, ví dụ như "Thanh minh tiền hậu, chủng qua chủng đậu" (tức trước sau Thanh minh, trồng dưa trồng đậu). Tết Thanh minh trong đời sống cổ đại của cha ông thời xưa còn thịnh hành hoạt động cắm liễu trồng cây, có câu thơ được lưu trong các tác phẩm thơ văn cổ xưa như "Mãn nhai dương liễu lục như yên, hoạch xuất Thanh minh tam nguyệt thiên" (tức dương liễu trên khắp mọi nẻo đường xanh mướt như khói, đánh dấu ngày Tết Thanh minh tháng ba).

Căn cứ vào quy định ban hành của nhà nước Trung Quốc, bắt đầu từ năm 2009, mỗi năm đến dịp Tết Thanh minh người dân sẽ được nghỉ lễ, thời gian một ngày.





TẾT ĐOAN NGỌ

Tên gọi: Tết Đoan ngọ

Thời gian đón tết: Ngày mùng năm tháng năm âm lịch

Có rất nhiều cách giải thích về nguồn gốc của ngày Tết Đoan ngọ, một trong số những cách giải thích có ảnh hưởng quảng đại trong đời sống quần chúng nhân dân là thuyết tưởng niệm Khuất Nguyên. Thuyết tưởng niệm Khuất Nguyên được coi là câu chuyện phổ biến thịnh hành nhất trong tâm trí mọi tầng lớp nhân dân Trung Quốc cho đến tận ngày hôm nay.

Khuất Nguyên (340 - 278 TCN) là người nước Sở thời Chiến Quốc. Trong bảy triều đại của thời Chiến Quốc gồm triều Tề, triều Sở, triều Yên, triều Hàn, triều Triệu, triều Ngụy, triều Tần thì Tần quốc được coi là mạnh nhất, lớn nhất, luôn có ý đồ thôn tính sáu triều còn lại nhằm thống nhất, xưng bá thiên hạ. Khuất Nguyên là một vị đại phu sống trong nước Sở, rất có tài năng, được Sở Hoài Vương vô cùng trọng dụng. Khuất Nguyên chủ trương cải cách nền chính trị nước Sở, liên hợp các nước với nhau, cùng đồng tâm hiệp lực chống lại Tần quốc. Tuy nhiên, chủ trương này của Khuất Nguyên lại vấp phải sự phản đối của các quan trong triều đình, họ đã rắp tâm bôi xấu Khuất Nguyên trước mặt Sở Hoài Vương cũng như với vị vua kế thừa ngôi vị của Sở Hoài Vương sau đó là Đôn Nhược Vương. Trong vòng vây mê hoặc của bọn gian thần trong triều đình, Sở Hoài Vương nhu nhược bắt tài đã dần dần xa lánh Khuất Nguyên, hơn nữa còn ra lệnh đuổi Khuất Nguyên đi ra khỏi nước Sở. Khuất Nguyên sau khi rời khỏi vương triều vẫn hoài niệm và quan tâm nghe ngóng đến vận mệnh của đất nước.

Về sau, khi ông nghe thấy tin tức truyền rằng nước Sở đã bị nước Tần đánh bại và chiếm đóng, trong lòng phẫn nộ căm giận khôn nguôi, ngay lập tức nhảy xuống dòng sông Mịch La tự vẫn, kết thúc sinh mệnh của bản thân mình. Ngày Khuất Nguyên tự vẫn chính là ngày mùng năm tháng năm âm lịch năm 278 TCN.



Mại Xương Phổ Thảo. Ảnh minh họa do Lý Lộ Lộ cung cấp.





Hoạt động đua thuyền rồng tại Hồng Kông.

Quần chúng nhân dân sau khi biết tin Khuất Nguyên nhảy xuống sông quyền sinh đã vô cùng đau thương cảm động, đều vội vàng chèo thuyền ra sông tìm kiếm Khuất Nguyên, thế nhưng tìm mãi vẫn không thấy thi thể của ông. Để cho tôm cá không rìa được thi hài của Khuất Nguyên, dân chúng còn thả thức ăn xuống lòng sông làm mồi cho tôm cá. Từ đó về sau, mỗi độ đến ngày này, dân chúng đều tổ chức chèo thuyền rồng trên lòng sông, lòng hồ với mục đích tưởng niệm Khuất Nguyên, đồng thời còn cho gạo vào bên trong các ống trúc rồi đặt xuống lòng sông để tưởng nhớ ông. Truyền thuyết kể lại rằng, vào một dịp nọ, có người đã nhìn thấy linh hồn Khuất Nguyên hiện lên, Khuất Nguyên nói với người đó rằng: "Các thức ăn mà mọi người dành cho tôi đều bị rồng ăn hết mất rồi, sau này có thể thay đổi phương thức đựng thực phẩm bằng cách cho lá bọc vào bên trong các lòng ống, rồi buộc các sợi chỉ màu sắc sặc sỡ bao quanh, rồng sợ nhất là hai loại đó này". Từ đó, người dân liền lấy gạo nếp bọc lá trúc bên ngoài nấu chín thành bánh chưng để tưởng niệm Khuất Nguyên, và cũng từ thời điểm đó, bánh chưng trở thành thực phẩm truyền thống dùng trong ngày Tết Đoan ngọ.





Lễ tết Trung Quốc

Một truyền thuyết nữa giải thích nguồn gốc của Tết Đoan ngọ có liên quan đến nhân vật lịch sử mang tên Ngũ Tử Tư. Ngũ Tử Tư (? - 484 TCN) là người nước Sở thời Chiến Quốc. Bởi vì phụ thân và huynh đệ của ông đều bị vua Sở ra lệnh giết chết, nên ông chạy sang nước Ngô, giúp Ngô phạt Sở, đột kích thành đô Sở quốc, đào thi hài Sở Vương đã yên nghỉ từ trong lòng mộ lên, băm thi hài thành ba trăm mảnh. Sau đó, khi nước Ngô và nước Việt giao chiến, Ngũ Tử Tư khuyên can Ngô Vương từ chối kiến nghị cầu hòa của nước Việt, nhưng Ngô Vương lại nghe lời các gian thần nịnh nọt, ban cho Ngũ Tử Tư thanh bảo kiếm, lệnh yêu cầu Ngũ Tử Tư tự sát. Ngũ Tử Tư nói với dân chúng rằng: "Sau khi tôi chết, hãy moi đôi mắt của tôi rồi treo lên trên thành đông kinh đô nước Ngô, để tận mắt được nhìn thấy quân đội nước Việt tràn thành diệt Ngô". Sau đó ông liền tự sát. Ngô Vương sau khi biết chuyện tỏ thái độ căm tức phần nộ khôn nguôi, hạ lệnh đem thi thể Ngũ Tử Tư bọc chặt vào trong lớp da rồi ném xuống lòng sông đúng ngày mùng năm tháng năm của năm đó. Do vậy, tương truyền rằng về Tết Đoan ngọ cũng chính là ngày người dân tổ chức tưởng niệm Ngũ Tử Tư.

Cách giải thích thứ ba về nguồn gốc xuất xứ của Tết Đoan ngọ là nhằm mục đích tưởng niệm người con gái hiếu nghĩa tên Tào Nga thời kỳ Đông Hán (25 - 220). Phụ thân của Tào Nga bị chết đuối dưới lòng sông, rất nhiều ngày tháng sau vẫn không tìm thấy thi hài của ông. Đương thời, Tào Nga mới chỉ khoảng mười bốn tuổi, cô đã men theo bờ sông khóc lóc thảm thiết suốt ngày đêm, rồi đến ngày mùng năm tháng năm cũng tự vẫn theo phụ thân, năm ngày sau đó người ta tìm thấy thi hài cô đang ôm lấy thi hài phụ thân của mình. Để tưởng nhớ đến người con hiếu đạo vẹn toàn Tào Nga, người dân đã cùng nhau lập nên ngôi mộ mang tên Tào Nga ngay nơi cô đã đến rồi tự vẫn. Thôn quê mà cô đã sống đương thời đổi tên thành "thôn Tào Nga", nơi phụ thân của Tào Nga ra đi cũng được đặt tên thành "Tào Nga Giang" (tức sông Tào Nga).

Tết Đoan ngọ là một phong tục tập quán lâu đời đã lưu truyền từ hơn hai ngàn năm và kéo dài cho đến tận ngày nay. Xét về phương diện tổng thể mà nói, tập tục của người dân tại khắp các vùng miền đón Tết Đoan ngọ về mặt cơ sở chung đều tương đồng với nhau, ví dụ như họ đều tổ chức các hoạt động tưởng



Lá Bánh chưng.



Bánh chưng.

niệm ngày lễ tết này như: Thi chèo thuyền rồng, ăn bánh chưng, cúng vái cầu nguyện, nhét lá ngải và lá cây thạch sùng bỏ vào trong ống đựng thực phẩm thờ cúng v.v..

Thi chèo thuyền là một hoạt động diễn ra trên sông nước với truyền thống lịch sử lâu đời của người Trung Quốc, có một số nơi còn gọi thành "Chèo thuyền rồng" hoặc với tên gọi khác như "Đua thuyền". Tập tục thi chèo thuyền trong thời gian đón ngày Tết Đoan ngọ thịnh hành tại lưu vực sông Trường Giang bên mạn hướng Nam Trung Quốc. Vào thời vua Càn Long năm thứ hai mươi chín triều đại nhà Thanh (năm 1736), Đài Loan cũng bắt đầu tổ chức các cuộc thi chèo thuyền rồng. Đương thời, tri phủ Đài Loan là Tưởng Nguyên Quân đã từng chủ trì cuộc thi biểu tượng cho tình hữu nghị tại thành phố Đài Nam. Ngày nay, Đài Loan và Hồng Kông đều cho tổ chức cuộc thi chèo thuyền rồng vào đúng ngày mừng năm tháng năm âm lịch hàng năm. Ngoài ra, đua thuyền rồng còn lần lượt được kế thừa và lưu truyền rộng rãi đến các quốc gia khác như Nhật Bản, Việt Nam. Năm 1980, cuộc thi chèo thuyền rồng được xếp vào danh sách các hạng mục thi đấu thể dục thể thao quy mô tầm cỡ quốc gia của Trung Quốc, hàng năm đều tổ chức cuộc thi chèo thuyền mang tên "Tưởng niệm Khuất Nguyên". Ngày 16 tháng 06 năm 1991 (tức ngày mừng năm tháng năm âm lịch), đã tổ chức thành công cuộc thi chèo thuyền rồng quốc tế lần đầu tiên tại thành phố Nhạc Dương tỉnh Hồ Nam - nơi quê hương thứ hai của Khuất Nguyên. Trước khi cuộc thi bắt đầu diễn ra, mọi người đã tiến hành hoạt động vừa bảo tồn tinh hoa văn hóa cổ truyền vừa phối thêm vào trong đó những nhân tố hiện đại của thời đại ngày nay như "Tết long thủ". "Long Thủ" (đầu rồng) được khiêng vào trong đền thờ Khuất Nguyên, sau khi các vận động viên tham gia tiến hành nghi thức "cúng tế Long Thủ" (buộc dây ruy băng màu đỏ), trọng tài chính trong cuộc thi đấu sẽ tuyên bố nội dung thi đồng thời tiến hành "khai quang" cho Long Thủ (nghĩa là làm cho trời quang mây tạnh). Sau đó, toàn thể các vận động viên tham gia cuộc thi chèo thuyền này sẽ khấu đầu ba lạy, long thủ sẽ được khiêng ra lòng sông Mịch La, tiến hành trận thi đấu chèo thuyền rồng sôi động náo nhiệt. Cuộc thi đấu mang tầm cỡ quốc tế được tổ chức lần đầu tiên này thu hút đến hơn sáu trăm ngàn người, số lượng đông đảo nhất từ trước tới nay.

Tết Đoan ngọ **ăn bánh chưng**, là một tập tục cổ truyền vô cùng có ý nghĩa của nhân dân Trung Quốc. Bánh chưng đã có từ lâu đời, có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc của loại bánh này. Theo truyền thuyết, ngay từ thời kỳ Xuân Thu đã xuất hiện hình dạng nguyên thủy



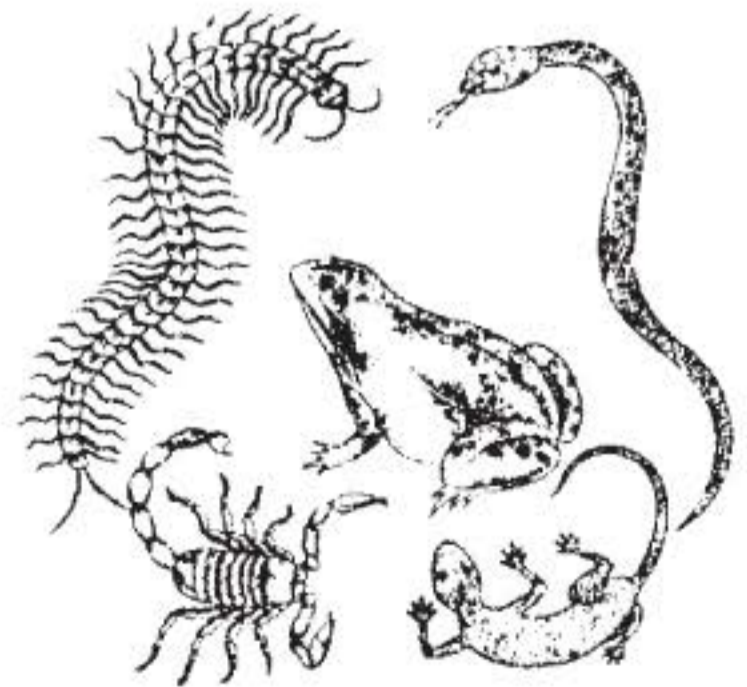


Lễ tết Trung Quốc

của chiếc bánh chưng, được làm từ gạo nếp bên ngoài gói bằng lá niễng buộc chặt thành hình dáng sừng bò, gọi là "bánh nếp sừng bò"; cho gạo nếp vào trong ống trúc rồi bịt kín đầu lại đem luộc cho chín, gọi là "bánh chưng ống".

Triều đại nhà Tấn (265 - 420), bánh chưng được chính thức trở thành thực phẩm ăn trong ngày Tết Đoan ngọ. Đến thời kỳ Nam Bắc triều xuất hiện nhiều loại bánh chưng hỗn hợp khác, cho các loại thịt vào trong gạo, hoặc nhân hạt dẻ, táo đỏ, đậu đỏ v.v.. thành phần nguyên liệu đa dạng phong phú. Đồng thời, bánh chưng còn có thể làm món quà biếu tặng cho người thân họ hàng trong gia đình. Cho đến triều đại nhà Đường, thành phần gạo bên trong bánh chưng đã trở thành "bạch bảo như ngọc" (tức thứ quý trắng bóng như ngọc), trong đó các loại hình dáng của bánh chưng cũng nhiều vô kể như: hình búa liềm, hình thoi... Trong các tài liệu lịch sử của Nhật Bản cũng ghi chép về "bánh chưng triều đại nhà Đường". Trong triều đại nhà Tống, đã xuất hiện "bánh chưng mật", được làm từ các thành phần quả hạt, về điều này, thi nhân Tô Đông Pha còn có câu thơ nổi tiếng rằng "Thời vụ tung lý kiến dương mai". Trong thời kỳ triều đại nhà Nguyên (1206 - 1368) và triều đại nhà Minh, các thành phần nguyên liệu được sử dụng để gói bánh chưng đã thay đổi từ loại lá niễng sang loại lá tre (lá trúc), sau đó lại xuất hiện thêm loại lá cây lau sậy dùng để gói bánh chưng; các thành phần nguyên liệu phụ cũng đã xuất hiện thêm những loại mới như: bột đậu, thịt heo, hạnh tùng, nhân táo, hồ đào v.v.. chủng loại ngày càng trở nên phong phú đa dạng hơn.

Cho đến tận thời đại ngày hôm nay, mỗi độ đến đầu tháng năm âm lịch hàng năm, quần chúng nhân dân Trung Quốc đều tiến hành ngâm gạo nếp, rửa lá và gói bánh chưng, trong đó chủng loại và sắc màu mang những nét phong phú đặc sắc riêng. Xét về góc độ nguyên liệu làm nhân bánh, người dân miền Bắc phần lớn dùng nhân táo giống như bánh chưng nhân táo của người Bắc Kinh, còn các vùng miền phía Nam thì lại dùng nhiều chủng loại nhân bánh như: đậu sa, thịt, xúc xích, lòng đỏ trứng gà v.v.. trong đó loại bánh đại diện cho cả vùng miền khu vực này là bánh chưng Gia Hưng thuộc tỉnh Chiết Giang. Tập tục ăn bánh chưng trong đời sống người dân Trung Quốc



Ngũ Độc Đố. (Ảnh minh họa do Lý Lộ Lộ cung cấp).

được thịnh hành từ hàng ngàn năm lịch sử cho đến ngày nay vẫn không hề mai một, thậm chí còn phổ biến rộng rãi đến khắp các nước khác như Nhật Bản, Triều Tiên và các quốc gia vùng Đông Nam Á.

Trong dân gian tương truyền lại rằng: "Thanh minh thắp liễu, Đoan ngo thắp ngải" (tức dùng lá liễu trong Tết Thanh minh, dùng lá ngải trong Tết Đoan ngo). Tín ngưỡng dân gian cho rằng, tháng năm là tháng độc, là thời gian các chủng loại côn trùng bao gồm các loại côn trùng nguy hại sinh sôi nảy nở, chúng sẽ phá hoại mùa màng. Trong thời gian đón Tết Đoan ngo, người dân lưu truyền tập tục sử dụng lá cây ngải và lá cây thạch xương bồ, tập tục này đã trở thành một trong những nội dung quan trọng trong dịp tết Đoan Ngo. Người người nhà nhà đều dọn dẹp sạch sẽ gọn gàng nhà cửa, rồi cắm lá cây ngải và lá cây thạch xương bồ lên trên đỉnh cánh cổng hay trên bàn thờ trong nhà với mục đích trừ tà xua ma, phòng trừ dịch bệnh. Lá cây rau ngải hay còn được gọi là ngải gia, ngải cao; thân và lá cây rau ngải đều có tác dụng chống gió độc và tỏa mùi hương đặc trưng. Cây rau ngải vốn dĩ có thể tỏa ra mùi hương thơm đặc biệt không giống với bất cứ một loại cây khác nào, có thể xua đuổi ruồi, muỗi, kiến, thanh lọc không khí cho trong lành. Cây thạch xương bồ là loại cây thực vật lá có hình dáng dài và nhỏ hẹp cũng chứa lượng tinh dầu bên trong, cũng có khả năng tỏa ra mùi hương thơm đặc biệt; đồng thời là loại thuốc trong thế giới tự nhiên có nhiều tác dụng như: làm lành vết thương, làm chắc xương, chống sưng tấy, diệt côn trùng hay vi khuẩn gây dịch bệnh. Có thể thấy rằng, việc cắm lá cây rau ngải và lá cây thạch xương bồ của người Trung Quốc thời cổ đại đều chứa đựng những hàm ý phòng chữa bệnh tật nhất định trong cuộc sống. Tết Đoan ngo cũng chính là "Tết Vệ sinh" lưu truyền từ thời xa xưa cho đến tận ngày nay.

Chung Đạo bắt yêu ma cũng là một phong tục tập quán có ý nghĩa đặc biệt của người dân trong ngày Tết Đoan ngo. Tại các khu vực miền Giang Hoài, người người nhà nhà đều treo hình vẽ chân dung Chung Đạo với mục đích xua đuổi tà ma cho cư dân sống trong vùng. Giải thích về nguồn gốc của việc treo hình vẽ Chung Đạo, tương truyền rằng: Đường Huyền Tông (685 - 762) mắc phải bệnh sốt rét đã từng mơ thấy một con quỷ lớn và một con quỷ nhỏ, một to một nhỏ rượt đuổi nhau trong cung điện. Tên ác quỷ nhỏ mặc bộ đồ màu đỏ, ăn cắp lọ nước hoa của Dương Quý Phi và chiếc sáo ngọc của hoàng đế, rồi tháo chạy ra khỏi hoàng cung. Còn con quỷ to kia lại mặc chiếc áo màu xanh





Lễ tết Trung Quốc

lam và đầu đội mũ, đuổi bắt lấy tên ác quỷ nhỏ, moi đôi mắt của nó ra rồi ngay lập tức nuốt vào trong bụng mình. Đường Huyền Tông lạ lắm truy hỏi thì con quỷ lớn liền đồng dục trả lời ông rằng: "Thần họ Chung Đạo, võ thuật vô địch, cam tâm tình nguyện trừ phù thủy, yêu quái cho bệ hạ". Hoàng đế sau khi tỉnh dậy, căn bệnh sốt rét ngày một giảm đi, liền ban lệnh cho họa sĩ Ngô Đạo Tử căn cứ theo hình dáng ông đã nhìn thấy con quỷ trong giấc mơ của mình và vẽ thành bức tranh con quỷ Chung Đạo xua trừ yêu ma, đồng thời còn hạ lệnh tất cả mọi người dân trong thiên hạ đều phải đồng nhất dán bức họa Chung Đạo trong ngày Tết Đoan ngọ với mục đích trừ ma diệt tà.



Niên họa "Chung Đạo".

Uống rượu Hùng Huỳnh: Tập quán uống rượu Hùng Huỳnh rất thịnh hành tại các gia đình vùng lưu vực sông Trường Giang. Rượu Hùng Huỳnh chính là loại rượu trong đó được cho thêm thành phần nguyên liệu thuốc Hùng Huỳnh. Hùng Huỳnh là một loại làm từ khoáng sản kim loại với thành phần chiết xuất trong đó có hợp chất Arsenium Sulfate, có tác dụng diệt trừ côn trùng, vi khuẩn gây bệnh và giải độc tố. Trong câu chuyện mang tên "Bạch Xà truyện" (tức truyền thuyết về trăn trắng) có Nương Tử Bạch Xà đã uống rượu Hùng Huỳnh vào đúng ngày Tết Đoan ngọ rồi sau đó bị hiện nguyên hình nguyên trạng. Do vậy dân gian cho rằng các loại côn trùng có hại gây bệnh như rắn, rết, bọ cạp v.v.. đều có thể được tiêu trừ bởi loại rượu mang tên Hùng Huỳnh này. Uống rượu Hùng Huỳnh trong ngày Tết Đoan ngọ có thể trừ tà ma, giải độc, bảo vệ cơ thể được khỏe mạnh.

Đeo túi thơm: Ngày Tết Đoan ngọ còn phổ biến tập tục đeo túi thơm, truyền thuyết kể lại rằng việc đeo túi thơm có ý nghĩa trừ tà ma, phòng chống dịch bệnh, trên thực tế chính là một loại trang sức dùng để

“Bạch Xà truyện” là một trong bốn đại truyền thuyết dân gian của Trung Quốc, khởi nguồn từ triều đại nhà Tống. Trong câu chuyện này, yêu tinh hổ mang Bạch Tố Trâm (Bạch Nương Tử) ngàn năm tuổi và thư sinh Hứa Tiên đã yêu thương và kết hôn cùng nhau, tuy nhiên bị hòa thượng Pháp Hải trong Kim Sơn Tự phát hiện và bị lộ tẩy thân phận. Hứa Tiên y lời dặn dò của Pháp Hải, đã cho Bạch Nương tử uống rượu Hùng Huỳnh vào ngày Tết Đoan ngọ, nên hiện ra đúng nguyên hình là con bạch xà, Hứa Tiên quá sợ hãi mà chết đi. Bạch Nương đã ăn cắp thảo tiên cứu sống Hứa Tiên, rồi cùng con gái của mình tên là Tiểu Thanh (Thanh Xà Tinh) giao chiến với Kim Sơn Tự, sau khi thất bại đã bị giam giữ dưới ngọn tháp Lôi Phong. Khi con trai của Bạch Nương Tử trưởng thành, đã cứu mẹ thoát ra. Các bản kịch căn cứ theo chủ đề câu chuyện này được sáng tác dưới nhiều hình thức và được phổ biến rộng rãi trong đời sống của nhân dân.

điểm tô trên các loại trang phục quần áo. Trong túi thơm có các loại thành phần nguyên liệu như chu sa, hoàng huỳnh, dầu thơm v.v., bên ngoài có bọc vải tơ sau đó dùng những sợi chỉ với những màu sắc rực rỡ buộc chặt túi thơm thành những hình thù, kiểu dáng đa dạng phong phú, kết thành một chuỗi dài, tỏa hương ngọt ngào, đáng yêu.

Từ đó cho đến ngày hôm nay, Tết Đoan ngọ đã phát triển thành một ngày lễ tết long trọng được phổ biến rộng khắp trong đời sống nhân dân Trung Quốc; hơn nữa, câu chuyện kể trong dân gian với tính chất thần thoại càng góp phần tăng thêm sức sống mãnh liệt trong chặng đường lịch sử dài hàng ngàn năm của Trung Quốc.

Bắt đầu từ năm 2009 trở đi, Tết Đoan ngọ hàng năm sẽ được nghỉ phép trong thời gian một ngày.



Các mẫu hình và chủng loại của túi thơm.





TẾT THẤT TỊCH (TANABATA)

Tên gọi: Tết Thất tịch (Tanabata)

Thời gian đón tết: Ngày mùng bảy tháng bảy âm lịch

Ngày mùng bảy tháng bảy âm lịch là ngày Tết Thất tịch trong dân gian của người Trung Quốc. Tương truyền rằng ngày này chính là ngày đoàn tụ sum vầy giữa Khiên Ngưu Tinh và Chức Nữ Tinh. Trong đó được phổ biến rộng rãi và lưu truyền từ ngàn đời cho đến nay đến câu chuyện tình yêu đẹp đẽ, cảm động lòng người giữa Ngưu Lang và Chức Nữ.

Tương truyền từ thời xa xưa, gia trang Tây Ngưu thành Nam Dương thuộc tỉnh Hà Nam có một người con trai thông minh, trung hiếu tên là Ngưu Lang. Song thân phụ mẫu đều đã qua đời, Ngưu Lang đành phải sống cùng với anh trai và chị dâu. Người chị dâu bản tính độc ác xấu xa, thường xuyên hành hạ và bắt Ngưu Lang phải làm rất nhiều công việc, sau cùng còn nhẫn tâm đuổi anh ra khỏi nhà. Người con trai cô đơn, khổ nhọc không nơi nương tựa này chỉ có một chú bò già bầu bạn với anh. Đột nhiên đến một ngày, chú bò già nói với Ngưu Lang rằng: "Ngày mai là ngày mùng bảy tháng bảy, bảy tiên nữ - con gái của Thiên Đế sẽ giáng trần đến cõi nhân gian để tắm gội. Trong số đó, tiên nữ nhỏ tuổi nhất tên là Chức Nữ có trái tim nhân hậu nhất và khéo léo nhất, anh lấy quần áo của tiên nữ đó rồi đem giấu đi, tiên nữ ấy có thể sẽ trở thành vợ của anh". Sau khi nghe lời của chú bò già, Ngưu Lang liền cảm động và quyết tâm làm thử một phen xem sao.

Tranh "Ngưu Lang Chức Nữ"
của Hữu Như.



Đến đúng ngày mừng bảy tháng bảy này, Ngưu Lang trốn trong bụi cây cỏ lau bên cạnh một bờ hồ đợi chờ. Chẳng bao lâu sau, anh nhìn thấy bảy tiên nữ từ trên không trung bay xuống mặt đất, lần lượt trút bỏ xiêm y, rồi nhẹ nhàng bơi xuống hồ nước. Ngưu Lang thấy thế liền chạy đến ôm trọn bộ xiêm y của tiên nữ Chức Nữ và chạy về chỗ cũ, hành động của anh đã làm kinh động đến bảy vị tiên nữ. Sáu vị tiên nữ kia ngay lập tức khoác xiêm y rồi bay thẳng lên không trung, chỉ còn lại một mình Chức Nữ không có xiêm y nên không thể nào bay lên không trung được nữa, nàng sợ hãi, lo lắng và thất thểu đứng bên cạnh bờ hồ. Ngưu Lang đến gần và ân cần nói với tiên nữ Chức Nữ rằng, chỉ cần cô đồng ý làm vợ anh, anh sẽ trả lại xiêm y cho cô. Chức Nữ mới nhìn thấy Ngưu Lang đã cảm nhận được ngay rằng anh thật sự là một người con trai rất đáng để yêu thương, liền thẹn thùng gật đầu đồng ý. Sau khi tiên nữ và Ngưu Lang kết hôn với nhau, người chồng chăm lo việc nhà nông đồng áng, còn người vợ đảm việc thêu thùa may vá. Họ yêu thương nhau và sinh được một trai, một gái, sống với nhau vô cùng hạnh phúc và mỹ mãn. Thế nhưng Vương Mẫu Nương Nương của Chức Nữ lại vô cùng tức giận, phẫn nộ, nên đã đích thân giáng trần, ép Chức Nữ phải quay trở về thiên giới.

Ngưu Lang đeo đôi giày làm bằng da bò, tay anh nắm chặt bàn tay cô con gái và họ cùng nhau cưỡi mây cưỡi gió bay lên thiên giới đuổi theo Chức Nữ. Khi nhìn thấy Ngưu Lang chuẩn bị đuổi sát đến nơi, Vương Mẫu Nương Nương liền rút chiếc kim thoa và vẫy tay, dòng Ngân Hà liền xuất hiện và dấy sóng ngay lập tức kéo Ngưu Lang và Chức Nữ dạt sang hai bờ xa cách, họ đứng đối diện với nhau mà đành bất lực, khóe lệ tuôn trào. Tình yêu chung thủy đầy nghĩa tình của cặp vợ chồng đã làm cảm động đến loài thiên nga. Hàng ngàn hàng vạn con thiên nga bay lướt đến, sát cánh liền nhau kết thành chiếc cầu bắc ngang, để Ngưu Lang và Chức Nữ bước lên cầu đến được bên nhau. Vương Mẫu Nương Nương cũng không làm gì được, chỉ có thể chấp nhận cho hai người tương ngộ qua chiếc cầu do đàn thiên nga tạo nên vào ngày mừng bảy tháng bảy hàng năm.

Sau đó, cứ mỗi độ đến dịp mừng bảy tháng bảy âm lịch - ngày hội ngộ của Ngưu Lang, Chức Nữ qua chiếc cầu thiên nga, các cô gái đều mặc những bộ trang phục mới và đẹp đến trước những khóm hoa dưới ánh trăng sáng vàng vạc, ngẩng đầu lên không trung ngắm những ngôi sao đang tỏa sáng, dõi tìm chòm sao Ngưu Lang và chòm sao Chức Nữ ở hai bên bờ của dải Ngân Hà; hy vọng có thể chứng kiến cảnh tương ngộ một năm chỉ diễn ra một lần duy nhất của cặp vợ chồng Ngưu Lang - Chức Nữ;





Cặp vợ chồng người Mỹ đón "Lễ Tinh nhân" theo phong cách Trung Quốc.

cầu nguyện thiên giới ban lộc cho bản thân cũng có được một trái tim nhân hậu và tài năng khéo léo giống như Chức Nữ; có thể tìm được một cuộc hôn nhân mỹ mãn hạnh phúc theo tâm cầu ý nguyện. Đây chính là nguồn gốc của Tết Thất tịch.

Tranh "Xuyên Châm" của Ngô Hữu Như



Tết Thất tịch là một ngày lễ tết vô cùng náo nhiệt trong dân gian. Các thiếu nữ, phụ nữ, bé gái đều mặc những bộ trang phục mới mẻ, chấp tay cầu khẩn hai chòm sao trên trời cao, đồng thời hướng lên phía Chức Nữ "**nguyện cầu được khéo léo**". Các hoạt động nguyện cầu được khéo léo rất phong phú, phổ biến nhất là hoạt động xuyên chỉ vào kim. Các cô gái cầm những sợi chỉ màu sắc sặc sỡ và bảy chiếc kim nhỏ, nếu như có thể xuyên chỉ qua kim một cách thuận lợi thì sẽ được tôn vinh thành những cô nương khéo léo.

Thất Tịch được coi là "ngày lễ tình nhân" của người Trung Quốc thời cổ đại, truyền thuyết về câu chuyện tương ngộ giữa Ngưu Lang và Chức Nữ qua chiếc cầu thiên nga trong ngày mừng bảy tháng bảy hàng năm đã góp phần tô đậm thêm nhiều nét đặc sắc lãng mạn cho ngày Lễ tết đầy ý nghĩa này. Tương truyền rằng, người dân đứng dưới hàng cây nho trong đêm tối ngày hôm đó còn có thể nghe thấy tiếng tâm tình tri âm của hai vợ chồng Ngưu Lang - Chức Nữ.

TẾT MẠNH LAN BỒN

Tên gọi: Tết Mạnh lan bồn (hay còn có tên gọi Quý tiết, Tết Trung nguyên)

Thời gian đón tết: Ngày mười lăm tháng bảy âm lịch

Ngày mười lăm tháng bảy âm lịch hàng năm được gọi là "Tết Mạnh lan bồn", cũng được gọi là "Tết Trung nguyên", có một số vùng hay địa phương lại gọi là "Quý tiết", "Thi cô". Đây là một ngày lễ tết Phật giáo, cũng là ngày cầu nguyện cúng vái. Tín ngưỡng dân gian cho rằng, cõi âm là do địa quan đại đế quản lý, vào ngày mười lăm tháng bảy âm lịch hàng năm là ngày sinh nhật của địa quan đại đế, sẽ mở cánh cửa nơi cõi âm hoặc chốn địa ngục, như vậy thì tổ tiên, cô ma hồn quỷ đều có thể đi từ địa ngục lên trên cõi trần gian, người dân có thể đồng ý cho họ được lên cõi trần.

"Mạnh lan bồn" (Ullam-bana) theo ngôn ngữ Thiên Trúc có nghĩa là "Giải cứu đảo huyền" (tức cứu giúp, giải thoát cho những linh hồn bị treo ngược lơ lửng), khởi nguồn từ một nghi thức mang đậm tính Phật giáo của người Ấn Độ. Truyền thuyết kể lại rằng, một vị đệ tử của Phật Thích Ca luôn luôn chứng kiến thấy cảnh mẫu thân của mình bị treo lơ lửng giữa địa ngục đen tối, đã xin Phật cứu giúp. Phật khuyên vị đệ tử này bày mâm hoa quả thực phẩm với hàng trăm hương vị khác nhau đúng vào ngày mười lăm

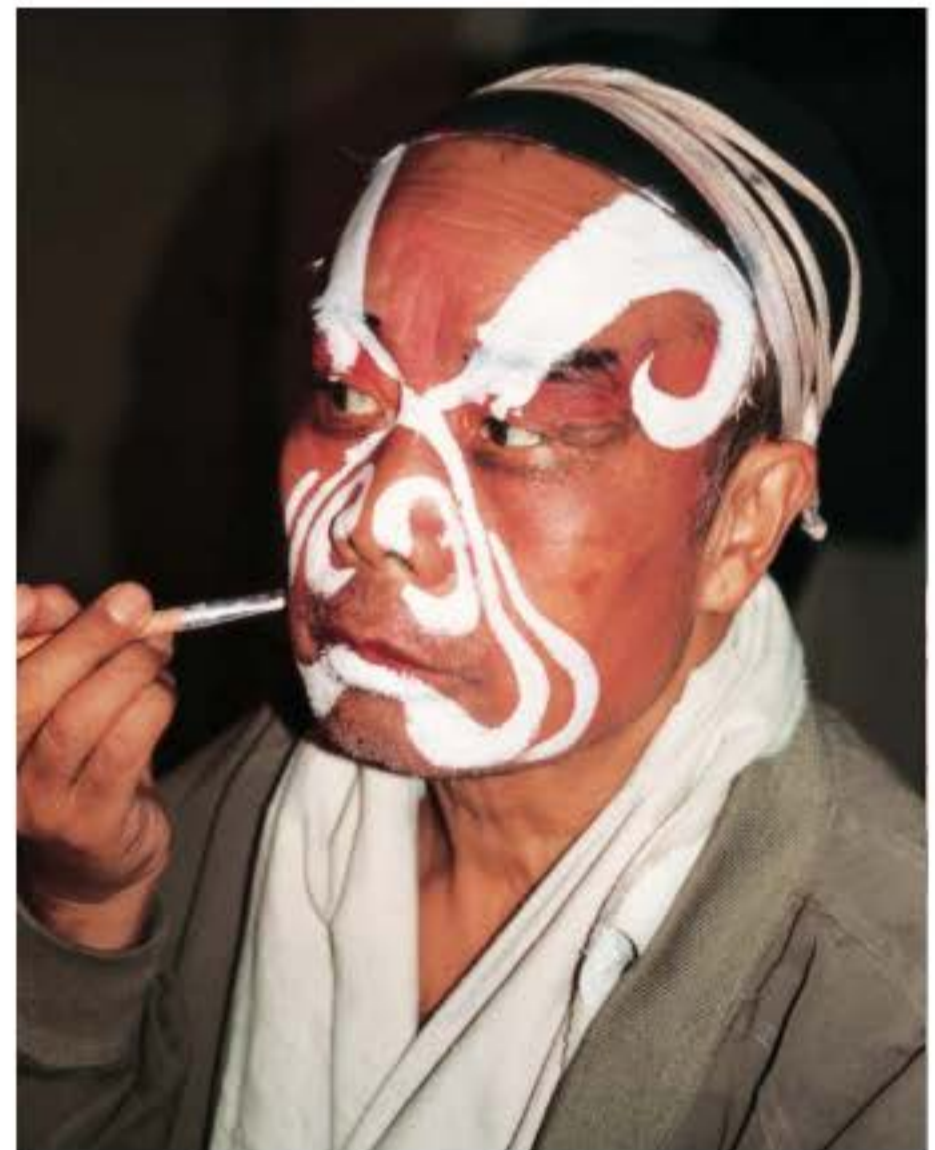




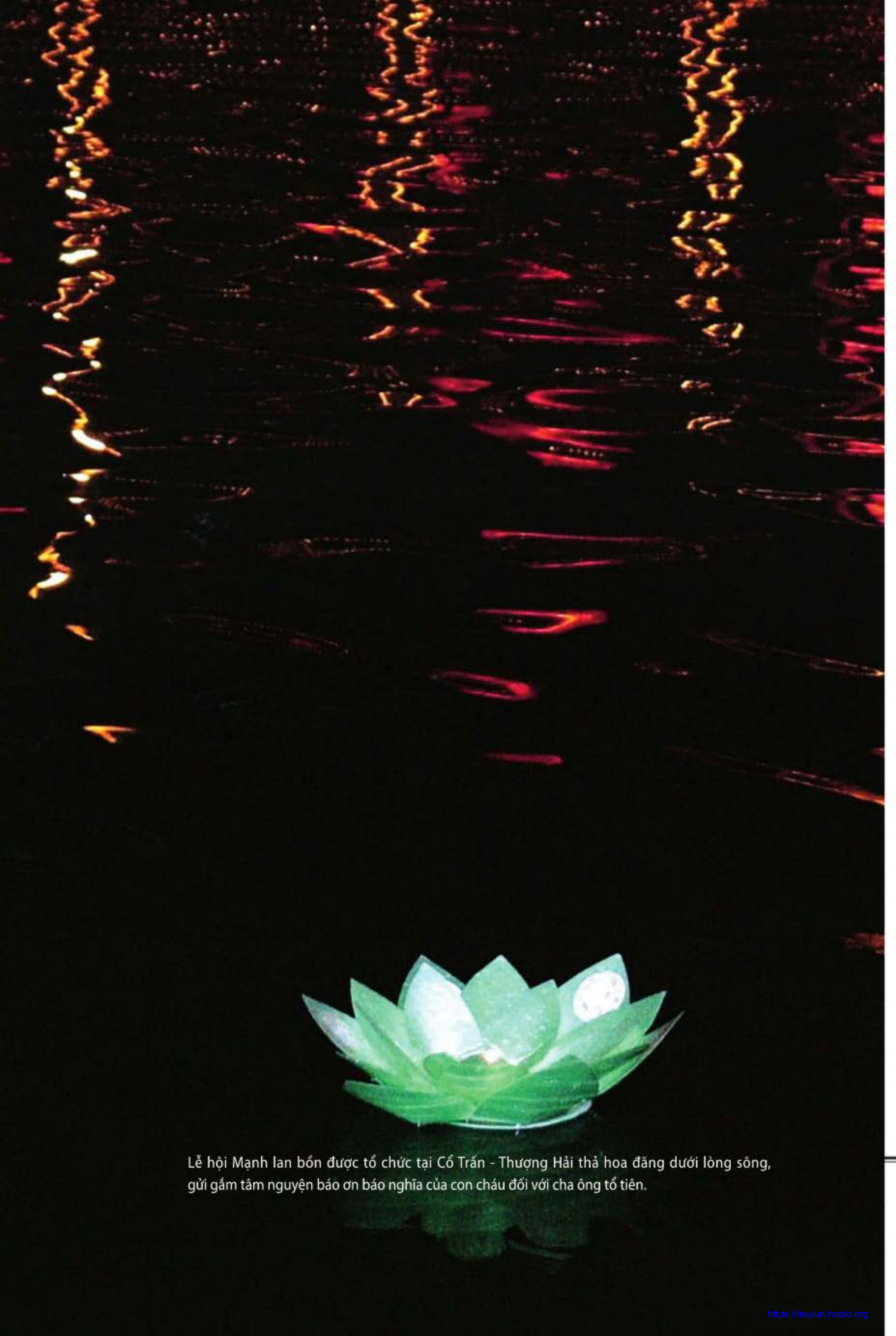
Lễ tết Trung Quốc

tháng bảy, cúng dường cho các tăng lữ thập phương như vậy sẽ giúp cho mẹ mình thoát ra khỏi cảnh khổ hạnh đau đớn. Từ đó, các đồ đệ của Đức Phật liền tổ chức "Hội Mạnh lan bốn" với mục đích tri ân tưởng niệm tổ tiên ông bà.

Bắt đầu từ triều đại nhà Lương thời Nam Bắc triều (502 - 557) mọi người đã căn cứ vào đó tổ chức ngày lễ này, và được lưu truyền thành ngày Tết Trung nguyên. Tuy nhiên, sau đó ngoài việc lập đền chùa cúng dường các nhà sư, còn xuất hiện thêm các hoạt động khác như cúng vái cầu nguyện v.v.. Vào ngày lễ này, việc đầu tiên phải được tiến hành chính là lập đài thi cô và pháp sư tọa trước ngôi cổng chính của toàn thôn xóm hoặc của toàn vùng miền. Pháp sư tọa sẽ bước đi, phía trước cung lên cho bồ tát diêm vương những linh hồn dưới "địa ngục" để cứu rỗi siêu thoát, phía sau cung lên những hàng dài phong phú đầy đủ những loại thực phẩm như gạo, đào; trên thi cô đài lập ba tấm linh bài và bia chiêu hồn. Đến đúng thời gian giữa trưa, mọi nhà mọi người liên tiếp bày những vật phẩm như heo, cừu, gà, vịt, ngỗng hay các loại bánh và hoa quả với những hình dạng và chủng loại khác nhau lên trên thi cô đài. Người chủ tiến hành sẽ lần lượt cắm lá cờ làm bằng giấy hình tam giác có các sắc màu như xanh lam, đỏ, xanh lá cây lên từng vật tế một, trên chiếc cờ giấy có ghi những dòng chữ như "Hội Mạnh lan bốn", hay "Can lộ môn khai" v.v.. Nghi lễ được bắt đầu trong tiếng nhạc tôn nghiêm, thiêng liêng được tổ chức tại miếu đường. Ngay tiếp theo sau đó, pháp sư sẽ đánh vang lên những tiếng trống, các nhà sư theo sau phía pháp sư cùng nhau niệm chân ngôn và ngâm những lời thần chú khác nhau. Sau đó đến nghi lễ cúng tế thực phẩm, họ sẽ ban rải từng mâm, từng mâm đã bày biện sẵn đầy đủ gạo và đào ra tứ phương bốn phía, hành động này được lặp đi lặp lại ba lần liên tiếp. Hình thức nghi lễ này được gọi là "Phóng Diệm Khẩu".



Nghệ nhân trong tác phẩm thuộc thể loại hát kịch dân gian "Mục Liên cứu mẫu" đang vẽ hóa trang.



Lễ hội Mạnh lan bốn được tổ chức tại Cổ Trấn - Thượng Hải thả hoa đăng dưới lòng sông, gửi gắm tâm nguyện báo ơn báo nghĩa của con cháu đối với cha ông tổ tiên.



Lễ tết Trung Quốc



Người dân Cơ Long, Đài Loan đốt tiền giấy cúng vái tưởng nhớ cha ông tổ tiên trong ngày Tết Trung nguyên.

Cho đến khi trời đã chuyển sang tối, nhà nhà người người vẫn còn thắp nhang ngay tại cửa trước nhà mình, họ cắm hương lên trên mặt đất, hương càng nhiều càng tốt, điều này tượng trưng cho ý nghĩa ngũ cốc thóc gạo được đầy bồ đầy kho. Hành động này được gọi là "Bố Điền".

Tết Trung nguyên còn tiến hành **thả đèn trôi sông**. Vốn dĩ được gọi là đèn sông (hay đèn nước), chính là một ngọn đèn dựng trên một tấm gỗ nhỏ, đại đa số đều dùng các loại giấy với những màu sắc sặc sỡ làm thành hình dạng giống như hình hoa sen, sau khi thắp sáng đèn liền đặt lên trên mặt nước và cho thả trôi sông. Nghi lễ thả đèn trôi sông đương thời xuất phát từ việc tổ chức trong các ngôi chùa; sau đó được kế thừa và lưu truyền rộng khắp trong dân gian. Căn cứ vào cách giải thích truyền thống, thì thả đèn trôi sông nhằm mục đích chỉ lối dẫn đường cho các linh hồn ma quỷ bị chết oan từ kiếp trước. Đèn tắt rồi, việc thả đèn trôi sông cũng được coi như là đã hoàn thành xong nhiệm vụ dẫn đường cho các linh hồn ma quỷ bước qua cầu Nại Hà (những linh hồn sau khi bước qua chiếc cầu Nại Hà này sẽ quên đi mọi ký ức trước đó). Người dân cho rằng, Tết Trung nguyên là tết dành cho các loài ma quỷ, cũng nên thắp sáng đèn nhằm chúc mừng ngày lễ đối với ma quỷ này. Tuy nhiên, người và ma quỷ có sự phân biệt khác nhau, việc thắp sáng đèn vào ngày Tết Trung nguyên với hành động này và ngày tết Thượng nguyên (Nguyên tiêu) không hề giống nhau. Cho

nên, hành động thả đèn trong tết Thượng nguyên được diễn ra trên mặt đất, còn đối với Tết Trung nguyên là dưới mặt nước. Ngày lễ hội này, các cửa hàng cũng đều đóng cửa không bán hàng, để dọn đường thẳng tắp dành lối đi riêng cho ma quỷ. Những con đường lớn chính giữa, cứ một trăm bước chân sẽ lập một bàn hương án, trên bàn hương án đó có bày biện đầy đủ các loại quả hạt tươi mới và một loại thực phẩm gọi là "bánh bao dành cho ma quỷ". Sau bàn hương án đó có một vị đạo sĩ hát ngâm bài hát cúng tế ma quỷ mà người trần không thể nghe hiểu được, hình thức tiến hành lễ nghi này được gọi là "Thi Ca".

Đến thời cận đại, lễ tết này không còn lưu truyền sâu rộng trong đời sống dân gian nữa, mà chỉ là những pháp hội được tổ chức tôn nghiêm, long trọng tại các khu chùa chiền Phật giáo. "Tết Mạnh lan bồn" sau khi lưu truyền sang Nhật Bản được phát triển tương đối mạnh mẽ, đã trở thành ngày lễ tết toàn quốc với quy mô lớn thứ hai, chỉ đứng sau tết đón năm mới của người Nhật Bản.

TẾT TRUNG THU

Tên gọi: Tết Trung thu

Thời gian đón tết: Ngày mười lăm tháng tám âm lịch

Căn cứ vào quy định về lịch và thời gian của Trung Quốc, ba tháng âm lịch liên tiếp nhau là tháng bảy, tháng tám và tháng chín được gọi là tiết mùa thu. Tháng tám là một tháng nằm giữa tiết mùa thu, ngày mười lăm tháng tám lại là một ngày nằm ngay chính giữa tất cả các ngày của tháng tám, cho nên ngày lễ tết này được gọi là "Tết Trung thu" (tết giữa mùa thu). Mùa thu, thời tiết mát mẻ thoáng đãng, trên không trung xuất hiện rất ít các đám mây mù, mặt trăng trên bầu trời buổi tối cũng hiện ra đầy vẻ thanh tịnh đặc biệt và sáng rõ vàng vạc. Buổi tối ngày mười lăm tháng tám là buổi mà mặt trăng hiện ra tròn trịa nhất, trở thành thời khắc đẹp nhất, mỹ lệ nhất để người dân được chiêm ngưỡng thưởng ngoạn cái đẹp đó. Mọi người coi ánh trăng tròn vành vạnh tượng trưng cho ý nghĩa đoàn tụ mỹ mãn trong cuộc sống; cho nên Tết Trung thu cũng được gọi là "Tết Đoàn viên", là một ngày lễ tết với quy mô tổ chức lớn thứ hai, chỉ sau Tết Nguyên đán của người dân Trung Quốc.

Tết Trung thu là ngày lễ tết xuất xứ từ thời cổ đại, **tế nguyệt thưởng nguyệt** là một phong tục tập quán vô cùng quan trọng trong ngày lễ tết





Lễ tết Trung Quốc

này. Đế vương cổ đại với hệ thống pháp luật có quy định rằng mùa xuân cúng tế Mặt trời, mùa thu cúng tế Mặt trăng; trong dân gian cũng lưu hành tập tục trung thu cúng tế mặt trăng. Cho đến thời sau đó, hoạt động thưởng nguyệt thiên nhiên về khuynh hướng cúng tế Mặt trăng hơn, những lễ nghi cúng vái tôn nghiêm được biến chuyển thành hoạt động vui chơi giải trí mang tính chất nhẹ nhàng, sáng khoái. Phong tục thưởng nguyệt trong ngày Tết Trung thu được thịnh hành nhất vào triều đại nhà Đường, trong rất nhiều tác phẩm thi ca được sáng tác từ các vị tao sĩ thi nhân đều có những vần thơ liên quan đến việc vịnh nguyệt. Các hoạt động cúng nguyệt thưởng nguyệt, diễn ra trong các cung đình hay trong đời sống dân gian của triều đại nhà Tống, nhà Minh và nhà Thanh càng có quy mô tổ chức lớn và phong phú hơn. Các vùng, các khu vực và địa phương Trung Quốc cho đến ngày hôm nay vẫn còn bảo tồn và lưu truyền lại vô số những di tích liên quan đến các hoạt động như "bái nguyệt đàn", "bái nguyệt đình" hay "vọng nguyệt lầu". "Nguyệt đàn" của Bắc Kinh chính là nơi được tiến hành tu tạo nhằm mục đích phục vụ cho hoàng gia tế nguyệt, vào niên thời Minh Gia Tĩnh. Cho đến ngày hôm nay, hoạt động tế nguyệt,

Đài Phát thanh Truyền hình Trung ương Trung Quốc tổ chức đêm hội mừng Tết Trung thu mang tên "Thiên Nhai Cộng Thủ Thời" năm 2005.





Bánh
Trung Thu.

bái nguyệt đã được thay thế bằng các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí chiêm ngưỡng thưởng nguyệt được phổ biến với quy mô vô cùng lớn, và hình thức phong phú đa dạng với nhiều màu sắc và hình thái đặc sắc riêng trong đời sống của quần chúng nhân dân.

Tết Trung thu **ăn bánh Trung thu** giống với việc ăn bánh chưng trong Tết Đoan ngọ và ăn bánh trôi bánh chay trong Tết Nguyên tiêu, đây là phong tục tập quán cổ truyền lưu hành trong dân gian của người dân Trung Quốc. Bánh trung thu có hình dạng tròn, tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn đoàn tụ. Có những vùng hay địa phương cũng gọi bánh trung thu thành "bánh đoàn tụ", đây là loại thực phẩm nhất thiết phải sử dụng để đón mừng ngày lễ tết này. Từ cha ông thời cổ đại đến thời con cháu về sau, mọi người đều quan niệm rằng bánh trung thu đại diện cho những điều cát tường, đoàn viên. Mỗi độ đến dịp trăng tròn ngày trung thu, các thành viên trong mọi gia đình sum vầy, quây quần bên nhau, cùng nhau thưởng thức hương vị của bánh trung thu và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của đêm trăng; bàn mọi chuyện trên trời dưới đất trong không khí đón mừng vui tươi nồng ấm và thân thiện.

Phong tục ăn bánh trung thu trong ngày Tết Trung thu đã xuất hiện và tồn tại từ lâu trong trang sử dài của Trung Quốc. Liên quan đến nguồn gốc xuất xứ của việc ăn bánh trung thu trong ngày Tết Trung thu này, có nhiều cách giải thích không giống nhau. Trong số đó có một cách như sau: Trong thời kỳ Đường Thái Tông Lý Thế Dân còn tại vị, đại tướng quân Lý Tĩnh (571 - 649) chinh phạt Hung Nô (một bộ tộc thời xưa tại miền Bắc Trung Quốc) giành chiến thắng, sau đó thắng trận trở về đúng ngày mười lăm tháng tám. Đương thời có một vị thương gia người Turpan cống bánh chúc tụng vị hoàng đế triều đại nhà Đường này. Cao tổ sau khi đón nhận hộp bánh với hình dáng vô cùng mỹ lệ này, mở ra nhìn thấy những chiếc bánh hình tròn, liền cười và chỉ lên mặt trăng tròn trên không trung rồi nói rằng: "Nên gọi loại bánh này thành "Hồ Bính" (tức bánh Hồ - bánh hình mặt trăng)". Ông nói xong liền cắt bánh ra thành từng miếng nhỏ ban phát cho quần thần cùng nhau thưởng thức. Từ đó về sau phong tục ăn bánh trung thu bắt đầu được kế thừa và lưu truyền cho những thế hệ sau. Lại có một truyền thuyết khác tương truyền lại rằng, sau đó Lý Long Cơ Đường Huyền





Lễ tết Trung Quốc

Tông đã từng thưởng trăng thưởng bánh cùng vị phi tử mà ông sủng ái nhất là Dương Quý Phi (719 - 756). Đường Huyền Tông chê tên gọi "Hỗ Bính" (bánh Hồ) nghe không hay, Dương Quý Phi ngẩng đầu dõi theo ánh trăng chiếu sáng trên bầu trời cao bao la kia, nói một cách tùy ý rằng: "Hay gọi là Nguyệt Bính (tức bánh hình mặt trăng) nhé!". Tên gọi bánh trung thu cũng từ thời đó mới được lưu truyền cố định về sau.

Chủng loại của bánh trung thu Trung Quốc vô cùng phong phú đa dạng, mỗi vùng miền, địa phương cũng có những cách chế biến không đồng nhất với nhau, và hương vị cũng có nhiều nét khác biệt. Xét trên góc độ địa lý, khu vực sản xuất ra bánh trung thu có thể phân chia thành năm vùng chính như sau: Kinh, Tân, Quảng, Tô, Hồ, đồng thời mỗi khu vực này cũng phân thành trăm ngàn những chủng loại nhỏ. Nhân bánh trung thu có vị ngọt, vị mặn, loại dành cho ăn mặn hay loại dành cho ăn chay. Trên mặt bánh trung thu còn khắc các loại hoa văn và chữ, khiến cho chiếc bánh trông vừa đẹp mắt lại vừa ăn ngon miệng.

Trong tác phẩm thi ca mang tên "Tĩnh dạ tư" của đại thi nhân triều đại Đường - Lý Bạch (701 - 762), mà đến những em nhỏ chỉ mới vài tuổi cũng có thể đọc thuộc lòng vanh vách những dòng thơ nổi tiếng như:

*Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghị thị địa thượng sương.
Cử thủ vọng minh nguyệt,
Đê thủ tư cố hương.*

Tranh "Hàng Nga" của Ngô Hữu Như.



Tác phẩm thơ này đã biểu hiện vô cùng trực bạch rằng ánh trăng chiếu sáng trên trời cao kia đã khiến cho người con tha hương xa cách gia đình không thể nguôi ngoai tâm tư tưởng nhớ về cố hương, về gia đình của mình nơi xa xôi ấy. Họ không thể trở về mảnh đất quê hương của mình, trở về nơi mà những người thân họ hàng trong gia đình mình đang sinh sống; chỉ đành thưởng nguyệt, gửi gắm nỗi niềm, tâm tư tình cảm cũng như những lời nguyện cầu của bản thân mình vào ánh trăng trên trời cao, ánh trăng sẽ mang ý nghĩa tượng trưng cho hạnh phúc và đoàn viên, sum vầy.

Tự cổ chí kim, Trung Quốc đã có vô số những truyền thuyết, thần thoại liên quan đến mặt trăng, trong đó nổi tiếng nhất là truyền thuyết mang tên "Thường Nga bôn nguyệt". Thường Nga (tức Hằng Nga) là thê tử của vị anh hùng bắn mặt trời mang tên Hậu Nghệ trong truyền thuyết thần thoại thời cổ đại Trung Quốc. Tương truyền rằng, Hằng Nga đã uống trộm loại thuốc trường sinh bất tử lấy cắp từ bên Tây Vương Mẫu về, biến thành tiên rồi bay lên nguyệt cung. Truyền thuyết thứ hai là "Ngô Cương phạt quế". Ngô Cương (tức Chú Cuội) là một nhân vật kiểu Sisyphus. Ngô Cương cầu tiên đắc đạo nhưng vì đã mắc phải lỗi lầm nên buộc phải lên cung trăng, với nhiệm vụ là ngày ngày tháng tháng phải chặt phá cây quế cổ thụ mọc sum sê ngay trước cung trăng. Cây quế đó cao hơn năm trăm trượng, Ngô Cương mỗi lần chặt một lỗ khuyết trên cành hoặc thân cây quế, thì lỗ khuyết đó ngay lập tức liền kín lại. Cho nên Ngô Cương chỉ có thể lặp đi lặp lại cho đến vĩnh viễn hành động khổ dịch không công này. Ngoài ra, tương truyền rằng, nếu xem xét một cách cẩn thận kỹ lưỡng, vào ngày mười lăm tháng tám hàng năm, người dân còn có thể nhìn thấy Hằng Nga tay ôm thỏ ngọc trên cung trăng. Những câu chuyện mang màu sắc thần thoại này đều góp phần tăng thêm tính kỳ bí, huyền diệu và còn mang những sắc màu lãng mạn, hấp dẫn cho mặt trăng. Ngày nay, trong dịp Tết Trung thu thưởng nguyệt, các bậc tiền bối thường kể lại những câu chuyện này cho con cháu cùng nghe.

Tết Trung thu được quy định nghỉ phép thời gian một ngày.





TẾT TRÙNG DƯƠNG

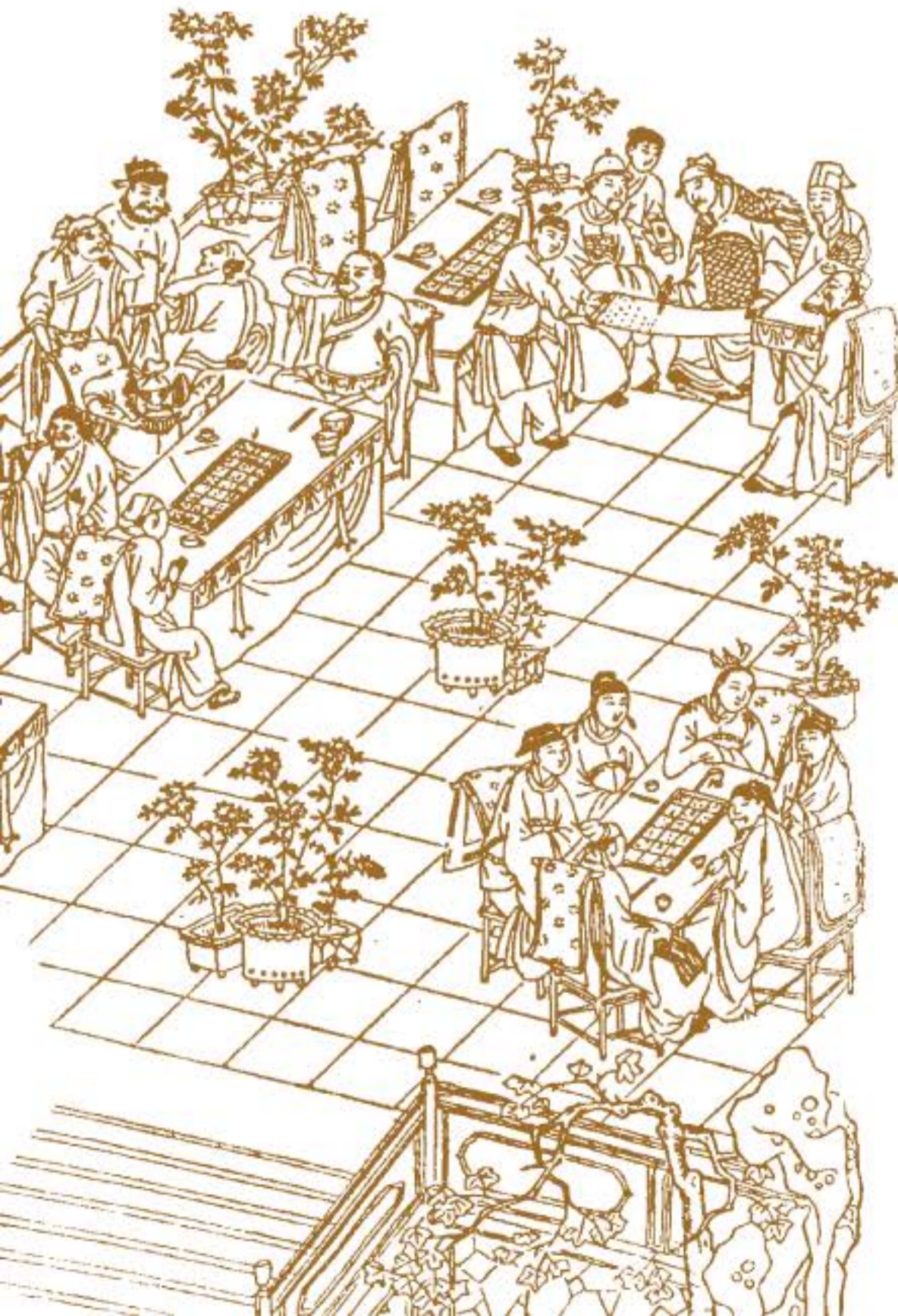
Tên gọi: Tết Trùng dương

Thời gian đón tết: Ngày mùng chín tháng chín âm lịch

Ngày mùng chín tháng chín âm lịch hàng năm được gọi là ngày Tết Trùng dương của Trung Quốc. Bởi vì từ thời xa xưa, trong tác phẩm "Kinh dịch" đã lấy "lục" là số âm, "cửu" là số dương; ngày mùng chín tháng chín là nhật nguyệt hợp dương, song cửu tương trùng, chính vì nguyên nhân này mà được đặt tên là trùng dương, cũng được gọi là trùng cửu. Tên gọi "Tết Trùng dương" được sử sách ghi chép lại bắt đầu từ thời kỳ Tam Quốc (220 - 280).

Tết Trùng dương chí ít cũng có thể được coi là bắt đầu từ triều đại nhà Hán. Ái phi Thích Phu Nhân của Hán cao tổ Lưu Bang (256 - 195 TCN) bị Lữ Hậu ghen tuông rắp tâm ra tay sát hại, cung nữ tùy tùng chăm sóc cho Thích Phu Nhân tên là Giả Mâu cũng bị trục xuất ra khỏi cung, làm vợ một thường dân nghèo khổ không, tên tuổi. Giả Mâu đã truyền rằng: Trong hoàng cung, mỗi độ đến ngày mùng chín tháng chín âm lịch mọi người đều phải sấm sửa

"Cúc Hoa hội" (Ảnh minh họa do Lý Lộ Lộ cung cấp).



và có đủ các hoạt động như: cắm cây thụ dũ, ăn mỗi cây cỏ bông, uống rượu hoa cúc với mục đích nguyện cầu trường sinh bất tử. Từ đó về sau, trong dân gian đua nhau mô phỏng làm theo những điều này, dần dần trở thành một tập tục quen thuộc diễn ra trong đời sống thường ngày của quần chúng nhân dân.

Tập tục Tết Trùng dương cắm cây thụ dũ đã trở nên vô cùng thịnh hành trong triều đại nhà Đường. Cây thụ dũ là một loại thực vật có mùi hương đặc biệt nồng, quả trên cây có thể ăn được, thân hay lá đều có thể dùng chế biến thành các loại

thuốc, với nhiều tác dụng chữa trị như trừ côn trùng sát hại, chống ẩm ướt, phòng ngừa trúng gió độc, chống bệnh đầy bụng, trị hàn. Người Trung Quốc cổ xưa cho rằng, vào ngày Tết Trùng dương này, việc cắm hoa thủ dũ có thể phòng tránh được tai họa, xua đuổi mọi loại dịch bệnh gây hại; hoặc có thể đeo trên tay, hoặc có thể cho cây thủ dũ vào trong một chiếc túi dùng làm túi thơm trang sức, hay cũng có thể cài lên trên mái tóc. Phần lớn phụ nữ đều đeo loại đồ vật này, có một số địa phương và khu vực còn có nam thanh niên cũng thịnh hành đeo loại trang sức này.

Trong thời gian đón Tết Trùng dương, ngoài việc đeo cây thủ dũ, người dân còn có hoạt động khác là cắm hoa cúc. Tháng chín là tháng mùa hoa đang nở rộ, hoa cúc còn có một tên gọi mỹ miều khác là "hoa trường thọ". Phong tục cắm hoa cúc đã xuất hiện ngay từ triều đại nhà Đường, từ đó thịnh hành lưu truyền cho đến những đời sau. Triều đại nhà Thanh, phong tục mừng đón ngày Tết Trùng dương của người dân Bắc Kinh chính là đem những cành hoa cúc cài lên trên cánh cửa sổ, "giải trừ hung uế, dĩ chiêu cát tường" (tức giải trừ những điều hung ác hiểm độc, cầu nguyện hướng tới những điều cát tường, tốt lành), đây chính là tập tục cài hoa cúc lên mái tóc đã được lưu truyền và phát triển sau đó.

Thời gian ngay trước hoặc sau khi diễn ra ngày Tết Trùng dương, khí trời mát mẻ, không khí trong lành, cũng đúng lúc mùa hoa cúc đang đơm bông nở rộ. Thường rượu ngắm cúc cũng là một phong tục tập quán cổ truyền trong thời gian này. Đa số ý kiến cho rằng tập tục này khởi nguồn từ thời đại thi nhân mang tên Đào Uyên Minh (365 - 427) thời kỳ Đông Tấn (317 - 420). Thi nhân Đào Uyên Minh được mọi người biết đến qua những vần thơ nổi tiếng của ông về rượu hoa cúc. Con cháu đời sau đã mô phỏng, bắt chước làm theo, dần dần trở thành một phong tục tập quán thưởng ngoạn hoa cúc trong đời sống nhân dân vào ngày Tết Trùng dương. Thời cổ đại xưa, vị đại phu họ Sĩ còn kết hợp đan xen giữa thú vui thưởng ngoạn hoa cúc và việc tổ chức tiệc tùng, với tâm nguyện cầu mong ngày càng được đến gần hơn vị thi sĩ Đào Uyên Minh. Ở kinh sư Khai Phong thời kỳ Bắc Tống (960 - 1127), tập tục thưởng ngoạn hoa cúc trong ngày Tết Trùng dương đã trở nên vô cùng thịnh hành, đương thời hoa cúc có vô số các chủng loại. Đến triều đại nhà Thanh, tập tục thưởng ngoạn hoa cúc trở nên đặc biệt thịnh hành và phổ biến trong đời sống nhân dân ở khắp các vùng miền, hơn thế, ngày Tết Trùng dương không chỉ bó hẹp trong một ngày mừng chín tháng chín âm lịch mà việc tổ chức đón mừng ngày lễ tết





Lễ tết Trung Quốc

này được tiến hành phổ biến vào thời gian trước hoặc sau ngày Tết Trùng dương truyền thống. Tiết trời mùa thu không khí trong lành thoáng đãng, hoa cúc đơm bông nở rộ, bên ngoài những ô cửa sổ hay phía dưới các bờ rào bờ giậu, một màu vàng ươm lan trải, tiết trời vào độ tốt lành vừa dịp góp phần tăng thêm tình cảm và hương vị cho thú vui thưởng ngoạn hoa cúc đặc biệt ý nghĩa này.

Người đời sau vào ngày Tết Trùng dương này, còn có thêm một phong tục tập quán khác nữa, đó là tập tục "ăn bánh Trùng Dương". Bánh Trùng Dương là một loại bánh làm từ bột gạo, có thể cho thêm các thành phần nguyên liệu mang mùi vị ngọt như táo, hạnh nhân, hạt thông, hạnh mỡ; hay cũng có thể dùng nguyên liệu mùi vị mặn từ các loại thịt làm nhân bánh. Cách làm bánh Trùng Dương với đòi hỏi kỹ năng tinh tế thì bắt buộc phải làm bánh thành chín tầng, giống như hình dáng chiếc tháp ngọc, phía trên cùng của bánh nặn hình hai chú cừu nhỏ, với ý nghĩa phù hợp với hình tượng trong hai từ Trùng Dương (Dương: còn có cách nói đồng âm khác nghĩa, khác là Cừu).

Trong ngày Tết Trùng dương, dân gian còn lưu truyền tập tục "Đăng cao" (tức **leo núi**). Cho nên Tết Trùng dương còn được gọi là "Tết Leo núi". Trong tiết trời mùa thu thanh cao thoáng đãng, vạn vật tươi sắc, ngàn hoa rực rỡ muôn màu của ngày lễ tết này, hoạt động trèo lên núi cao du ngoạn, chiêm ngưỡng cảnh vật hùng vĩ, bao la, tráng lệ của mùa thu, tạo cho con người cảm giác hưởng thụ đầy sảng khoái. Phong tục leo núi đón ngày Tết Trùng dương vô cùng thịnh hành trong triều đại nhà Đường. Đã có biết bao tao nhân thi sĩ viết nên không ít những tác phẩm thơ ca với tâm trạng, cảm hứng xuất phát từ điều này, ví dụ như tác phẩm thơ mang tên "Cửu nguyệt cửu nhật ức sơn đông huynh đệ" được sáng tác bởi thi nhân nổi tiếng triều đại nhà Đường:

Độc tại dị hương vị dị khách,

Mỗi phùng gia tiết bội tư thân.

Dao tri huynh đệ đăng cao xứ,

Biển tháp thủ dũ thiếu nhất nhân.



"Đào Uyên Minh thưởng cúc" - Tượng Triệu Hòa.

Tập tục "Đăng cao" (leo núi) ngoài ý nghĩa phòng trừ tai nạn, mang lại bình an vô sự, cũng còn có hàm ý bước dẫn hướng lên phía cao. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến người Trung Quốc thời cổ đại vô cùng coi trọng Tết Trùng dương. Hoạt động "Đăng cao" ngày tết được người dân đề cao, coi trọng, đặc biệt có một nguyên nhân khác khiến cho các cụ già cao tuổi dành sự quan tâm rất lớn đối với ngày

lễ tết này, đó là bởi vì từ "cao" còn có ý nghĩa nữa là cao thọ. Do vậy, người dân cho rằng "Đăng cao" có thể giúp cho con người trường thọ.

Đón Tết Trùng dương trong thời đại ngày nay, mọi người đã không còn được chứng kiến các tập tục như cắm cây thủ dũ nữa. Thế nhưng rất nhiều người dân trong ngày này vẫn duy trì tập tục, thói quen leo núi, hay thưởng cúc, hay chiêm ngưỡng cảnh vật trong tiết trời mùa thu mỹ lệ tươi đẹp. Trong những năm trở về đây, ngày lễ tết cổ truyền này lại được bổ sung thêm nhiều nội dung mới mẻ, trở thành ngày lễ tết được gọi là "Tết Kính lão" được tổ chức một năm một lần. Mỗi độ chuẩn bị đến ngày lễ này, mọi người đều tiến hành tổ chức các hoạt động kính lão đặc thọ, cầu nguyện kính chúc cho các cụ già cao tuổi bước hướng lên cao, khỏe mạnh trường thọ.



Các cụ già tham quan du ngoạn và thưởng thức hoa cúc với trạng hân hoan, phấn khởi, trong ngày Tết Trùng dương.





ĐÔNG TIẾT

Tên gọi: Đông tiết (tức tết mùa đông)

Thời gian đón tết: Tiết khí Đông chí âm lịch (tức ngày 22 hoặc ngày 23 tháng 12 dương lịch)

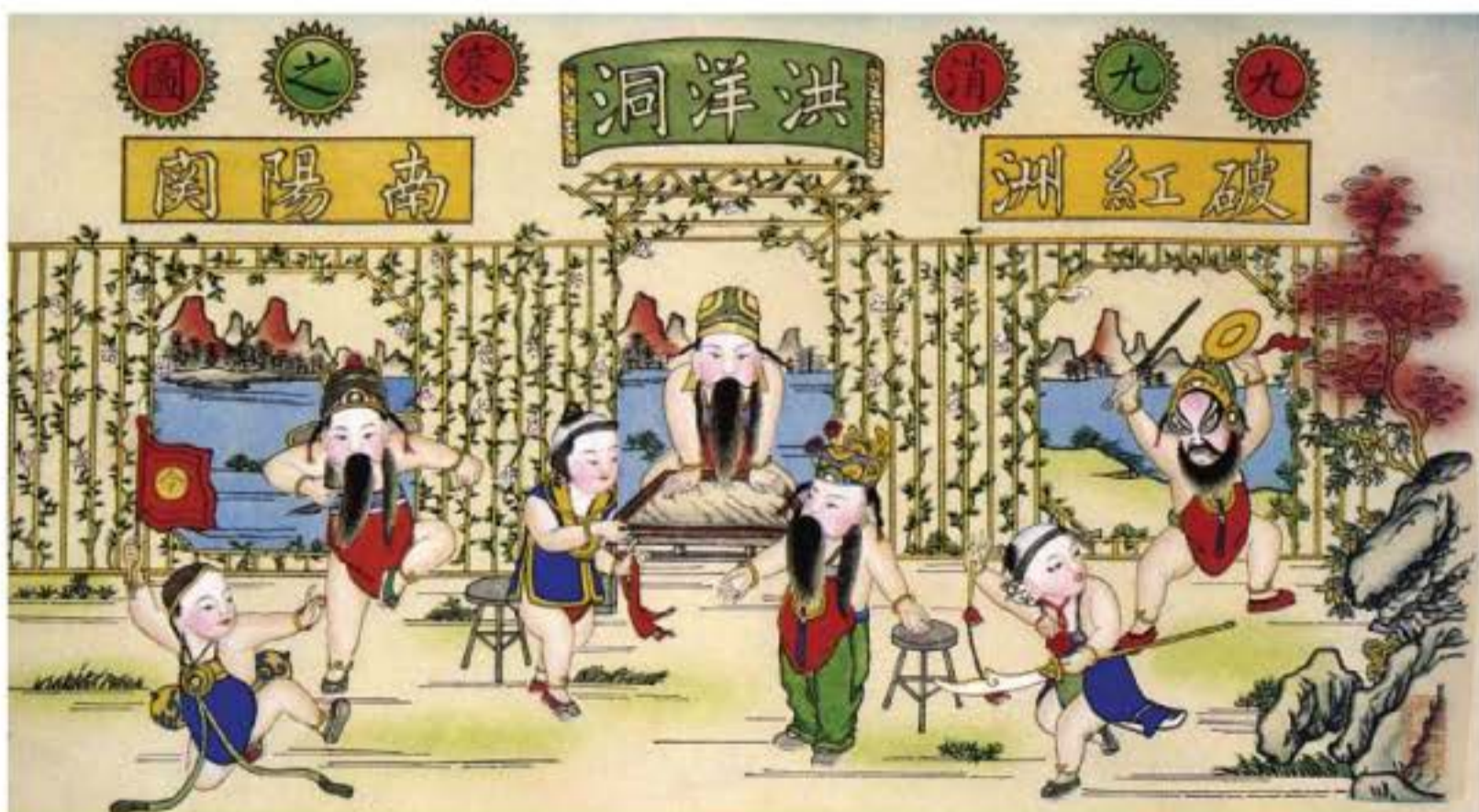
Đông chí, trong truyền thuyết dân gian thường gọi là "Đông tiết", là một ngày lễ tết diễn ra vô cùng long trọng trong thời cổ đại của Trung Quốc. Trong ngày Đông chí này, thời gian ban ngày trên bán cầu phía Bắc ngắn nhất, thời gian buổi đêm thì lại dài nhất, là thời điểm khí hậu hàn lạnh nhất trong suốt một năm, điều đó báo hiệu mùa đông đã chuẩn bị kết thúc và khi đó mùa xuân cũng sắp sửa tới, hay có thể nói rằng đây là khoảnh khắc chuyển giao giữa hai mùa đông - xuân trong một năm. Trong hai mươi tư tiết khí của cả một năm thì Đông chí được mọi người coi trọng và đón chờ nhất.

Cha ông thời cổ đại xa xưa cho rằng, khi đến ngày Đông chí, mặc dù thời gian lúc này vẫn còn đang trong tiết mùa hàn lạnh, nhưng mùa xuân cách đó đã không còn bao xa nữa rồi. Trong thời gian này, những người dân tha hương sống bên ngoài xa cách gia đình đều cần quay trở về đón ngày Đông tiết, hành động này biểu tượng cho ý nghĩa năm đã hết và trở về với cội nguồn của mình. Trong dân gian khu vực Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao còn cho rằng, Đông tiết hàng năm chính là ngày lễ tết tụ họp sum vầy của tất cả các thành viên trong toàn thể một gia đình. Bởi vì trong ngày này cần phải tổ chức các hoạt động như cúng vái tổ tiên; nếu như con cháu tha hương bên ngoài không quay trở về nhà sẽ tương đương với ý nghĩa không nhận tổ tiên cha ông, tức nguồn cội gốc gác của chính bản thân mình.

Đêm Đông chí là một đêm có thời gian dài nhất trong tất cả các ngày của cả một năm, người người nhà nhà đã tận dụng thời gian của buổi đêm này, dùng bột gạo nếp nặn thành "**bánh trôi Đông chí**". Để phân biệt rõ ràng với "Từ Tuế" trong đêm giao thừa ngày Tết Nguyên đán sau này, thời gian trước một ngày trong Đông tiết được gọi là "Thiên Tuế" hoặc "Á Tuế", biểu thị cho ý nghĩa thời gian trong một năm vẫn chưa kết thúc, tuy nhiên mọi người đều đã được tăng thêm một tuổi.

Tâm tư tình cảm trong các phong tục tập quán tại các vùng miền và khu vực toàn Trung Quốc tuy có nhiều khác biệt, thế nhưng phần lớn vẫn có sự tương đồng. Khi làm món bánh trôi Đông chí, mọi người vẫn thường căn cứ và chiều theo yêu cầu hay sở thích của con trẻ mà nặn bột

bánh thành hình những loài động vật nhỏ bé, ví dụ như tiểu gấu trúc, các chú chó nhỏ, các chú thỏ nhỏ hay các chú hổ nhỏ. Trẻ em mỗi độ đến thời gian đón ngày lễ tết này đều vô cùng vui mừng và phấn khích đặc biệt. Trước khi được ăn bánh trôi Đông chí, phía sau các vị trí như cánh cửa, cửa sổ, bàn, tủ, giường hay đèn đều lần lượt dán một chiếc bánh trôi Đông chí, được gọi là "Hao Hương"; đợi cho sau khi hoàn tất công việc "Tiễn Táo" (tức tiễn Thần Bếp lên trời) mới được đem đi nấu ăn. Tương truyền rằng, nếu như gia đình có phụ nữ mang thai trong thời gian đón ngày lễ tết này, nếu bánh trôi Đông chí nở ra thì sẽ sinh hạ bé trai, còn không sẽ sinh hạ bé gái. Trong quá trình ăn bánh trôi Đông chí, khi đưa miếng bánh vào trong miệng, nhất thiết phải đưa thành đôi thành cặp, với tâm nguyện cầu mong cát lợi may mắn. Ăn bánh cho đến khi chỉ còn thừa lại hai miếng cuối cùng, người đã kết hôn sẽ được vạn sự như ý, còn nếu thừa một miếng bánh, người chưa lập gia đình sẽ được phàm sự thuận lợi. Một số gia đình trong buổi tối của ngày lễ tết này còn bày biện các loại thực phẩm hoa quả hay gia súc gia cầm làm lễ vật thờ cúng dâng lên cho tổ tiên và các vị thần linh thiêng liêng. Cũng có một tập tục khác được tiến hành trong ngày này là hoạt động "Sái Đông Mễ" (tức phơi gạo ngày đông). Hoạt động này chính là lấy gạo trắng vo qua bằng nước sạch, sau khi rải phơi dưới ánh nắng chiếu trong đúng ngày này rồi đem cất, để dành nấu cháo cho những người trong gia đình sau này không may bị ốm ăn.



Niên họa "Cửu Cửu Tiêu Hàn Đổ". Sau tiết Đông chí, thời tiết khí hậu chuyển sang giai đoạn "Số cửu", kinh qua chín chín tám mươi mốt ngày mới có thể đón chào một mùa xuân tươi mới và xán lạn đến được. "Cửu Cửu Tiêu Hàn Đổ" không chỉ là cuốn Nhật lịch ghi chép lại cách tính thời gian mà còn là tác phẩm trang trí mỹ lệ và đặc sắc, trở thành hình thức vui chơi giải trí mang đậm nét văn hóa được đông đảo mọi người yêu mến và tham gia hưởng ứng trong đời sống dân gian.





LỄ TẾT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Ngày lễ kỷ niệm, ngày lễ tết được pháp luật Trung Quốc quy định phần lớn được chia thành ba loại chính. Loại thứ nhất là ngày lễ tết mà tất cả các công dân trong nước đều được nghỉ phép, trong đó có Tết dương lịch (quy định được nghỉ phép trong thời gian một ngày), Tết Nguyên đán (quy định được nghỉ phép trong thời gian ba ngày), Tết Lao động (quy định được nghỉ phép trong thời gian một ngày), và Tết Quốc khánh (quy định được nghỉ phép trong thời gian ba ngày); ngoài ra còn bổ sung thêm một số ngày lễ tết mới được nghỉ phép như Tết Thanh minh (quy định được nghỉ phép trong thời gian một ngày), Tết Đoan ngọ (quy định được nghỉ phép trong thời gian một ngày), Tết Trung thu (quy định được nghỉ phép trong thời gian một ngày). Loại thứ hai là các ngày lễ tết hay ngày kỷ niệm quy định dành cho một bộ phận công dân được nghỉ phép, trong đó có Tết Phụ nữ (quy định được nghỉ phép trong thời gian nửa ngày đối với phụ nữ), Tết Thanh niên (quy định được nghỉ phép trong thời gian nửa ngày đối với thanh niên trong độ tuổi từ mười bốn trở lên), Tết Nhi đồng (quy định được nghỉ phép trong thời gian nửa ngày đối với thiếu niên nhi đồng trong độ tuổi dưới mười ba) và ngày Thành lập Quân đội Nhân dân (quy định được nghỉ phép trong thời gian nửa ngày đối với quân nhân, những người làm nghĩa vụ quân sự). Loại thứ ba là những ngày lễ tết hay ngày kỷ niệm mà pháp luật quy định không được nghỉ phép, trong đó có ngày kỷ niệm "Mùng bảy tháng hai", ngày kỷ niệm "Ngũ năm", ngày kỷ niệm kháng chiến "Mùng bảy tháng bảy", ngày kỷ niệm chiến tranh kháng Nhật giành thắng lợi "Mùng ba tháng chín", ngày kỷ niệm "Mười tám tháng chín", hay các ngày tết như Tết Trồng cây, Ngày Nhà giáo, Tết Hộ sĩ y tá, Tết Nhà báo v.v..





TẾT DƯƠNG LỊCH

Tên gọi: Tết Dương lịch

Thời gian đón tết: Ngày mùng một tháng một dương lịch

Khái niệm "Niên" (tức năm) xuất xứ từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tổ tiên người Trung Quốc trong xã hội cổ đại đã gọi chu kỳ và quy luật sinh trưởng của ngũ cốc thành tên "Niên". Thời gian một mùa ngũ cốc chín và được thu hoạch chính là một năm. Thời kỳ triều đại nhà Hạ (2070 - 1600 TCN) triều đại nhà Thương (1600 - 1046 TCN) đã xuất hiện bộ lịch nhà Hạ, trong đó lấy chu kỳ viên khuyết của mặt trăng đặt tên là nguyệt, lấy thời gian một năm phân chia lần lượt thành mười hai tháng. Tên gọi của năm được bắt đầu từ triều đại nhà Chu. Người Trung Quốc có thói quen gọi ngày đầu tiên bắt đầu một năm mới thành "Nguyên đán" (tức Dương lịch). Trong đó "Nguyên" có ý nghĩa "sơ", "thủy"; "Đán" biểu tượng cho thời gian thanh thiên bạch nhật, cũng có ý nghĩa là ban ngày. Hai từ Nguyên và Đán hợp lại thống nhất vừa mang nghĩa "Sơ thủy nhật tử" (ngày sơ thủy), cũng hàm nghĩa một ngày mới bắt đầu trong một năm mới.

"Nguyên đán" là tên gọi được người Trung Quốc đặt cho ngày mừng một tháng giêng âm lịch, lấy đó là thời điểm bắt đầu năm mới. Từ thời kỳ Hán Vũ Đế (156 - 87 TCN) trở về trước thời gian bắt đầu năm mới của Trung Quốc không đồng nhất trong các triều đại, ví dụ: năm mới đối với triều đại nhà Hạ bắt đầu vào ngày mừng một tháng giêng, đến triều đại nhà Thương thay đổi vào ngày mừng một tháng mười hai, triều đại nhà Chu lại là ngày mừng một tháng mười một. Sau khi Tần Thủy Hoàng (259 - 210 TCN) dẹp loạn thống nhất sáu nước, triều đại nhà Tần quy định



Thời gian đón năm mới vào ngày mừng một tháng mười; các triều đại lịch sử sau đó tiếp tục kế thừa và lưu truyền, chưa hề bị thay đổi. Đến Thái Sơ Nguyên Niên thời kỳ Tây Hán (năm 104 TCN), Hán Vũ Đế đã tiếp nhận kiến nghị từ một số người như Tư Mã Thiên (khoảng năm 145 hoặc 135 TCN - ?), đã sử dụng "Thái Sơ Lịch" với những quy định giống với triều đại nhà Hạ, trong đó quy định tháng một

thành tháng giêng, tháng đầu năm, đồng thời còn đặt hai mươi tư tiết khí quy định thành lịch pháp. Từ đó về sau, tuy các triều đại trong lịch sử tiến hành nhiều tu cải thay đổi đối với bộ pháp lịch này, thế nhưng về mặt cơ sở vẫn coi bộ "Thái Sơ Lịch" là bản gốc, đặt ngày mùng một tháng giêng thành ngày nguyên đán, nguyên nhật.

Sau thời kỳ cách mạng Tân Hợi năm 1911, triều đại của nhà Thanh bị lật đổ, kết thúc chế độ phong kiến ở Trung Quốc. Tôn Trung Sơn (1866 - 1925) đã thành lập Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đóng tại Nam Kinh. Các đồ phủ đại diện cho các tỉnh thành toàn quốc đã tổ chức cuộc họp tại Nam Kinh, nội dung đàm thảo về vấn đề lịch pháp. Với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho nông vụ và tiện lợi cho việc kiểm kê thống nhất, quy



Phần lớn người Trung Quốc đều dùng nghệ thuật Thất Dây Đỏ để tăng thêm không khí hỷ lạc cung chúc trong ngày đón năm mới.



Hội Âm nhạc đón năm mới mỗi năm được tổ chức một lần đang trở thành tiết mục thời thượng thịnh hành trong đại số các thành phố toàn Trung Quốc.





Lễ tết Trung Quốc

định sử dụng cách tính thời gian theo âm lịch trong đời sống dân gian, còn đối với các đoàn thể, trường học, công ty nhà xưởng hay cơ quan chính phủ quy định sử dụng cách tính thời gian theo công lịch. Lấy ngày mừng một tháng giêng công lịch (cũng chính là dương lịch theo cách nói phổ biến trong đời sống nhân dân) đặt thành tên gọi "năm mới", quy định ngày mừng một tháng giêng âm lịch thành ngày "Tết Nguyên đán", tuy nhiên chưa thực sự chính thức cho công bố đặt tên và quảng bá sâu rộng. Ngày 27 tháng 9 năm 1949, Hội nghị Hiệp thương chính trị toàn thể nhân dân Trung Quốc lần đầu tiên được tổ chức với quy mô toàn quốc đã thông qua việc sử dụng quyết nghị mang tên "Công nguyên kỷ niên pháp", quy định ngày mừng một tháng giêng công lịch thành ngày "Tết Dương lịch", ngày mừng một tháng giêng âm lịch thành ngày "Tết Nguyên đán".

Người Trung Quốc có thói quen coi trọng năm mới tính theo âm lịch hơn là năm mới dương lịch. Do vậy, các phương thức cung chúc đón mừng ngày Tết Dương lịch không được tiến hành với quy mô long trọng, hoành tráng và được người dân chào đón trong không khí náo nhiệt như ngày Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, khi đến ngày Tết Dương lịch này, nhân dân cũng tiến hành các hoạt động tổ chức chúc mừng tương đối lớn, ví dụ như Buổi giao hưởng âm nhạc Tết Dương lịch, Liên hoan chào mừng Tết Dương lịch v.v.. Giữa các đơn vị xí nghiệp hay bạn bè thân thiết cũng tặng cho nhau những tấm thiệp cung chúc tân xuân với mục đích biểu đạt nguyện cầu những điều tốt lành bình an đến với nhau.

NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ "MÙNG TÁM THÁNG BA"

Tên gọi: Ngày Quốc tế Phụ nữ

Thời gian đón tết: Ngày mừng tám tháng ba dương lịch

Ngày Quốc tế Phụ nữ hay còn được gọi là "Ngày quyền lợi phụ nữ Liên Hợp Quốc và hòa bình quốc tế", hay với tên gọi khác như Tết Mừng tám tháng ba, đây là ngày lễ tết kỷ niệm về sự đoàn kết trong cuộc đấu tranh giành lại hòa bình, dân chủ và tự do của phụ nữ lao động quốc tế trên khắp mọi đất nước trên thế giới.

Ngày mùng 8 tháng 3 năm 1857, các nữ công nhân ngành dệt may ở New York - Mỹ đã tổ chức một cuộc biểu tình kháng nghị, phản đối môi trường làm việc phi nhân đạo, tiền lương rẻ mạt và chế độ thời gian lao động tận mười hai giờ trong một ngày. Những phụ nữ tham gia cuộc biểu tình kháng nghị đó đã bị cảnh sát đàn áp và dẫn tới kết cục là cuộc biểu tình tan rã. Hai năm sau ngày này, cũng vào tháng ba, họ đã cùng nhau tiến hành tổ chức một công hội.

Ngày mùng 8 tháng 3 năm 1908, một ngàn năm trăm phụ nữ biểu tình tại thành phố New York, yêu cầu rút ngắn thời gian lao động, nâng cao mức lương thù lao, yêu cầu được quyền tham gia bầu cử và nghiêm cấm sử dụng nhân công độ tuổi nhi đồng. Những người phụ nữ này để xuất khẩu hiệu "Bánh mì và hoa hồng". Bánh mì tượng trưng cho chế độ bảo đảm về kinh tế, hoa hồng tượng trưng cho chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ngày mùng 8 tháng 3 năm 1909, các nữ công nhân vùng California Mỹ đã tổ chức một cuộc diễu hành thị uy và bãi công với quy mô vô cùng lớn và lan rộng ra khắp mọi vùng miền lân cận, yêu cầu được tăng thêm tiền lương, thực hiện chế độ thời gian lao động tám giờ trong một ngày và yêu cầu được quyền tham gia bầu cử.



Trước Đại lễ đường nhân dân, đại biểu phụ nữ các dân tộc mặc các bộ trang phục truyền thống nhiệt liệt đón mừng Ngày "Quốc tế phụ nữ".





Lễ tết Trung Quốc

Tháng 3 năm 1910, đại diện phụ nữ của mười bảy quốc gia đã tham gia Đại hội đại biểu phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai được tổ chức tại Cô-pen-ha-gen, thủ đô của đất nước Đan Mạch. Họ đã thảo luận về những vấn đề mang tính chất quan trọng như phản đối hành động phát triển quân bị của



Người chồng tặng cho người vợ những lời chúc phúc bất ngờ và ý nghĩa trong ngày lễ tết, người vợ rơi những giọt lệ cảm động và hạnh phúc.

chủ nghĩa quân quốc, bảo hộ quyền lợi trẻ em, yêu cầu chế độ thời gian lao động tám tiếng trong một ngày và phụ nữ phải được hưởng quyền tham gia bầu cử v.v.. Tại đại hội này, người đứng đầu cuộc vận động phụ nữ quốc tế đồng thời nhà cách mạng chủ nghĩa xã hội nước Đức mang tên Clara Zetkin đã kiến nghị lấy ngày mừng tám tháng ba hàng năm quy định thành ngày đấu tranh của phụ nữ thế giới, lấy hoạt động này làm chủ trương đoàn kết gắn bó mọi phụ nữ lao động trên toàn thế giới cùng nhau phản đối các cuộc chiến tranh với dã tâm thôn tính xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, phản đối áp bức bóc lột, yêu cầu giải phóng và đòi quyền lợi cho bản thân mọi phụ nữ. Kiến nghị này đã được nhất trí thông qua, và từ đó ngày mừng tám tháng ba hàng năm được quy định thành Ngày Quốc tế Phụ nữ.

Hoạt động với mục đích kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ mừng tám tháng ba được tổ chức lần đầu tiên tại Trung Quốc vào năm 1942. Dưới sự chủ trì lãnh đạo của nhà hoạt động vì phụ nữ nổi tiếng mang tên Hà Hương Ngưng (1878 - 1972), phụ nữ làm việc trong mọi ngành nghề, mọi hoàn cảnh, môi trường đã tập hợp tổ chức kỷ niệm ngày lễ dành cho phụ nữ mừng tám tháng ba, đề xuất các khẩu hiệu nhằm mục đích phản đối chủ nghĩa đế quốc, phản đối chế độ phong kiến, bảo hộ quyền lợi phụ nữ với những nội dung như "Đả đảo quân phiệt chủ nghĩa đế quốc", "Phế trừ chế độ đa thê, nghiêm cấm ăn gian hối lộ" v.v.. Từ đó về sau hàng năm đều tổ chức kỷ niệm lễ này. Sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, vào tháng 12 năm 1949 Chính phủ Trung ương đã ban bố quy định lấy ngày mừng tám tháng ba hàng năm làm Ngày Quốc tế Phụ nữ Trung Quốc. Trong ngày lễ tết này, tất cả phụ nữ trên toàn quốc sẽ được nghỉ



Ảnh Tôn Trung Sơn (ảnh minh họa do Lý Đức An cung cấp).

phép nửa ngày, đồng thời còn tổ chức các hoạt động mang ý nghĩa chúc mừng, kỷ niệm.

Năm 1977, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 32 đã chính thức quyết định lấy ngày mùng tám tháng ba làm "Ngày quyền lợi phụ nữ Liên Hợp Quốc và ngày hòa bình quốc tế".

TẾT TRỒNG CÂY

Tên gọi: tết Trồng cây Trung Quốc

Thời gian đón tết: ngày mười hai tháng ba dương lịch

Tết Trồng cây là một ngày lễ tết theo quy định của nhà nước, được tổ chức với mục đích kích lệ tình cảm yêu cây quý rừng của con người, xúc tiến công cuộc toàn quốc xanh hóa, bảo vệ môi trường tự nhiên nơi con người sinh tồn.

Tết Trồng cây được hình thành sớm nhất trong thời kỳ lịch sử cận đại tại vùng Nebraska - NE của nước Mỹ. Ngày mùng 10 tháng 4 năm 1872, nhà nông học nổi tiếng của nước Mỹ mang tên Sterling Morton trong một lần tham dự hội nghị hiệp hội viên lâm vùng Nebraska - NE, đã đề xuất thành lập ngày Tết Trồng cây. Nebraska - NE đã tiếp nhận ý kiến đề xuất của Sterling Morton, quy định ngày 22 tháng 4 hàng năm bắt đầu từ năm 1885 trở đi trở thành ngày Tết Trồng cây. Từ đó về sau, các bang của nước Mỹ và các quốc gia trên thế giới đều hưởng ứng rộng rãi phong trào này.

Sau thời kỳ Cách mạng Tân Hợi năm 1911, nhà lãnh đạo Trung Quốc đương thời Tôn Trung Sơn đã khởi xướng kế hoạch trồng cây gây rừng áp dụng với quy mô lớn và phổ biến rộng khắp tại các vùng miền, khu vực và địa phương toàn Bắc bộ và Trung bộ Trung Quốc, quy hoạch viễn cảnh thành những miền đất hiện đại hóa nông nghiệp trong tương lai. Năm 1924, Tôn Trung Sơn trong một lần phát biểu tại Quảng

Chính phủ Bắc Dương

Còn gọi là Chính phủ Bắc Kinh, cũng là tên thường gọi của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc Bắc Kinh do quân phiệt Bắc Dương khống chế từ năm 1912 - 1928, lần lượt lũng đoạn Chính phủ Bắc Dương gồm: Đoàn Phụng Thụy, Phùng Quốc Chương, Vương Sĩ Trâm, Tào Côn, Ngô Bộ Phu, Trương Tác Lâm, Tôn Truyền Phương. Năm 1921 Quốc dân Đảng Trung Quốc thành lập Chính phủ Quốc dân ở Quảng Châu, Trung Quốc rơi vào trạng thái li khai. Chính phủ Bắc Dương đã được quốc tế thừa nhận là Chính phủ chính thức của nhân dân Trung Hoa, đến năm 1928 bị Chính phủ Quốc dân thay thế.





Châu đã nhấn mạnh rằng: "Phương pháp căn bản trong quá trình nghiên cứu công việc phòng trừ lũ lụt và hạn hán của chúng ta đều xuất phát từ điểm chung là phải kiến tạo rừng, phải kiến tạo rừng với đại quy mô mang tính chất tầm cỡ toàn quốc". Sau đó, Tôn Trung Sơn đã liên tục nhắc đi nhắc lại tính nguy hại của việc hủy hoại rừng cây cũng như tính quan trọng vô ngần của công cuộc kiến tạo trồng cây gây rừng trong các bài phát biểu và các tác phẩm của mình.

Năm 1915, hưởng ứng lời kêu gọi của Tôn Trung Sơn, Chính phủ Bắc Dương đương thời đã chính thức công bố quy định ngày Tết Thanh minh cũng chính là ngày Tết Trồng cây, và cũng từ đó đã hình thành nên ngày Tết Trồng cây của người Trung Quốc. Sau đó, vì ngày Tết Thanh minh đối với những người dân sống và sinh hoạt tại khu vực vùng miền phía nam Trung Quốc mà nói, thời gian được coi là tiết mùa dành cho thực vật, diễn ra quá muộn, đồng thời cũng để tưởng nhớ tiên sinh Tôn Trung Sơn, Chính phủ Quốc Dân đã quyết định lại, cho chuyển ngày mười hai tháng ba - ngày mất của Tôn Trung Sơn thành ngày Tết Trồng cây.

Tháng 2 năm 1979, phiên họp thứ sáu của Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ năm của Trung Quốc đã quyết định rằng, lấy ngày mười hai tháng ba hàng năm làm ngày Tết Trồng cây của toàn Trung Quốc; yêu cầu trong ngày lễ tết này, phải triển khai các hoạt động trồng cây trong toàn dân, huy động đông đảo, rộng khắp mọi người trong toàn thể xã hội tham gia công cuộc trồng cây gây rừng. Năm 1981, dưới sự khởi xướng của Đặng Tiểu Bình (1904 - 1997), Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ năm của Trung Quốc đã biểu quyết thông qua "Quyết nghị về việc triển khai nghĩa vụ trồng cây trong toàn dân".

Trong thời gian chuẩn bị diễn ra Tết Trồng cây vào ngày mười hai tháng ba, người dân nô nức thi nhau đi đến các khu vực đồng hoang sơn cước, thực hiện công việc trồng cây theo nghĩa vụ, trồng cây kỷ niệm, kiến tạo rừng kỷ niệm theo quy định đối với công dân; các nhà lãnh đạo quốc gia cũng dẫn đầu trong hành trình tham gia hoạt động trồng cây gây rừng được tổ chức đều đặn hàng năm. Ý thức xanh hóa trong toàn quốc, ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, ý thức bảo tồn, lưu truyền và phát triển, trách nhiệm xã hội và quan niệm hiểu biết về chế độ pháp luật nhà nước đã không ngừng được giáo dục và nâng cao trong quá trình vận động toàn dân thực hiện nghĩa vụ trồng cây gây rừng theo chủ trương đường lối của nhà nước. Từ tháng 12 năm 1982 đến cuối năm 2008, toàn Trung Quốc





Lễ tết Trung Quốc

đã có tất cả 11,52 tỷ lượt người tham gia nghĩa vụ trồng cây, số lượng cây được trồng theo nghĩa vụ công dân trong toàn đất nước Trung Quốc qua thống kê đã lên tới 53,85 tỷ cây.

Căn cứ vào kết quả thống kê của Liên Hợp Quốc, ngày nay, trên thế giới có hơn năm mươi quốc gia đã quy định thành lập ngày tết Trồng cây này.

NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG MỪNG MỘT THÁNG NĂM

Tên gọi: Ngày Quốc tế Lao động

Thời gian đón tết: Ngày mừng một tháng năm dương lịch

Ngày Quốc tế Lao động mừng một tháng năm là ngày lễ tết chung của toàn thể nhân dân lao động và giai cấp vô sản trên khắp mọi miền thế giới. Ngày lễ tết này khởi nguồn từ cuộc bãi công được tổ chức với quy mô lớn tại thành phố Chicago nước Mỹ.

Ngày mừng 01 tháng 05 năm 1886, hơn 2.160.000 công nhân làm việc tại thành phố Chicago đã tiến hành tổ chức cuộc bãi công với quy mô vô cùng lớn yêu cầu chế độ thời gian lao động tám tiếng trong một ngày, đây là một cuộc đấu tranh kinh qua trăm ngàn gian khổ thậm chí ngập



Đại biểu công nhân hát vang bài ca "Công nhân chúng ta có sức mạnh".



Mạng Internet Trung Quốc phát hành thẻ điện thoại Ngày Quốc tế Lao động mừng một tháng năm.

tràn trong bể máu, cuối cùng đã giành được thắng lợi. Để ghi công và kỷ niệm phong trào đấu tranh vĩ đại của những công nhân này, ngày 14 tháng 07 năm 1889, Đại hội đại biểu phe chủ nghĩa xã hội tổ chức cuộc họp long trọng tại Pari - thủ đô nước Pháp. Trong đại hội này, đại biểu của nước Pháp đã đề xuất ý kiến rằng: lấy ngày mùng 01 tháng 05 năm 1886 - ngày đấu tranh của công nhân yêu cầu được làm việc trong chế độ thời gian tám tiếng một ngày, quy định thành ngày lễ kỷ niệm chung của toàn thể giai cấp vô sản trên khắp thế giới. Đại hội cũng đi đến thống nhất và đồng ý thông qua quyết nghị cho ngày lễ mang đậm ý nghĩa lịch sử quan trọng này. Ngày Quốc tế Lao động đã được hình thành từ thời điểm đó. Quyết định này ngay lập tức gây được tiếng vang tích cực, được đông đảo công nhân khắp các nước trên thế giới đón nhận. Mỗi độ đến dịp này, nhân dân lao động trên khắp thế giới đều tập hợp lại, cùng tổ chức diễu hành với mục đích cung chúc đón chào ngày lễ tết này.

Các hoạt động kỷ niệm chào đón Ngày Quốc tế lao động của nhân dân Trung Quốc được bắt đầu tổ chức từ năm 1918. Trong năm này, một số thành phần trí thức tiến bộ trên khắp mọi vùng miền, địa phương từ Thượng Hải, Tô Châu, Hàng Châu đến Hán Khẩu v.v.. đã phát tờ rơi với nội dung giới thiệu về ngày "Mùng một tháng năm". Ngày mùng 01 tháng 05 năm 1920, quần chúng các giới công nhân tại các thành phố công nghiệp của các khu vực như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Cửu Giang, Đường Sơn v.v.. đã nô nức, rầm rộ tham gia diễu hành trên các tuyến đường phố với quy mô lớn. Đây cũng là Ngày Quốc tế lao động "mùng một tháng năm" được tổ chức lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, tháng 12 năm 1949, Quốc vụ viện Chính phủ Nhân dân Trung ương đã thống nhất và ban bố quyết định lấy ngày mùng một tháng năm đặt thành Ngày Quốc tế lao động theo quy định của nhà nước, cho phép toàn quốc được nghỉ phép thời gian một ngày. Mỗi độ đến dịp "mùng một tháng năm", cả nước tổ chức các hoạt động chúc mừng đón chào, tất cả mọi người khoác lên mình những bộ trang phục đẹp đẽ, tụ tập cùng nhau tại các khu công viên, nhà hát kịch, quảng trường với tâm trạng vui tươi nồng nhiệt, cùng nhau tham gia các phong trào tập thể hay hoạt động văn thể mang tính chất vui chơi giải trí; đồng thời tổ chức biểu dương những người lao động đã có những cống hiến xuất sắc, hết mình trong năm qua.





TẾT THANH NIÊN NGÀY MỪNG BỐN THÁNG NĂM

Tên gọi: Tết Thanh niên Trung Quốc

Thời gian đón tết: Ngày mừng bốn tháng năm dương lịch

Xuất xứ của Tết Thanh niên Trung Quốc là từ cuộc vận động biểu tình "ngày mừng bốn tháng năm" - cuộc biểu tình với nội dung yêu nước chống chủ nghĩa đế quốc nổi tiếng năm 1919.

Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất, các quốc gia như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật v.v.. đã tiến hành tổ chức "Hội nghị hòa bình" tại Pari vào tháng 01 năm 1919. Chính phủ Bắc Dương Trung Quốc đã cử đại diện tham gia hội nghị hòa bình này, đồng thời trong đại hội đã nêu ý kiến đề xuất, hy vọng chủ nghĩa đế quốc bị bài trừ thẳng thắn và quyết tâm trong chế độ đặc quyền Trung Hoa, yêu cầu hủy bỏ "hai mươi mốt điều" trong điều ước bất bình đẳng của Nhật Bản đối với đất nước Trung Quốc. Tháng 05 năm 1919, "Hội nghị hòa bình Pari" đã từ chối vô điều kiện yêu cầu chính đáng về việc hủy bỏ hiệp ước bất bình đẳng của Trung Quốc với tư cách là một nước giành chiến thắng, quyết định mọi quyền lực không có căn cứ pháp luật của nước Đức tại khu vực Sơn Đông, giao toàn bộ lại cho Nhật Bản. Sau khi tin tức này được lan truyền rộng rãi, nhân dân khắp mọi miền đất nước đều tỏ thái độ phẫn nộ. Ngày mừng bốn tháng năm năm đó, hơn ba ngàn học sinh sinh viên trong các trường đại học của thành phố Bắc Kinh đã tụ tập tại quảng trường Thiên An Môn, cùng nhau tổ chức cuộc biểu tình do học sinh sinh viên tự tổ chức lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, với các khẩu hiệu vận động như "Ngoài đòi quyền lợi đất nước, trong trừng phạt tham ô gian lận", "Hủy bỏ hai mươi mốt điều", "Từ chối ký kết hòa ước"; khẩn cầu tâm nguyện đến phủ tổng thống; tuy nhiên cuộc biểu tình này đã vấp phải các cuộc đàn áp từ chính phủ quân phiệt đương thời. Nhân dân khắp mọi nơi trên toàn quốc căm phẫn uất hận, từ đó các cuộc bãi khóa



Cuộc vận động "Ngày mừng bốn tháng năm" bùng nổ.



Đông đảo sinh viên trong nghi lễ tuyên thệ dành cho người trưởng thành đã phát bóng bay đỏ gửi gắm những lời cầu nguyện của lứa tuổi thanh xuân lên trời cao.

không đến trường đi học của học sinh sinh viên, bãi công không đi làm của công nhân, bãi thị không mở cửa tiệm của các thương gia, đã dần dần lan rộng và phát triển thành cuộc bãi công biểu tình yêu nước chống chủ nghĩa đế quốc với quy mô rộng khắp toàn quốc. Ngày mùng mười tháng sáu, chính phủ quân phiệt bị ép buộc phải thỏa hiệp, tiến hành cách chức ba nhân vật bị kết tội có những hành vi bán nước là Tào Nhữ Lâm, Chương Tông Tường và Lục Tông Dư. Ngày hai mươi tám tháng sáu, đại biểu Trung Quốc đã từ chối ký tên trong bản hòa ước. Sau khi tin tức này được phổ biến khắp thế giới đã gây kinh động đến các nước đế quốc. Từ đó về sau, những mục đích trực tiếp được đề xuất trong cuộc vận động biểu tình "ngày mùng bốn tháng năm" về cơ bản đã được thực hiện.

Cuộc vận động "ngày mùng bốn tháng năm" là sự kiện vượt thời đại trong hành trình lịch sử của Trung Quốc, đó không chỉ là cuộc vận động biểu tình của học sinh sinh viên yêu nước, hơn nữa còn là cuộc vận động văn hóa mới trong công cuộc phản đối văn hóa phong kiến cổ hủ, đề cao nền khoa học dân chủ mới mẻ sau đó liên tiếp là các cuộc vận động mang nội dung đề cao khoa học, dân chủ cũng như nhấn mạnh nét quan trọng của ngôn ngữ tiếng Quảng Đông, tất cả đều có ảnh hưởng sâu rộng từ phong trào "ngày mùng bốn tháng năm".





Lễ tết Trung Quốc

Cuộc vận động "ngày mừng bốn tháng năm" đã thể hiện ý chí quật cường, kiên quyết không khuất phục trong phòng trào chiến đấu giành quyền tự do dân chủ và độc lập dân tộc, bảo vệ nhân dân toàn quốc, đồng thời cũng đánh dấu thời khắc bắt đầu của cuộc cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới tại Trung Quốc. Để kế thừa và phát huy tinh thần yêu nước, đòi quyền dân chủ, yêu khoa học từ cuộc vận động "ngày mừng bốn tháng năm" này, năm 1949, Quốc vụ viện Chính phủ Nhân dân Trung ương đã chính thức công bố quy định lấy ngày mừng bốn tháng năm hàng năm thành ngày Tết Thanh niên Trung Quốc. Trong thời gian đón Tết Thanh niên, khắp mọi vùng miền khu vực tại Trung Quốc đều tiến hành tổ chức các hoạt động mang tính chất tưởng nhớ, kỷ niệm, ví dụ như các điểm tụ hội, các hoạt động công ích xã hội của tình nguyện viên thanh niên cũng như các hoạt động thực tiễn ngoài trời, tổ chức các nghi lễ đánh dấu tuổi trưởng thành v.v..

Trong ngày Tết Thanh niên, tất cả thanh niên độ tuổi từ mười bốn trở lên sẽ được nghỉ phép thời gian nửa ngày.

NGÀY QUỐC TẾ THIẾU NHI MỪNG MỘT THÁNG SÁU

Tên gọi: Ngày Quốc tế thiếu nhi

Thời gian đón tết: Ngày mừng một tháng sáu dương lịch

Ngày Quốc tế thiếu nhi "ngày mừng một tháng sáu" là ngày lễ dành cho thiếu niên nhi đồng trên khắp thế giới. Tháng 08 năm 1925, đại diện cho tình thương và ý thức bảo hộ nhi đồng của năm mươi tư đất nước đến từ những khu vực khác nhau trên toàn thế giới đã tổ chức "Đại hội Nhi đồng Hạnh phúc Quốc tế" tại Geneva, đại hội thống nhất và biểu quyết thông qua "Tuyên ngôn bảo hộ quyền lợi nhi đồng Geneva". Nội dung bản tuyên ngôn đề xuất các quy định liên quan đến những vấn đề thiết yếu như vấn đề trẻ em được quyền vui chơi hưởng thụ về lĩnh vực tinh thần, vấn đề cứu giúp trẻ em cơ nhỡ, vấn đề bài trừ những công việc mang tính chất nguy hiểm đối với trẻ em, vấn đề trẻ em nhi đồng được có cơ hội mưu sinh, hay cả những vấn đề như nuôi dưỡng giáo dục trẻ em như thế nào v.v.. Sau cuộc họp đại hội này, chính phủ các quốc gia đều lần lượt ban bố thành lập ngày "Tết Nhi Đồng", một mặt góp phần động viên cổ vũ cho



Trẻ em tụ tập vẽ trên bức họa dài trăm mét, hoạt động đón mừng ngày tết Thiếu nhi mừng một tháng sáu.

mọi trẻ em, giúp cho các em cảm nhận được niềm hạnh phúc, vui vẻ trong cuộc sống, mặt khác cũng góp phần vận động kêu gọi tinh thần coi trọng và thương yêu bảo vệ trẻ em của mọi tầng lớp nhân dân trong toàn thể xã hội.

Trong thời gian diễn ra Chiến tranh thế giới lần thứ hai, tháng 06 năm 1942, các phần tử phát-xít Đức đã bắn giết hơn 140 công dân nam trên 16 tuổi và toàn bộ trẻ sơ sinh trong thôn Klee Dietze thuộc địa phận nước

Đức, đồng thời bắt giam hơn 90 phụ nữ và trẻ em trong trại riêng.

Để tưởng nhớ những trẻ em thôn Klee Dietze nước Đức và những trẻ em khác đã mất trong tất cả các cuộc chiến tranh chống phát-xít của tất cả các quốc gia trên toàn thế giới, phản đối các cuộc chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc bắt cóc, buôn bán, bóc lột, tàn sát, đầu độc hại trẻ em, bảo vệ quyền được sống, được sinh tồn cho trẻ em trên toàn thế giới, bảo vệ quyền được sống lành mạnh và được học hành; tháng 11 năm 1949, Hội Liên hiệp phụ nữ dân chủ quốc tế đã tiến hành thành lập ủy ban thường trực tại Mê-xi-cô, chính thức quyết định lấy ngày mừng một tháng sáu hàng năm làm ngày lễ tết dành cho đối tượng là thiếu niên nhi đồng của tất cả mọi quốc gia trên toàn thế giới, được gọi là Ngày Quốc tế thiếu nhi.

Tại Trung Quốc, bắt đầu từ năm 1931, căn cứ theo Tổ chức Từ thiện Trung Hoa, lấy ngày mừng bốn tháng bốn hàng năm thành ngày Tết Nhi đồng. Sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, với mục đích tăng thêm sự quan tâm chăm sóc đối với quá trình sinh sống và trưởng thành của mọi trẻ em, Quốc vụ viện Chính phủ Nhân dân Trung ương đã ban bố quyết định lấy ngày mừng một tháng sáu hàng năm làm Ngày Quốc tế thiếu nhi, lệnh ban bố và thực thi từ tháng 12 năm 1949.

Cho đến thời đại ngày nay, chính phủ các quốc gia trên thế giới dành sự quan tâm chăm sóc cho tương lai và bảo hộ quyền lợi của toàn trẻ em đã được thịnh hành và phổ biến rộng rãi khắp nơi. Liên hợp quốc năm 1990 đã nhất trí thông qua "Công ước về quyền trẻ em", Trung Quốc cũng trở thành một trong các nước tham gia ký kết công ước này. Cũng trong cùng một năm tiến hành phê chuẩn "Công ước về quyền trẻ em" này,





Lễ tết Trung Quốc



Ngày hội tham quan du lịch ngập tràn tiếng cười nói náo nhiệt và tưng bừng của các em thiếu nhi.

Trung Quốc cũng đã ban bố "Luật bảo hộ trẻ vị thành niên nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", điều này đã có ảnh hưởng và tác dụng vô cùng tích cực đối với các hoạt động duy trì bảo hộ cho quyền lợi của thiếu niên nhi đồng. Trong mối quan tâm chăm sóc của chính phủ, toàn thể xã hội đều nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo hộ và giáo dục trẻ em. Thiếu niên nhi đồng nhận được điều kiện sinh hoạt, học tập và rèn luyện sức khỏe tốt, quá trình sinh sống và trưởng thành đầy đủ thoải mái. Mỗi độ đến dịp Ngày Quốc tế thiếu nhi mừng một tháng sáu hàng năm, mọi đối tượng là thiếu niên nhi đồng trong độ tuổi dưới mười ba được nghỉ phép thời gian nửa ngày. Một số vùng miền khu vực khác còn quy định, các bậc phụ huynh của thiếu niên nhi đồng cũng được nghỉ phép trong thời gian nửa ngày. Được tôn thành ngôi sao nhỏ đặc biệt trong ngày tết này, các bạn nhỏ và bố mẹ sẽ cùng nhau đi dạo trong các công viên, vườn bách thú, hay tổ chức du ngoạn tại các khu vui chơi giải trí, hoặc đi tham quan tại nhà bảo tồn khoa học kỹ thuật, nhà bảo tàng, nhà thiên văn, đến các trung tâm vui chơi giải trí của trẻ em, cung văn hóa thiếu nhi để tham gia các hoạt động với các chủ đề như thi thư họa v.v.. góp phần tạo thêm nét đặc sắc mang đầy không khí rộn rã cho chính ngày lễ tết của mình.

NGÀY THÀNH LẬP QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN MÙNG MỘT THÁNG TÁM

Tên gọi: Ngày Thành lập Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc

Thời gian đón tết: Ngày mừng một tháng tám dương lịch

Ngày mừng một tháng tám được gọi là Ngày Thành lập Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

Trong sơ kỳ cuộc cách mạng dân chủ do Tôn Trung Sơn đích thân lãnh đạo, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc dân đảng Trung Quốc đã kết hợp với nhau thành một phe đồng minh. Tháng 04 năm 1927, nhà lãnh đạo Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch (1887 - 1975) đã tổ chức cuộc đảo chính, dã tâm ám hại các đảng viên của Đảng Cộng sản, hợp tác giữa hai Đảng đã tuyên bố tan rã. Với mục đích cứu vãn cách mạng, ngày mừng một tháng tám năm đó, hơn hai mươi ngàn quân trong đội quân Bắc Phạt dưới sự lãnh đạo của các nhà cầm quyền trong Đảng Cộng sản như Chu Ân Lai (1898 - 1976), Hạ Long (1896 - 1969), Diệp Đình (1896 - 1946), Chu Đức (1886 - 1976), Lưu Bá Thừa (1892 - 1986) v.v.. đã tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang tại khu vực Giang Tây, Nam Xương, được đánh dấu như một tiếng súng vang lên dữ dội tấn công vào các nhà



Nghi lễ duyệt binh của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.





Phù điêu bia kỷ niệm anh hùng nhân dân - Khởi nghĩa Nam Xương. Bia này được xây dựng trên quảng trường Thiên An Môn - thành phố Bắc Kinh. (Ảnh minh họa do Đồng Vũ cung cấp).

lãnh đạo Quốc dân đảng, tượng trưng cho ý nghĩa khởi đầu cuộc cách mạng vũ trang dưới sự lãnh đạo độc lập của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau khi quân đội khởi nghĩa đã tạm chiếm đóng được khu vực Nam Xương, ngay lập tức tiến quân về vùng Quảng Đông, nhưng bị bại trận và tan rã. Một bộ phận do Chu Đức, Trần Nghĩa (1901 - 1972) lãnh đạo đã tiến quân đến núi Tĩnh Cương thuộc tỉnh Giang Tây kết hợp với lực lượng quân đội do Mao Trạch Đông (1893 - 1976) chỉ huy, thành Hồng quân Công nông Trung Quốc. Quân đội nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo từ đó được thành lập, kinh qua trường kỳ kháng chiến đấu tranh chống Nhật Bản và giải phóng dân tộc, đã dần dần phát triển thành lực lượng hùng hậu, và trở thành Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc như ngày hôm nay.



Tượng bia tưởng niệm cuộc khởi nghĩa Nam Xương. Ảnh minh họa do Tiến Tiến cung cấp.

Ngày 26 tháng 06 năm 1933, Trung ương cục khu Xô Viết của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã căn cứ vào đề xuất của Ủy ban Quân sự Cách mạng Trung ương, đã thông qua và cho ban bố "Quyết định của Trung ương cục về việc lấy ngày mùng một tháng tám làm ngày đấu tranh chống chiến tranh đế quốc" và "ngày kỷ niệm thành lập Hồng quân Công nông Trung Quốc". Ngày ba mươi tháng sáu cùng năm đó, Ủy

ban Quân sự Cách mạng Trung ương đã cho công bố "Quyết định lấy "ngày mừng một tháng tám" làm ngày lễ kỷ niệm Thành lập Hồng quân Công nông Trung Quốc", trong đó chỉ ra rằng: "Ngày mừng 01 tháng 08 năm 1927", đã có cuộc nổi dậy tại Nam Xương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - một chính đảng của giai cấp vô sản. Cuộc nổi dậy này là sự khởi đầu cho cuộc cải cách ruộng đất chống chủ nghĩa đế quốc, là khởi nguồn cho sự ra đời của Hồng quân Công nông anh dũng kiên cường". Ngày mười một tháng bảy cùng năm, Chính quyền Trung ương - Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Xô Viết Trung Hoa đã phê chuẩn kiến nghị của Ủy ban Quân sự Cách mạng Trung ương, lấy ngày mừng một tháng tám làm Ngày Thành lập Quân giải phóng Nhân dân. Quy định "ngày mừng một tháng tám" hàng năm làm Ngày kỷ niệm Hồng quân Công nông Trung Quốc, đồng thời nhấn mạnh rằng: "Hồng quân Công nông Trung Quốc bắt đầu từ cuộc nổi dậy Nam Xương, kinh qua các cuộc đấu tranh và dần dần trưởng thành từ đó, quyết định "Ngày kỷ niệm Hồng quân mừng một tháng tám năm nay, tặng cờ quyết thắng cho các đơn vị, tặng huy chương cho các đồng chí lãnh đạo và sĩ quan chỉ huy, các chiến sĩ có công trong cuộc nổi dậy Nam Xương"; "quy định chế độ đãi ngộ đặc biệt cho các chiến sĩ Hồng quân". Từ đó về sau, mỗi độ đến ngày lễ "mừng một tháng tám", cả nước đều triển khai các hoạt động tri ân các chiến sĩ Hồng quân và đãi ngộ đặc biệt cho thân nhân, gia đình các chiến sĩ Hồng quân.

Sau khi Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc được thành lập, vẫn lấy ngày "mừng một tháng tám" làm Ngày Thành lập Quân giải phóng Nhân dân.

NGÀY NHÀ GIÁO

Tên gọi: Ngày Nhà giáo Trung Quốc

Thời gian đón tết: Ngày mừng mười tháng chín dương lịch

Ngày Nhà giáo là một trong những ngày lễ tết của ba ngành khác nhau bao gồm Ngày Y sĩ, Ngày Nhà báo và Ngày Nhà giáo. Từ năm 1931 cho đến nay, trải qua các thời kỳ lịch sử, Trung Quốc đã có tất cả bốn loại Ngày Nhà giáo với thời gian kỷ niệm và tính chất khác hẳn nhau.

Ngày Nhà giáo xuất hiện sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc bắt đầu từ năm 1931. Đương thời, các vị giáo sư nổi tiếng trong giới giáo dục mang





Lễ tết Trung Quốc

tên Đài Sáng Thu, Trình Kỳ Bảo v.v.. đã phát động phong trào liên kết toàn thể nhân sĩ giới học thuật trong các khu vực như thành phố Bắc Kinh và thành phố Thượng Hải, đặt ngày mừng sáu tháng sáu thành Ngày Nhà giáo, đồng thời đưa ra "Tuyên ngôn Ngày Nhà giáo", đề xuất ba mục ưu đãi dành riêng cho giáo viên như: cải thiện chế độ đãi ngộ đối với giáo viên, chế độ bảo hiểm lao động cho giáo viên, tăng thời gian nghỉ ngơi cho giáo viên. Việc thành lập Ngày Nhà giáo này tuy không được Chính phủ Quốc dân đảng đương thời thừa nhận, nhưng đã gây tiếng vang lớn và có ảnh hưởng nhất định trong khắp các khu vực và vùng miền địa phương trên toàn quốc.

Ngày Nhà giáo "ngày mừng sáu tháng sáu" là do các giáo viên tự phát tổ chức và thành lập, chưa qua sự công nhận của Chính phủ Quốc dân Đảng; năm 1939 lại lấy ngày hai mươi bảy tháng tám - ngày sinh nhật của nhà giáo dục cổ đại Trung Quốc Khổng Tử (551 - 479 TCN) làm Ngày Nhà giáo, đồng thời công bố "Phương thức tạm thời về lễ kỷ niệm Ngày Nhà giáo". Tuy nhiên lúc bấy giờ quy định này chưa được phổ biến trong toàn quốc.

Năm 1951, Bộ Giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Tổng Công hội Toàn quốc Trung Hoa (Tổng Liên đoàn Lao động Toàn quốc Trung Hoa) thống nhất lấy Ngày Quốc tế Lao động mừng một tháng năm cũng làm ngày Ngày Nhà giáo. Tuy nhiên, như vậy lại không có hoạt động chúc mừng dành riêng cho các giáo viên, do vậy Ngày Nhà giáo cũng chưa thật sự thu hút sự chú ý của tất cả mọi người.

Ngày mừng 9 tháng 12 năm 1984, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh Vương Tử Khôn đã có ý kiến: "Giáo viên cũng nên có ngày lễ tết dành riêng cho chính mình", đồng thời đã đưa kiến nghị này đến tờ "Văn báo Bắc Kinh" (tức Báo Buổi tối Bắc Kinh). Ngay ngày hôm sau, "Văn báo Bắc Kinh" đã cho đăng bài viết nhan đề "Hiệu trưởng Vương Tử Khôn kiến nghị triển khai



Tượng Khổng tử - Nhà giáo dục vĩ đại thời cổ đại Trung Quốc.



Các em bé trong Nhà trẻ vẽ bộ trang phục sắc màu dành cho cô giáo, chúc phúc cô giáo ngày lễ tết vui vẻ.

các hoạt động về tháng tôn sư trọng đạo", bài viết này ngay lập tức đã nhận được phản hồi sâu sắc từ bạn đọc. Ngày mười lăm tháng mười hai năm đó, các vị giáo sư trong Trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh là Chung Kính Văn, Khải Công, Cương Tử Khôn, Đào Đại Dung, Chu Tri Hiến, Hoàng Tế, Triệu Kinh Hoàn v.v.. đã cùng chính thức đề xuất thành lập Ngày Nhà giáo. Để phát huy truyền thống tốt đẹp với tinh thần "tôn sư trọng đạo", tôn vinh các nhà giáo, ngày 21 tháng 01 năm 1985, Hội nghị lần thứ chín của Ủy ban Thường vụ Đại

biểu Nhân dân Toàn quốc lần thứ sáu đã đưa ra nghị quyết với nội dung lấy ngày mừng mười tháng chín hàng năm quy định thành Ngày Nhà giáo.

Sở dĩ chọn ngày mừng mười tháng chín hàng năm thành Ngày Nhà giáo, làm ngày kỉ niệm vì đây là thời gian bắt đầu mùa khai trường trong tất cả các cấp từ tiểu học, trung học cơ sở đến phổ thông cơ sở trong toàn quốc. Các trường học muốn có không khí mới mẻ rộn ràng, học sinh mới nhập học cũng có cơ hội được thể hiện lòng tri ân và tôn sư trọng đạo đối với thầy cô, góp phần tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh và tốt đẹp trong trường học. Ngày mừng 10 tháng 09 năm 1985 được coi là Ngày Nhà giáo đầu tiên được tổ chức kể từ sau khi Trung Quốc giành được độc lập, giải phóng dân tộc. Đương thời, Chủ tịch nước Trung Quốc Lý Tiên Niệm (1909 - 1992) đã gửi thư thăm hỏi và chúc mừng toàn thể giáo viên trên cả nước trong ngày lễ này. Thủ đô Bắc Kinh đã tổ chức đại lễ thu hút hàng vạn người dân tham gia. Cũng trong thời gian đón Ngày Nhà giáo này, hai mươi tỉnh thành trong toàn quốc đã cùng nhau biểu dương tất cả 11.871 các tập thể giáo viên và các cá nhân có thành tích xuất sắc cấp tỉnh. Từ đó trở về sau, Trung Quốc đã quy định về ngày lễ dành riêng cho các nhà giáo mang tên Ngày Nhà giáo Trung Quốc.





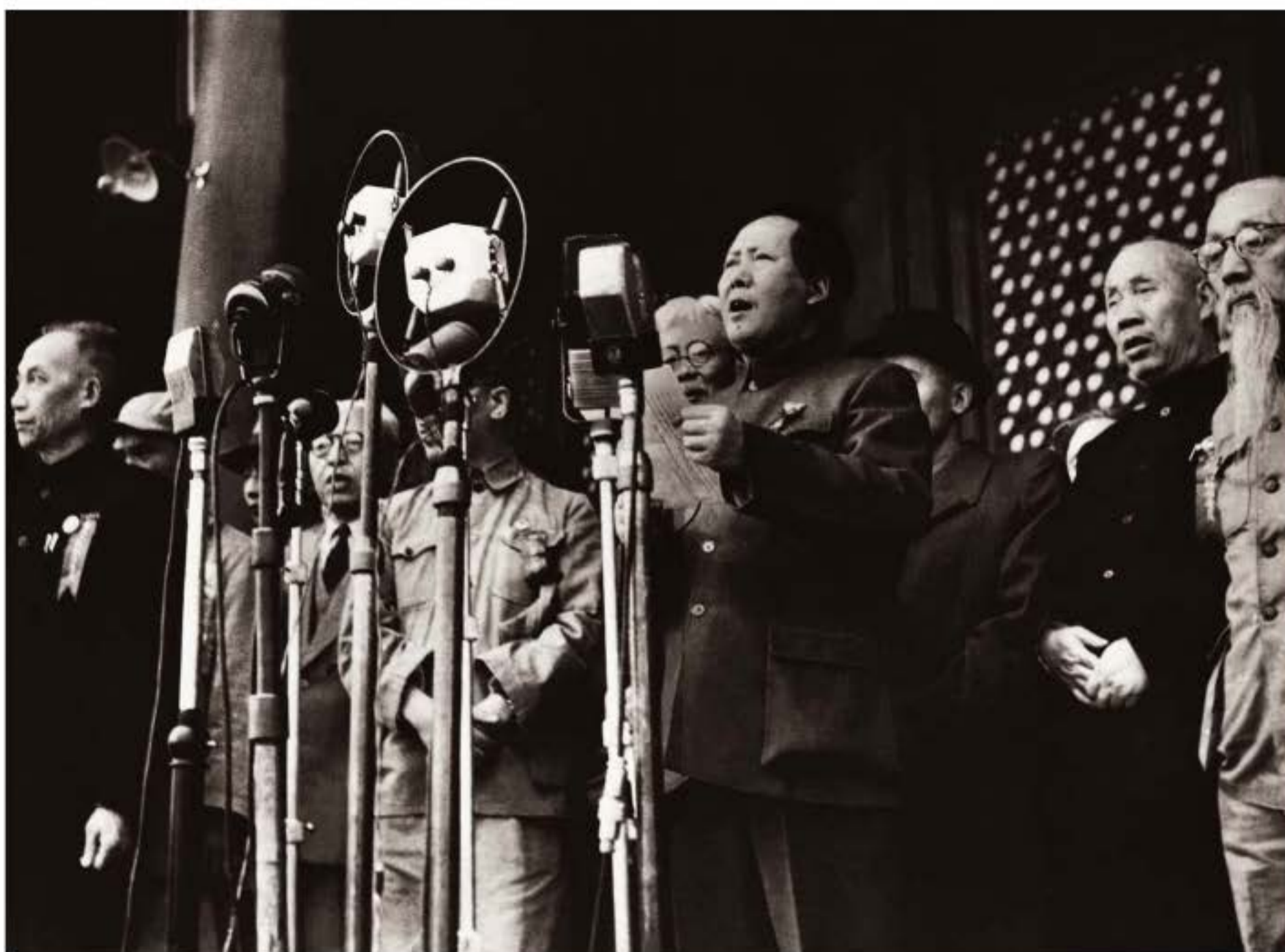
NGÀY QUỐC KHÁNH

Tên gọi: Ngày Quốc Khánh

Thời gian đón tết: Ngày mùng một tháng mười dương lịch

3 giờ chiều ngày mùng 01 tháng 10 năm 1949, hơn ba trăm ngàn người dân Bắc Kinh đã có mặt tại quảng trường Thiên An Môn long trọng tham dự đại lễ, cung chúc và đón chào Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chủ tịch nước Mao Trạch Đông đã trang nghiêm tuyên cáo thành lập Chính phủ Nhân dân Trung ương cũng như sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; đồng thời đích thân giương cao lá cờ đỏ năm sao đầu tiên. Chủ tịch nước Mao Trạch Đông đã đồng đọc *Bản tuyên bố của Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*: "Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho nhân dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với bất kì chính phủ nước ngoài nào mà tuân thủ các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền lãnh thổ, bình đẳng cùng có lợi...". Tiếp theo sau đó là các nghi lễ diễu binh diễn tập và cuộc vận động tham gia tổ chức nghi thức duyệt binh của lực lượng vũ trang và diễu hành của quần chúng nhân dân. Tổng tư lệnh Chu Đức đã kiểm duyệt lại toàn bộ lực lượng hải - lục - không quân, đồng thời ban tuyên bố "Mệnh lệnh của Tổng bộ Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc", mệnh lệnh Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc nhanh chóng quét sạch tàn dư quân đội phản động Quốc dân đảng, giải phóng toàn bộ những mảnh đất của Tổ quốc chưa được giải phóng từ trước tới nay. Cũng trong ngày này, Đài Phát thanh Truyền hình Tân Hoa Bắc Kinh đã phát thanh trực tiếp buổi đại lễ thành lập Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đây là chương trình truyền hình phát sóng trực tiếp với quy mô lớn nhất trong lịch sử phát triển của Đài Phát thanh Truyền hình Nhân dân Trung Quốc, được kết hợp phát sóng cùng với đài phát thanh truyền hình nhân dân tại các tỉnh thành khác trong toàn quốc.

Trong Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân lần thứ nhất khóa I của Ủy ban toàn quốc, có đại biểu đã phát biểu rằng: "Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nên có một ngày kỷ niệm chúc mừng riêng,



Chủ tịch Mao Trạch Đông trình trọng tuyên bố thành lập đất nước Trung Quốc mới trước toàn thể thế giới vào ngày mừng 01 tháng 10 năm 1949.

hy vọng hội nghị lần này quyết định lấy ngày mừng một tháng mười làm Ngày Quốc khánh". Chủ tịch Mao Trạch Đông đã nói rằng: "Chúng ta nên kiến nghị lên Chính phủ, mọi việc sẽ do Chính phủ quyết định". Ngày mừng 03 tháng 12 năm 1949, Hội nghị lần thứ tư của Ủy ban Chính phủ Nhân dân Trung ương đã thông qua hội nghị họp lần thứ tư với "Quyết nghị về Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", trong đó quy định ngày mừng một tháng mười hàng năm làm Ngày Quốc khánh Trung Quốc, đồng thời ngày này cũng được chính thức tuyên cáo là ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Bắt đầu từ năm 1950 trở về sau, mỗi độ đến ngày mừng một tháng mười hàng năm, quần chúng nhân dân tất cả các dân tộc trên toàn quốc long trọng chào đón ngày lễ tết này.

Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bắt đầu từ ngày mừng 01 tháng 10 năm 1949, các hoạt động hàng năm với mục đích chào mừng Ngày Quốc khánh đều mang ý nghĩa lịch sử vô cùng



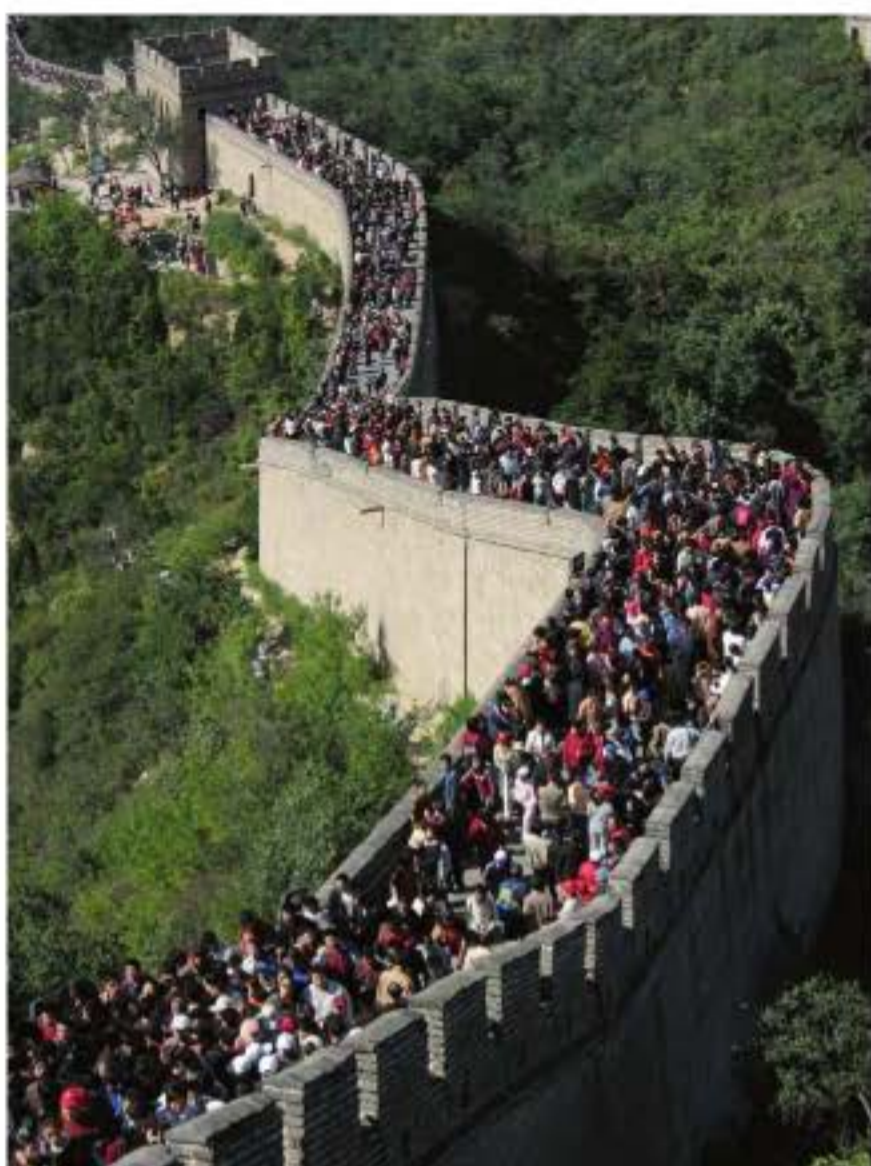


Lễ tết Trung Quốc

quan trọng. Trước năm 1970, các hoạt động được coi là những nội dung chủ yếu trong đại lễ chúc mừng Ngày Quốc khánh như: Duyệt binh, bắn pháo hoa, diễu hành. Các hoạt động này đều được tổ chức hàng năm. Trong quá trình diễn ra đại lễ kỷ niệm đều không thể thiếu các bài diễn văn phát biểu của các nhà lãnh đạo chính quyền các cấp, có cả bài phát biểu với tình cảm tha thiết của các giới công nhân, nông dân, hay đại biểu của Quân giải phóng Nhân dân, tất cả những bài phát biểu này đã góp phần biểu đạt tâm tư tình cảm và lòng nhiệt huyết của các tầng lớp quần chúng nhân dân đối với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Sau khi đại hội kết thúc, luôn luôn diễn ra các cuộc diễu hành. Những người dân trong không khí rộn ràng, háo hức đều giương cao những đóa hoa tươi hay những ngọn cờ sắc màu lộng lẫy, hát vang những bài ca trong dòng người diễu hành chúc mừng cho Ngày Quốc khánh.

Ngoài ra, trong ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa này, Hội nghị Hiệp thương Chính trị nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã ban bố quyết định, nghi thức duyệt binh là nghi thức không thể thiếu trong quá trình tổ chức đại lễ kỷ niệm chào mừng Ngày Quốc khánh. Từ đại lễ được tổ chức lần đầu tiên khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập đến năm 2009, trong thời gian sáu mươi năm đã từng tổ chức





Khách du lịch tham quan Vạn Lý Trường Thành đông như trảy hội trong tuần lễ hoàng kim Ngày Quốc khánh.

sáu mươi lần chào mừng Ngày Quốc khánh này, đã có mười bốn lần duyệt binh.

Năm 1960, Chính phủ với phương châm tiết kiệm trong công cuộc xây dựng đất nước, đã quyết định "năm năm tổ chức Tiểu Quốc khánh một lần, mười năm tổ chức Đại Quốc khánh một lần". Đến năm 1969, sau hai mươi năm cũng như hai mươi lần tổ chức đón mừng Ngày Quốc khánh, tuy được gọi là Đại Quốc Khánh, nhưng để phòng tránh việc điều động lực lượng Quân giải phóng Nhân dân sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực không đáng có, cũng như sự hạn chế trong ngân sách quốc gia, nghi thức duyệt binh đã không được tổ chức. Năm 1979, chính là năm kỷ niệm Đại Quốc khánh vừa tròn ba mươi năm, tuy nhiên công cuộc cải cách mở cửa toàn quốc lại vừa mới được bắt đầu, nên

nghi thức duyệt binh vẫn đành gác lại. Thế nhưng, Chính phủ đã tổ chức quốc yến với quy mô hơn bốn ngàn người tham gia, tại các công viên lớn cũng tổ chức các hoạt động tham quan vui chơi với không khí tưng bừng và quy mô tương đối lớn. Tính đến năm 1984, đã hai mươi tư năm liên tiếp Trung Quốc không tổ chức hoạt động duyệt binh chào mừng Ngày Quốc khánh. Sau đó, căn cứ vào lời đề nghị của nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình đương thời, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định cho khôi phục lại hoạt động duyệt binh. Đúng vào năm đó - năm kỷ niệm ba mươi lăm năm Ngày Quốc khánh, tại quảng trường Thiên An Môn đã tổ chức nghi thức duyệt binh với quy mô vô cùng lớn. Năm 1999, năm kỷ niệm tròn năm mươi năm Ngày Quốc khánh Trung Quốc, tại quảng trường Thiên An Môn đã tổ chức nghi thức duyệt binh thế kỷ.

Cuối tháng 08 năm 2004, Chính phủ Trung Quốc chỉ đạo chào mừng Ngày Quốc khánh như thế nào cho phù hợp. Đây là lần thứ ba Chính phủ yêu cầu tiết kiệm trong việc tổ chức mừng Ngày Quốc khánh kể từ sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Trong năm này, các





Lễ tết Trung Quốc

hoạt động diễn ra chủ yếu trong đại lễ chào mừng kỷ niệm Ngày Quốc khánh tại Thủ đô Bắc Kinh bao gồm: tổ chức nghi kỷ niệm Ngày Quốc khánh, tổ chức đêm hội văn nghệ quy mô lớn kỷ niệm năm mươi lăm năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tiến hành các hoạt động tham quan vui chơi giải trí, tổ chức các hoạt động dành cho thanh thiếu niên với các nội dung nhằm giáo dục tinh thần yêu nước truyền thống cách mạng v.v..

Ngày mừng 01 tháng 10 năm 2009, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa kỉ niệm sáu mươi năm ngày ra đời của nước Trung Quốc mới, tại quảng trường Thiên An Môn, thành phố Bắc Kinh đã tổ chức buổi đại lễ long trọng với quy mô vô cùng hoành tráng, các nghi lễ duyệt binh rầm rộ và các cuộc diễu hành của quần chúng nhân dân với không khí náo nức, nồng nhiệt và thiêng liêng.

Từ năm 2000 đến nay, thời gian quy định được nghỉ trong Ngày Quốc khánh là bảy ngày liên tiếp, cùng với điều kiện kinh tế ngày một phát triển, người dân trong việc tổ chức các phương thức vui chơi giải trí trong kỳ



Ngày Quốc Khánh năm 2009, chụp ảnh lưu niệm trước vườn hoa quy mô lớn trên quảng trường Thiên An Môn.

ngỉ lễ này đã có nhiều sự lựa chọn khác nhau. Ngày càng có nhiều người lựa chọn đi ra các vùng, khu vực và địa phương trong cả nước trong kỳ nghỉ phép, thậm chí họ còn đi đến các nước ở Đông Nam Á, Châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản v.v.. để tham quan du lịch. Ngày Quốc khánh và Tết Nguyên đán, được coi là "Tuần lễ vàng du lịch"; đồng thời kéo theo đó là sự xuất hiện và phát triển của các hình thức vô cùng mới mẻ về "kinh tế kỳ nghỉ lễ" của các ngành nghề mới góp phần hỗ trợ bổ sung cho nhau và cùng nhau phát triển với ngành du lịch như: ngành giao thông vận tải, ngành điện tín, ngành quà tặng, ngành ẩm thực v.v..





Ngày Quốc khánh năm 2009, các thiếu nữ trước quảng trường Thiên An Môn.

LỄ TẾT DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc thống nhất, tổng cộng có 56 dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Trung Quốc. Trong đó dân tộc Hán có số lượng nhân khẩu đông đảo nhất so với các dân tộc còn lại, chiếm khoảng 92% tổng nhân khẩu trong toàn quốc. Bởi vì nhân khẩu dân tộc Hán đông đảo, nên thói quen của người dân, vẫn thường coi các dân tộc còn lại là dân tộc thiểu số. 55 dân tộc ngoài dân tộc Hán lần lượt là: dân tộc A Xương, dân tộc Bạch, dân tộc Bảo An, dân tộc Blang (Bố Lãng), dân tộc Bố Y, dân tộc Kachin (Cảnh Pha), dân tộc Cao Sơn, dân tộc Hà Nhì (Cáp Nê), dân tộc Choang, dân tộc Jino (Cơ Nặc), dân tộc Dao, dân tộc Lô Lô (Di), dân tộc Yugur (Dụ Cố), dân tộc Uyghur (Duy Ngô Nhĩ), dân tộc Xa, dân tộc Daur (Đạt Oát Nhĩ), dân tộc Độc Long, dân tộc Động, dân tộc Đông Hương, dân tộc Palaung (Đức Ngang), dân tộc Nanai (Hách Triết), dân tộc H'Mông (Miêu), dân tộc Hồi, dân tộc Kazakh (Cáp Tát Khắc), dân tộc Kirgiz (Kha Nhĩ Khắc Tư), dân tộc Khương, dân tộc Kinh, dân tộc Lhoba (Lạc Ba), dân tộc La Hủ (Lạp Hổ), dân tộc Lisu (Lật Túc), dân tộc



Lê, dân tộc Mãn, dân tộc Mao Nam, dân tộc Monpa (Môn Ba), dân tộc Mông Cổ, dân tộc Mulao (Mục Lão), dân tộc Naxi (Nạp Tây), dân tộc Nga (Nga La Tư), dân tộc Evenk (Ngạc Ôn Khắc), dân tộc Oroqen (Ngạc Xuân Luân), dân tộc Cờ Lao (Ngật Lão), dân tộc Va (Ngõa), dân tộc Nộ, dân tộc Uzbek (Ô Tư Biệt Khắc), dân tộc Pumi (Phổ Mễ), dân tộc Salar (Tát Lạp), dân tộc Tạng, dân tộc Thái, dân tộc Tajik (Tháp Cát Khắc), dân tộc Tatar (Tháp Tháp Nhĩ), dân tộc Thổ, dân tộc Thổ Gia, dân tộc Thủy, dân tộc Xibe (Tích Bá), dân tộc Triều Tiên. Trong đó, dân tộc Choang với số lượng nhân khẩu hơn mười lăm triệu dân, tiếp đến là các dân tộc như dân tộc Mãn, dân tộc Hồi, dân tộc Uyghur (Duy Ngô Nhĩ), dân tộc H'Mông (Miêu), dân tộc Lô Lô, dân tộc Thổ Gia, dân tộc Mông Cổ, dân tộc Tạng, dân tộc Bố Y, dân tộc Động, dân tộc Dao, dân tộc Triều Tiên, dân tộc Bạch, dân tộc Hà Nhì (Cáp Nê), dân tộc Kazakh (Cáp Tát Khắc), dân tộc Lê, dân tộc Thái v.v.. đều có số lượng nhân khẩu trên một triệu người. Dân tộc ít người nhất chỉ có đến vài ngàn người ví dụ như dân tộc Evenk (Ngạc Ôn Khắc), dân tộc Oroqen (Ngạc Xuân Luân) v.v..

Phân bố khu vực địa lý của các dân tộc trên lãnh thổ Trung Hoa có đặc điểm vừa phân tán vừa tập trung. Phân bố của dân tộc Hán phổ biến khắp toàn quốc, chủ yếu tập trung tại ba lưu vực và đồng bằng các sông như: Hoàng Hà, Trường Giang, Chu Giang, số còn lại rải rác khắp các khu vực khác, hay sống đan xen với các dân tộc thiểu số khác. Các vùng, khu vực mà các dân tộc thiểu số sinh sống tập trung chủ yếu tại khu vực biên giới vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nam, số còn lại sinh sống rải rác tại các khu vực khác khắp toàn quốc. Dân tộc Hán và các dân tộc thiểu số vừa sống tập trung với nhau lại vừa phân bố tại các khu vực địa lý xa cách nhau, góp phần thúc đẩy quá trình giao lưu văn hóa và học hỏi, tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc anh em, hình thành nên mối quan hệ hỗ trợ và gắn bó keo sơn giữa tất cả các dân tộc cùng trong một quốc gia đa dân tộc.

Dân tộc Hán có ngôn ngữ và chữ viết riêng của dân tộc mình. Hán ngữ là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong toàn thể đất nước Trung Quốc hiện nay, cũng là một trong những ngôn ngữ thông dụng được sử dụng phổ biến và thịnh hành trên toàn thế giới, là một trong sáu thứ tiếng sử dụng chính thức của Liên hợp quốc. Dân tộc Hồi và dân tộc Mãn cũng sử dụng loại ngôn ngữ này. Ngoài ra, năm mươi ba dân tộc thiểu số còn lại cũng đều sử dụng thứ tiếng nói riêng của dân tộc mình, trong đó có hai mươi một dân tộc có chữ viết riêng đặc thù của chính dân tộc mình.

Mỗi một dân tộc thiểu số Trung Quốc đều có nền văn hóa đặc sắc cũng như bề dày lịch sử truyền thống. Các dân tộc thiểu số trong lịch sử phát triển, đã dần dần hình thành nên những phương thức sản xuất và phong cách sinh

hoạt không giống nhau, những sự khác biệt này thể hiện phong phú trên các lĩnh vực như: trang phục, ẩm thực, nơi ở, hôn nhân, lễ nghi, mai táng v.v.. đồng thời cũng tích lũy và hình thành các phong tục tập quán mang đậm bản sắc riêng biệt của dân tộc mình. Nhà nước tôn trọng mọi phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, và các dân tộc thiểu số cũng được hưởng quyền bảo tồn hay thay đổi các phong tục tập quán của dân tộc mình.

Các dân tộc trong đất nước Trung Quốc vì tồn tại các tập tục, tôn giáo tín ngưỡng và truyền thống văn hóa cũng như lịch sử không giống nhau, do đó đã hình thành nên các ngày lễ tết dân tộc đa dạng và phong phú mang đậm bản sắc dân tộc rất riêng biệt, như "Tuyết đốn tiết", theo lịch Tạng của dân tộc Tạng; "Lễ Eid Al-Fitr", Lễ Eid Al-Adha của dân tộc Hồi, dân tộc Uyghur (Duy Ngô Nhĩ), v.v.. Hay Lễ hội Naadam của dân tộc Mông Cổ, lễ hội Té nước của dân tộc Thái, lễ hội Rước đuốc của dân tộc Lô Lô v.v.. Các dân tộc thiểu số đều được tự tổ chức chào đón các ngày lễ tết cổ truyền theo phong tục tập quán truyền thống của chính dân tộc mình.



LỄ HỘI NAADAM

Tên gọi: Lễ hội Naadam dân tộc Mông Cổ

Thời gian đón tết: Cuối mùa hè đầu mùa thu hàng năm

"Lễ hội Naadam", tiếng Mông Cổ có nghĩa là vui chơi giải trí hoặc trò chơi, là cơ hội tụ tập, với quy mô tổ chức tương đối lớn trong ngày đón mừng lễ tết hay nghênh chúc một năm vụ mùa bội thu của dân tộc Mông Cổ. Được coi là ngày lễ tết cổ truyền quan trọng đối với dân tộc thiểu số Mông Cổ, Lễ hội Naadam là ngày lễ với các nội dung chủ yếu là các tiết mục văn nghệ, hoạt động vui chơi giải trí như thi trượt, đấu vật, bắn cung, đua ngựa, ca hát, nhảy múa v.v.. Lễ hội Naadam trong tâm trí của người dân Mông Cổ là một ngày lễ vừa cổ kính lại vừa mang nét huyền bí thiêng liêng. Không khí Lễ hội Naadam vô cùng long trọng và náo nhiệt, mang đậm sắc màu và tính chất đa dạng phong phú đại diện cho bản sắc truyền thống dân tộc riêng. Cùng với sự tiến bộ không ngừng của thời đại, quy mô tổ chức Lễ hội Naadam ngày một phát triển và lan tỏa rộng rãi, mang những nội dung đặc trưng cho từng giai đoạn của dân tộc mình, với đông đảo mọi tầng lớp quần chúng nhân dân tham gia với các nội dung cơ bản như: các hoạt động cúng vái tế lễ, các cuộc thi thể dục thể thao, các hoạt động vui chơi giải trí, các hình thức giao lưu kinh tế mậu dịch.

Dân tộc Mông Cổ sinh sống trong phạm vi địa lý Trung Quốc chủ yếu tập trung tại khu tự trị Nội Mông Cổ và các thị trấn, châu tự trị của dân tộc Mông Cổ tại các vùng, địa phương các tỉnh Tân Cương, Thanh Hải, Cam Túc, Hắc Long Giang, Cát Lâm, Liêu Ninh v.v.. Căn cứ vào kết quả điều tra về nhân khẩu toàn quốc lần thứ năm được tiến hành vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Mông Cổ có tất cả 5.813.900 người, họ sử dụng tiếng Mông Cổ, tộc ngữ Mông Cổ thuộc hệ thống các ngôn ngữ Altaic trong bảng chữ cái Kirin, phân thành ba loại ngôn ngữ địa phương. Chữ viết được sử dụng phổ biến trong đời sống dân tộc Mông Cổ ngày nay là chữ Mông Cổ từ đầu thế kỷ thứ mười ba, do người dân tộc Uyghur (Duy Ngô Nhĩ) sáng chế ra, đã kinh qua nhiều cuộc cải cách được tiến hành bởi các nhà ngôn ngữ học trong toàn dân tộc và hình thành nên chữ Mông Cổ đã được quy phạm hóa.

Năm 1206, Thiết Mộc Chân được các bộ lạc Mông Cổ suy tôn là Đại Hãn Mông Cổ (danh hiệu lãnh đạo tối cao) hiệu Thành Cát Tư Hãn (1162 - 1227), đã kiến lập nên nhà nước Mông Cổ. Sự thành lập của nhà nước

Mông Cổ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự hình thành của dân tộc Mông Cổ. Từ đó về sau, toàn khu vực miền Bắc Trung Quốc lần đầu tiên xuất hiện dân tộc Mông Cổ - một dân tộc được hình thành bởi thống nhất được tất cả các bộ lạc lại thành một khối hùng mạnh, ổn định và không ngừng phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Thành Cát Tư Hãn, từ năm 1219 đến năm 1260, dân tộc Mông Cổ đã ba lần chinh phạt hướng tây, lập nên đế quốc hùng cường xuyên lục địa Âu - Á; bên cạnh cuộc chinh phạt phương tây này, còn vận động các anh hào tiến xuống khu vực phía nam, kinh qua hơn bảy mươi năm chinh chiến trường kỳ đã thống nhất toàn Trung Quốc, và thành lập nên triều đại nhà Nguyên.

Ngay từ đầu thế kỷ thứ mười ba, các thủ lĩnh của dân tộc Mông Cổ đã cho tổ chức Lễ hội Naadam với quy mô tương đối hoành tráng. Theo sử sách ghi chép lại, Thành Cát Tư Hãn sau khi chinh phục được Hoa Thích Tử Mô, đã từng tổ chức Lễ hội Naadam với quy mô vô cùng lớn, chủ yếu tiến hành các cuộc thi đấu bắn cung tên. Sau đó, cùng với sự phát triển ngày một lớn mạnh không ngừng của các bộ lạc dân tộc Mông Cổ, mỗi năm đến Lễ hội Naadam, họ đều tổ chức các hoạt động như thi đấu bắn cung, đua ngựa, đấu vật (trong đời sống dân gian của người Trung Quốc xưa vẫn thường gọi đó là "Nam nhi tam nghệ"), và cũng từ đó dần dần hình thành nên các hình thức truyền thống được tổ chức trong Lễ hội Naadam. Khi Lễ hội Naadam được bắt đầu, trước tiên cần phải tổ chức hoạt động thờ cúng tế lễ trong không khí tung bừng náo nhiệt, sau đó trưởng tộc Mông Cổ hoặc các quan chức địa phương sẽ đồng đọc bài diễn văn chúc mừng.

Lễ hội Naadam thông thường được tổ chức vào cuối mùa hè đầu mùa thu hàng năm. Xét trên góc độ thời gian về tiết, mùa, mỗi độ đến dịp đầu thu cuối hè, thực vật trên thảo nguyên xanh mướt và sông nước trong veo, các loài động vật như cừu bò cũng có điều kiện được sinh trưởng béo tốt, đây chính là tiết mùa vừa đẹp để nhà nhà bán ra các sản phẩm gia súc nuôi trong gia đình cũng như buôn bán trao đổi hàng hóa với nhau. Do đó, lễ hội Naadam vừa được gọi là ngày lễ tết chúc mừng một năm với vụ mùa bội thu của người dân tộc Mông Cổ. Xét trên góc độ của các phong tục tập quán dân tộc mà nói, thời gian từ tháng bảy đến tháng tám hàng năm lại chính là tiết "Chiêu phúc" trong tập tục cổ truyền của người dân tộc Mông Cổ. Đúng trong thời gian này tổ chức Lễ hội Naadam, chính là một lần nữa biểu đạt tâm tư tình cảm của người dân tộc Mông Cổ trong tâm nguyện chiêu phúc, cầu mong mọi điều cát lợi trong cuộc sống.





Cuộc thi đua ngựa trong Lễ hội Naadam khiến lòng người náo nức.

Trong Lễ hội Naadam truyền thống cổ đại, chủ yếu diễn ra ba trận thi đấu tranh tài với các nội dung chính như: đấu vật, thi bắn cung và đua ngựa.

Đấu vật: là một trò chơi được lưu truyền và phổ biến rộng rãi nhất trong đời sống dân gian của người Trung Quốc thời cổ xưa, cũng là một trong những niềm đam mê của tất cả người dân dân tộc Mông Cổ. Trong thời cổ đại xa xưa, trên thảo nguyên rộng lớn cũng thường dùng hình thức này để tuyển chọn các bậc anh hùng; quý tộc Mông Cổ cũng thường dùng



hình thức này để lựa chọn con rể cho mình; bởi vì trong tâm trí người Mông Cổ, thi đánh vật không chỉ là sự thể hiện rõ nhất về đẹp của sức mạnh, mà hơn thế nữa còn là sự đọ sức về trí lực. Trong quá trình đấu vật, các dũng sĩ trong các trận thi đấu tranh tài sẽ mặc lên người những bộ trang phục dát đầy đinh được làm bằng chất liệu bạc trắng, dùng da bò chế thành áo ôm bó sát cơ thể, trên cổ đeo chiếc vòng được làm từ các dải vải với ba màu sắc như: đỏ, vàng, xanh lam; chân đi giày đặc trưng riêng cho dân tộc Mông Cổ; họ đều trong tư thế tự tin cao ngạo, nhảy theo những điệu múa cổ





Lễ tết Trung Quốc



Đấu vật theo nghi thức Mông Cổ.

truyền dân tộc và hát vang các bài ca chinh chiến anh hùng bất khuất đi ra đấu trường, trong tinh thần sảng khoái mãnh liệt, từng cặp từng đôi tham gia thi đấu tranh tài, khiến cho không khí đấu trường vô cùng náo nức và hoành tráng.

Lễ hội Naadam còn có một hạng mục thi đấu tranh tài không kém phần quan trọng nữa là thi **bắn cung**. Cung tên trong thời kỳ nguyên thủy được coi là công cụ săn bắt của người Mông Cổ, sau đó được sử dụng trong thời kỳ diễn ra các cuộc chiến tranh giữa các bộ lạc. Chính Thành Cát Tư Hãn đã mượn phong thế oai hùng của việc bắn cung tên này mà chỉ huy quân đội bắn cung tiến hành cuộc chiến tranh thống nhất toàn khu vực biên giới của ông, cũng như "Cưỡi ngựa bắn tên thống nhất thiên hạ" trong tác phẩm cổ xưa "Nguyên sử" đã được ghi chép và lưu truyền trong dân tộc Mông Cổ. Người Mông Cổ ngay từ thời đại cha ông xa xưa đã rất sùng bái cung nỏ, đam mê việc bắn cung, lấy việc bắn cung làm biểu tượng cho hình ảnh của nam tử Hãn, được coi là vật mang ý nghĩa cát tường may mắn cũng như là thứ vũ khí luôn mang theo bên mình bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu của những người được tôn là nam tử Hãn đó. Cho nên, bắn cung đã trở thành nội dung thi đấu tranh tài chủ yếu được diễn ra không thể

Tế Ngạo Bao. "Ngạo Bao" hay còn được gọi là "Đôi Tử", là bãi đá do công nhân tích đắp mà thành, thường được xây dựng trên các khu đất cao hoặc các gò đồi tại các vùng thảo nguyên; trên bất cứ các vùng thảo nguyên lớn nào tại Mông Cổ đều có thể nhìn thấy, nó có dụng ý về ranh giới và bảng chỉ dẫn đường đi.

Hoạt động Tế Ngạo Bao có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, cho đến thời đại ngày nay đã trở thành các hoạt động Tế Sơn Thần, Lộ Thần, nguyện cầu phúc lộc, bảo hộ vạn vật chúng sinh thịnh vượng, xuất hành thuận lợi, bình an vô sự. Những người tham gia các nghi thức tế lễ đều tụ tập bao quanh từ hướng trái sang hướng phải đi ba vòng xung quanh Ngạo Bao, đồng thời rải các lễ vật cúng tế lễ vào Ngạo Bao như sữa bò, rượu, bơ, điểm tâm, đường v.v..

thiếu trong Lễ hội Naadam. Trong quá trình diễn ra trận đấu, chỉ nhìn thấy từng hàng từng đoàn dũng sĩ mặc trang phục dân tộc truyền thống bó sát vào cơ thể, phi ngựa như bay và hai tay giương cao chiếc cung, hành động và tinh thần của các dũng sĩ tham gia thi đấu khiến cho tất cả những người tham gia rộn ràng chiêm ngưỡng.

Đua ngựa: là tiết mục thu hút được đông đảo tất cả mọi người đến tham quan thưởng thức nhất trong Lễ hội Naadam. Bởi vì phần lớn dân tộc Mông Cổ trong thời cổ xưa đều trải qua cuộc sống du mục, lấy các vùng có nước có cỏ để dựng nơi ăn chốn ở, cho nên ngựa được coi là phương tiện chính cũng như quan trọng nhất trong các phương thức sống và sinh hoạt của tất cả mọi người Mông Cổ. Từ việc hành quân đánh trận, du mục săn bắt, giao lưu mậu dịch hay thậm chí đến việc vận chuyển lương thực phẩm thì tất cả những công việc này cũng đều không thể tách rời ra khỏi hình ảnh của ngựa. Chính vì tầm quan trọng gắn chặt với cuộc sống sinh hoạt của tất cả mọi người, mà người Mông Cổ ngay từ thời còn ấu thơ đã bắt đầu luyện tập nghệ thuật cưỡi ngựa, nghệ thuật cưỡi ngựa và điều khiển ngựa một cách tinh tế điều luyện chính là điều kiện sinh tồn cơ bản nhất đối với mỗi người dân tộc Mông Cổ nói chung cũng như đặc biệt đối với nam nhi Mông Cổ nói riêng.



Tế Ngạo Bao.





Lễ tết Trung Quốc

Dân tộc Mông Cổ có cách gọi rất riêng biệt là "dân tộc cưỡi ngựa". Trên cơ sở thực tiễn với phương thức sinh hoạt này, đã hình thành nên hoạt động đua ngựa, đồng thời dần dần được diễn biến thành một hạng mục thể dục thể thao mang tính chất vui chơi giải trí của tất cả mọi người trong dân tộc Mông Cổ.

Đến triều đại nhà Thanh, Lễ hội Naadam dần dần biến chuyển thành hoạt động văn nghệ được tổ chức sinh hoạt chung có quy mô, có mục đích rõ ràng được áp dụng rộng rãi trong toàn thể quần chúng nhân dân. Cứ cách thời gian nửa năm, một năm hoặc hai năm được tổ chức một lần. Đối với các vận động viên tham gia thi đấu và giành chiến thắng trong các trận tranh tài sẽ được ban tặng ngựa, lạc đà, bò, cừu và các vật phẩm như trà bánh, tơ lụa v.v..

Trong quá trình diễn ra Lễ hội Naadam cổ truyền, thông thường còn có các hoạt động cầu nguyện cúng tế với quy mô lớn. Tuy nhiên, cho đến thời đại ngày nay, các hoạt động cúng tế này phần lớn chỉ được tiến hành đơn giản với vài ba nghi lễ nhất định mang tính chất tượng trưng mà thôi.

Lễ hội Naadam được tổ chức trong thời đại ngày nay không chỉ là các hoạt động vui chơi giải trí, thưởng thức ẩm thực thông thường giống như ý nghĩa từ thuở sơ khai mà, do hòa nhập vào trong thời hiện đại với tính chất đa dạng phong phú, nên nội dung và các hình thức cũng đều có những nét phong phú, tươi mới và sự phát triển không ngừng riêng. Mỗi độ đến dịp Lễ hội Naadam, những người du mục đều khoác lên mình những bộ trang phục đặc sắc trong ngày lễ tết, từ khắp nơi đổ về sân thi đấu tổ chức lễ hội. Trên thảo nguyên xanh mướt rộng lớn vô ngần, những lá cờ màu sắc sặc sỡ tung bay phấp phới, xe ngựa nô nức, không khí trong sân đấu thể hiện vô cùng tráng lệ. Những người du mục uống rượu sữa ngựa, hát vang bài ca về thảo nguyên, thưởng thức thịt cừu nướng thơm ngon, đánh đàn làm bằng đầu ngựa, rồi nhảy múa ca hát thâu đêm suốt sáng; khiến cho mọi người đều được trải nghiệm không khí tưng bừng trong ngày lễ tết này... Có thể nói rằng, Lễ hội Naadam ngày nay đã trở thành một lễ hội được tổ chức với quy mô hoành tráng của dân cư lao động trên thảo nguyên để chúc mừng một vụ mùa bội thu, chúc mừng tình đoàn kết, chúc mừng sự thắng lợi và hạnh phúc đồng thời còn là ngày lễ hội văn hóa thể thao với các nội dung đa dạng như văn hóa vui chơi giải trí, thưởng thức nghệ thuật, trao đổi thông tin, giao lưu kinh tế mậu dịch v.v..

LỄ EID AL-FITR

Tên gọi: Lễ Eid Al-Fitr

Thời gian đón tết: Ngày mùng một tháng mười theo lịch Islam

Lễ Eid Al-Fitr là một trong những ngày lễ tết chính của đạo Islam, cũng là ngày lễ tết lớn của các dân tộc thiểu số của Trung Quốc theo đạo Islam như dân tộc Hồi, dân tộc Uyghur (Duy Ngô Nhĩ), dân tộc Kazakh (Cáp Tát Khắc), dân tộc Uzbek (Ô Tư Biệt Khắc), dân tộc Tatar (Tháp Tháp Nhĩ), dân tộc Tajik (Tháp Cát Khắc), dân tộc Kirgiz (Kha Nhĩ Khắc Tư), dân tộc Salar (Tát Lạp), dân tộc Đông Hương, dân tộc Bảo An v.v.. Khu vực Tân Cương Trung Quốc gọi Lễ Eid Al-Fitr là "Nhục Mụ Tiết". Căn cứ vào giáo lịch Islam, mỗi năm phân thành mười hai tháng, tháng lẻ quy định một tháng ba mươi ngày, tháng chẵn quy định một tháng hai mươi chín ngày; thời gian trong mỗi năm sẽ ít hơn thời gian so với năm dương lịch từ mười đến mười một ngày, ba năm sẽ tương lệch hơn một tháng. Do vậy, căn cứ theo cách tính của năm dương lịch, thời gian đón tết của đạo Islam sẽ không có bất cứ một thời điểm nhất định nào. Lấy ngày 21 tháng 09 năm 2009 theo năm dương lịch để tính Lễ Eid Al-Fitr của năm này, thông thường Lễ Eid Al-Fitr sẽ lùi về sau khoảng hơn mười ngày so với năm dương lịch đương thời. Căn cứ theo quy định của đạo Islam, giáo lịch đạo Islam sẽ lấy tháng 9 hàng năm làm tháng ăn chay. Trong thời gian diễn ra tháng ăn chay này, nam nữ theo đạo Islam trong độ tuổi thành niên (trừ các trường hợp bị bệnh tật) mỗi ngày từ khi bình minh cho đến khi hoàng hôn đều không được phép ăn uống bất cứ một thứ gì, gọi là "Phong trai".

Trong tháng ăn chay này, căn cứ theo yêu cầu trong giáo pháp đạo Islam, những tín đồ theo đạo Islam cần phải thanh tâm quả dục, ban ngày cấm ăn uống, đối với những trường hợp không phải tuân thủ theo quy định về ăn chay thì cũng phải hạn chế đến mức tối đa việc ăn uống. Cấm tuyệt đối các trường hợp ăn uống nơi công cộng. Sự bắt đầu và kết thúc của tháng ăn chay, đều căn cứ vào thời gian bắt đầu của một tháng mới. Tháng ăn chay có lúc diễn ra trong thời gian hai mươi chín ngày, cũng có khi kéo dài trong ba mươi ngày. Kinh qua một tháng tiến hành nghi lễ ăn chay, hoàn thành "quy định pháp chế" của "Thánh A-la", và tiếp đó là Lễ Eidal - Fita mồng 1 tháng 10 theo lịch Islam và được gọi thống nhất là Tiết Khai Frai (tức tết ăn chay). Tết ăn chay bắt đầu từ kỷ nguyên thứ hai của đạo Islam. Mỗi độ đến ngày lễ tết này, các tín đồ đạo Islam trên khắp thế



giới đều tham gia các hoạt động đón mừng với tinh thần đầy nhiệt huyết và vô cùng tôn kính. Căn cứ vào các phong tục tập quán không giống nhau trên mọi vùng miền và khu vực của thế giới, các phương thức, nghi lễ đón mừng ngày lễ tết này cũng có nhiều sự khác biệt nhau.

Trong ngày lễ ăn chay này, mọi người đều cẩn tằm gội thay trang phục sạch sẽ, tập trung làm lễ ngay khu vực gần thành đường Thanh Chân, sau đó bắt đầu tiến hành tổ chức các hoạt động chính trong ngày lễ tết. Mọi người khoác lên mình các trang phục mang đậm bản sắc dân tộc, đi thăm người thân bạn bè, tặng nhau món quà dành riêng cho ngày lễ tết. Người người nhà nhà đều chuẩn bị các loại thực phẩm như: hạnh nhân, hạnh khô, đậu thơm, quả hạt rang đậu v.v.. Có những tin đồ còn chuẩn bị trà sữa, trà ngũ hương (loại trà bao gồm các thành phần nguyên liệu như lá trà, hạnh nhân, đường phèn, hạnh khô v.v., ngâm nước sôi chế thành) v.v. để tiếp đãi người thân và khách khứa, tạo cơ hội cho mọi người già đến con trẻ thanh thiếu niên đều có thể quây quần bên nhau



Hàng ngàn tín đồ đạo Islam dân tộc Hồi mặc những bộ trang phục đúng trong ngày lễ tết, đội mũ trắng tổ chức lễ hội Eid Al-Fitr tại thánh đường Thanh Chân.



Bánh cuốn thừng rán - thực phẩm truyền thống trong ngày lễ Eid Al-Fitr.

vui chơi thỏa thích có rất nhiều các nam thanh nữ tú cũng tụ tập tại nơi đây để ca hát nhảy múa.

LỄ EID AL-ADHA

Tên gọi: Lễ Eid Al-Adha (Tiết Tái sinh, Tết Trung hiếu)

Thời gian đón tết: Ngày mừng mười tháng mười hai theo lịch Islam.

Ngày mừng mười tháng mười hai theo lịch đạo Islam, là một trong những ngày lễ tết đặc biệt quan trọng của đạo Islam, tức Lễ Eid Al-Adha. Tại Trung Quốc, mười dân tộc thiểu số theo đạo Islam bao gồm dân tộc Hồi, dân tộc Uyghur (Duy Ngô Nhĩ), dân tộc Kazakh (Cáp Tát

Khắc), dân tộc Uzbek (Ô Tư Biệt Khắc), dân tộc Tatar (Tháp Tháp Nhĩ), dân tộc Tajik (Tháp Cát Khắc), dân tộc Kirgiz (Kha Nhĩ Khắc Tư), dân tộc Salar (Tát Lạp), dân tộc Đông Hương, dân tộc Bảo An v.v.. Họ đã quy định ngày này là ngày lễ tết dành riêng cho dân tộc của mình, đồng thời tổ chức các hình thức đón mừng. "Eid Al-Adha" trong tiếng Ả-rập bao gồm ý nghĩa "hy sinh, hiến thân", do vậy ngày lễ tết này cũng được gọi là ngày "Tết Tế sinh" hay "Tết Trung hiếu". Theo cách tính dương lịch, thời gian đón Tết Eid Al-Adha không cố định; thông thường, diễn ra vào khoảng cuối tháng mười một, sau dương lịch của năm mười mấy ngày.

Theo truyền thuyết của đạo Islam, nhà tiên tri cổ đại Ibrahim đi theo thánh chúa A-la, đã từng biểu thị trước đông đảo quần chúng rằng, chỉ cần thánh chúa A-la ban mệnh lệnh, thì ngay đến việc lấy cả con trưởng Ishmael yêu quý của mình làm vật hy sinh thì cũng sẽ tuân thủ mệnh lệnh một cách trung thành không chút mảy may do dự. Thánh chúa A-la để kiểm tra lòng trung thành của Ibrahim, đã vài lần ám thị qua giấc mộng, thế là ông đã kể lại cho con trưởng của mình tất cả, đồng thời chuẩn bị





Lễ tết Trung Quốc

thực hiện lời hứa đã từng đưa ra, để tỏ lòng thành. Con trưởng Ishmael đã điếm nhiên tuân theo mệnh lệnh. Khi Ibrahim đang vung dao định chém, thiên sứ liền ban mệnh lệnh cho Chân Chủ giáng lâm, mang đến một chú cừu làm vật hy sinh thay thế cho Ishmael. Tương truyền lại rằng, chính ngày này là ngày mừng mười tháng mười hai lịch đạo Islam, mọi người để kỷ niệm tinh thần hy sinh cao cả của hai cha con Ibrahim và Ishmael đối với thánh chúa A-la, liền lấy ngày này làm ngày Tế sinh. Từ đó về sau quy định ngày này là ngày "Lễ Eid Al-Adha".

Lễ Eid Al-Adha là ngày lễ tết đặc biệt quan trọng trong đạo Islam. Trong quá trình diễn ra ngày lễ tết này, tín đồ Islam luôn dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, tươm tất. Tất cả mọi nhà có số súc vật vượt quá một số lượng nhất định, đều phải giết bớt đi một số cừu hoặc bò. Tất cả cừu, bò đã bị giết thịt, đều phải tuân theo một quy định rằng: cừu phải giết được trên một năm tuổi, bò phải được trên hai năm tuổi. Số thịt đó gia đình có thể sử dụng một phần ba, phần còn lại đem biếu những người thân hay những người có cuộc sống khó khăn nhất.

Khi chuẩn bị đến thời gian diễn ra ngày Lễ Eid Al-Adha, công việc nội trợ trong mọi nhà đều trở nên bận rộn vô cùng. Họ phải chuẩn bị một số lượng rất lớn các loại quả hạt rang dầu và các loại điểm tâm tinh tế đẹp đẽ, để tiếp đãi và làm quà cho những người thân hay bạn bè khách khứa từ phương xa đến chơi trong ngày Lễ Eid Al-Adha. Ngày lễ này cũng là một dịp để các bà nội trợ thể hiện tài nghệ và đức hạnh của chính họ.

Trong thời gian diễn ra Lễ Eid Al-Adha, mọi người đều cùng đến nhà nhau để cùng chúc lẫn nhau. Mỗi khi đến nhà ai đó, người chủ nhà theo nghi lễ cổ truyền, bày ra một mâm cỗ với các món ăn phong phú thịnh soạn, và nhất thiết sẽ mời khách một miếng thịt cừu đã được hầm chín, vị khách đó cho dù trước đó đã ăn no nê đến cỡ nào thì cũng



Giết bò, dê trong Lễ Eid Al-Adha.



Các tín đồ Islam gõ vang trống bạc thép đón mừng ngày lễ tết.

phải nếm thử hương vị miếng thịt cừu của gia đình người chủ đã dành cho mình. Những nam nữ thanh thiên với những bộ trang phục đặc sắc, tươi mới tụ tập lại trong các khu vực như đình viện, quảng trường để cùng hát và nhảy múa. Tất cả đàn ông đều phải đến các nhà thờ để tham gia các hoạt động cúng tế, nghe đọc "Cổ lan kinh", không khí vô cùng thiêng liêng. Sau các nghi lễ, mọi người đều đến các khu nghĩa trang để cầu nguyện và tưởng nhớ những người thân đã khuất.

NĂM MỚI THEO LỊCH TẠNG

Tên gọi: Năm mới theo cách tính lịch Tạng của dân tộc Tạng

Thời gian đón tết: Ngày mừng một tháng giêng lịch Tạng

Dân tộc Tạng chủ yếu sinh sống tại khu tự trị Tây Tạng và các châu tự trị dân tộc Tạng ở Thanh Hải, Cam Túc, Tứ Xuyên, Vân Nam v.v.. Khởi nguồn sớm nhất từ một bộ lạc nông nghiệp của lưu vực sông Yarlung Tsangpo.





Lễ tết Trung Quốc

Vào thế kỷ 7 SCN, Srong-btsan Sgam-po kiến lập vương triều, nhà Đường và nhà Tống gọi vương quốc này là Thổ Phồn. Triều đình nhà Nguyên đã cho lực lượng quân đội đóng quân tại khu vực Thổ Phồn, lập chế độ quan văn và quan võ, khu vực Tây Tạng từ đó đã chính thức có mặt trên bản đồ Trung Quốc.

Căn cứ vào cuộc điều tra toàn diện nhân khẩu toàn quốc lần thứ năm được tiến hành vào năm 2000, số lượng nhân khẩu của dân tộc Tạng tổng cộng tất cả có 5.416.000 người. Dân tộc Tạng có ngôn ngữ tiếng nói cũng như chữ viết riêng biệt. Ngôn ngữ Tây Tạng thuộc hệ thống ngôn ngữ Hán - Tạng, phân chia thành ba loại ngôn ngữ địa phương chủ yếu. Hệ văn Tạng được sáng chế vào trước thế kỷ thứ bảy SCN kinh qua sự tham khảo và cách tân từ một số kiểu văn tự của tiếng Phạn, sau ba lần cải cách đã phát triển cho đến ngày hôm nay, là loại chữ viết ghi âm được viết theo chiều ngang từ trái sang phải, và thông dụng từ đó cho đến nay. Dân tộc Tạng sùng bái Phật giáo Tây Tạng, các ngôi đền chùa phổ biến khắp tất cả các vùng miền Tây Tạng, không ít các ngày lễ tết được hình thành và phát triển đều có liên quan đến tôn giáo. Các phong tục của dân tộc Tạng về các lĩnh vực như ẩm thực, nơi ở, trang phục, đi lại hay hôn nhân, mai táng, ăn hỏi, cưới xin, hoặc các ngày lễ tết v.v., đều mang đậm bản sắc dân tộc riêng biệt vô cùng đặc sắc, trong số đó có rất nhiều phong tục tập quán vẫn còn được bảo tồn và lưu truyền tương đối nguyên vẹn cho thế hệ con cháu ngày sau.

Lịch Tạng được chính thức đưa vào sử dụng vào thời gian hơn 980 năm trở về trước, tức bắt đầu từ năm 1027 SCN. Căn cứ theo các văn tự cổ ghi chép và lưu truyền cho đến ngày nay, hơn một trăm năm TCN, Tây Tạng đã có phương pháp tính lịch riêng cho dân tộc mình, được gọi là bản giáo lịch pháp. Sau đó, cùng với quá trình giao lưu văn hóa diễn ra giữa khu vực Tây Tạng và vùng Trung Nguyên, phương pháp tính lịch của dân tộc Tạng không ngừng được hoàn thiện và phát triển lên mức cao hơn. Bắt đầu từ triều đại nhà Tống, lịch Tạng theo cách tính của năm âm lịch đã dần dần được thống nhất, đến thời kỳ vương triều Sakya của Pagba (khoảng thời gian từ năm 1235 hoặc năm 1239 đến năm 1280) thống trị toàn khu vực Tây Tạng thì lịch Tạng đã hoàn toàn được hoàn thiện, theo đó các nghi lễ, tập tục đón tết cũng được quy định một cách cụ thể và cố định, và từ đó kế thừa, lưu truyền và phát huy đến thời con cháu ngày hôm nay. Lịch Tạng đã dùng hệ thống đánh số thành chu kỳ gọi là mười hai địa chi ứng với Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi cũng như ngũ hành

là Mộc, Hỏa, Thổ, Kim và Thủy để đánh dấu cho cách tính theo năm. Ví dụ như: năm 2009 sẽ được gọi là năm Thổ Sửu, năm 2010 được gọi là năm Thiết Dần. Theo cách tính của dương lịch, thời gian đón năm mới theo lịch dân tộc Tạng và Tết Nguyên đán theo lịch dân tộc Hán sẽ tương đối gần nhau, năm mới theo lịch Tạng của năm 2009 sẽ đến muộn hơn so với Tết Nguyên đán của người dân tộc Hán trong khoảng thời gian mười ngày.

Năm mới theo lịch Tạng là ngày lễ tết được tổ chức với quy mô lớn nhất, long trọng nhất đối với tất cả mọi người dân tộc Tạng. Thông thường, tết mừng năm mới được chuẩn bị bắt đầu từ tháng mười hai theo cách tính của lịch Tạng. Trong thời gian này, người người nhà nhà ngoài việc sắm sửa các hàng hóa vật dụng cần dùng trong ngày tết ra, thì còn cần làm một món từ ngũ cốc được gọi là "Thiết Mã", đựng trong hộp gỗ có khắc hoa văn với nhiều sắc màu sặc sỡ đa dạng, phía trên hộp cắm lên sắc hoa rực rỡ được làm từ hạt lúa mì Thanh Khoa với mỡ khô. Trước đó còn dùng nước ngâm hạt lúa mì Thanh Khoa, để cho những hạt này nảy mầm và phát triển cao lên từ một đến hai phân vào đúng thời điểm đón tết năm mới. Để thể hiện sự chăm chỉ, cần mẫn, thông minh và lòng nhiệt huyết của mình, các bà nội trợ sẽ toàn tâm toàn ý làm loại thực phẩm từ thành phần nguyên liệu bột trộn với mỡ khô, gọi là "Ca Trại", có nhiều hình thù phong phú đa dạng như hình những chiếc tai, hình cánh bướm, hình vuông hay hình tròn v.v.. bên

trên quét lên nhiều loại màu sắc, rắc đều bột đường. Những bột phẩm này vừa mang những nét nghệ thuật trang trí với nội dung khắc họa hình tượng các vị thần thánh linh thiêng vừa là những món ăn bổ dưỡng dùng để thết đãi khách khứa họ hàng. Trong đêm giao thừa này, mọi người trong gia đình cần dọn dẹp nhà cửa, thay mới lại tất cả các rèm cửa cũng như rèm cửa sổ, trên đỉnh nóc nhà treo lá cờ bay phấp phới, trước cánh cổng chính vẽ những ký hiệu tượng trưng cho sự vĩnh hằng. Vào thời khắc nửa đêm, tất cả mọi thành viên từ cao lão đến con trẻ trong toàn thể gia



Hoạt động "Phật tắm nắng" trong năm mới.





Lễ tết Trung Quốc

đình sẽ quây quần bên nhau và cùng thưởng thức một bữa ăn theo tục lệ truyền thống được diễn ra đều đặn hàng năm gọi là “Cổ Đột”, bữa ăn này cũng tương tự như bữa cơm đoàn viên trong đêm giao thừa đón chào năm mới của người dân tộc Hán. “Cổ Đột” là món ăn được làm từ bột bao quanh bên ngoài, bên trong là các loại sỏi đá, lông cừu, ớt, than củi, tiền xu v.v.. Những người nào ăn được những vật phẩm nào sẽ mang ý nghĩa tượng trưng cho vận mệnh và tâm tư trong cả năm. Sỏi đá tượng trưng cho ý nghĩa về tâm địa gian tà, lông cừu tượng trưng cho ý nghĩa về một trái tim yếu mềm, than củi tượng trưng cho ý nghĩa về tâm địa xấu xa, ớt tượng trưng cho ý nghĩa về miệng lưỡi không tha cho người đời, tiền xu tượng trưng cho ý nghĩa một năm mới với tài lộc đầy nhà. Ngày đầu tiên bắt đầu cho một năm mới, người dân tộc Tạng thường thường đều đóng cửa không tiếp khách. Bắt đầu sang đến ngày mồng 2, người thân và bạn bè mới bắt đầu bước chân ra khỏi cửa, đến nhà nhau cung chúc năm mới, cùng biếu tặng cho nhau vật phẩm Hada, cùng cung chúc lẫn nhau cát tường như ý. Ngày mười lăm tháng giêng, phần lớn các khu vực, vùng miền và địa phương tại Tây Tạng đều tiến hành tổ chức các hoạt động pháp hội tôn giáo.



Cụ già dân tộc Tạng chuyển kinh.

LỄ HỘI TUYẾT ĐỐN

Tên gọi: Lễ hội Tuyết đốn

Thời gian đón tết: Ngày mùng một tháng bảy lịch Tạng

Lễ hội Tuyết đốn là một trong những ngày lễ tết cổ truyền của người dân tộc Tây Tạng. Trong ngôn ngữ Tây Tạng, từ “Tuyết” có nghĩa là “sữa chua”, từ “Đốn” có nghĩa là “yến tiệc”, là “ăn”. Lễ hội Tuyết đốn chính là ngày lễ ăn sữa chua. Về sau, các nội dung đón chào Lễ hội Tuyết đốn đã dần dần được thay đổi và trở thành ngày lễ tết chủ yếu trình diễn các trò chơi mang

đậm bản sắc dân tộc Tạng. Cho nên ngày nay cũng có người gọi thành “Tết trò chơi dân tộc Tạng”.

Lễ hội Tuyết đốn vào trước thế kỷ thứ mười bảy là một hoạt động hoàn toàn thiên về tôn giáo tín ngưỡng, căn cứ vào quy định đặt ra trong trường phái Gelug của Phật giáo Tây Tạng, từ ngày mười lăm đến ngày ba mươi tháng sáu hàng năm tính theo lịch Tạng sẽ được coi là thời kỳ cấm kỵ, tất cả các tăng lữ trong các chùa chiền trên khắp mọi khu vực của vùng Tây Tạng sẽ không được phép ra ngoài, để phòng tránh việc giẫm đạp lên tiểu côn trùng. Đến ngày mùng một tháng bảy lịch Tạng là ngày bắt đầu hết thời kỳ cấm kỵ, mọi người nô nức kéo nhau xuống núi, trong thời gian này, những người nông dân và du mục đều mang các loại sữa chua đã được chuẩn bị sẵn để mời nhau. Đây chính là nguồn gốc của Lễ hội Tuyết đốn.

Đến cuối thế kỷ thứ mười bảy, đầu thế kỷ thứ mười tám, hoàng đế nhà Thanh đã sắc phong cho Đạt Lai Lạt Ma Lobsang Gyatso (1617 - 1682) và Ban thiền Lobsang Yeshey (1663 - 1737) sắc vàng, ấn vàng, như vậy chế độ “Chính giáo hợp nhất” Tây Tạng ngày càng trở nên vững chắc và hùng mạnh hơn. Nội dung các hoạt động trong ngày Lễ tết Tuyết đốn càng thêm đa dạng phong phú, đã bắt đầu hình thành các trò chơi mang đậm bản sắc Tây Tạng, đồng thời cũng góp phần hình thành Lễ hội Tuyết đốn này.

Các trò chơi mang đậm bản sắc Tây Tạng trong thời kỳ đầu diễn ra Lễ hội Tuyết đốn, là sự bắt đầu đan xen kết hợp giữa các hoạt động tôn giáo và hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí. Tuy nhiên, phạm vi vẫn hạn chế trong các ngôi chùa. Đầu tiên lấy Triết Phong Tự làm trung tâm diễn ra mọi hoạt động phổ biến, được cha ông thời xưa gọi là “Triết Phong Tuyết Đốn Tiết”.

Sau khi Đạt Lai Lạt Ma di chuyển nơi sinh sống từ Triết Phong Tự đến cung điện Potala, Lễ hội Tuyết đốn hàng năm cũng được tiến hành theo trình tự: trước tiên tổ chức các trò chơi mang đậm bản sắc dân tộc Tạng trong Triết Phong Tự vào thời gian của ngày ba mươi tháng sáu trong năm, đến ngày thứ hai mới đến cung điện Potala để diễn cho Đạt Lai Lạt Ma thưởng thức. Sau khi Nor-bu gling-ka được xây dựng vào đầu thế kỷ thứ mười tám, các hoạt động tổ chức trong Lễ hội Tuyết



Biểu diễn trò chơi dân tộc Tạng.





Lễ tết Trung Quốc

đốn mới tiếp tục được biến chuyển, thay đổi từ việc tổ chức biểu diễn trong cung điện Potala di dời đến vườn Nor-bu gling-ka, đồng thời bắt đầu cho phép quần chúng nhân dân đến đây xem các trò chơi được trình diễn. Từ đó về sau, các hoạt động diễn ra trong Lễ hội Tuyết đốn càng trở nên hoàn thiện và phong phú hơn, hình thành nên toàn bộ các nghi thức mang tính chất cố định trong ngày lễ hội này.

Năm 1959, sau khi Tây Tạng tiến hành công cuộc cải cách dân chủ, các nội dung trong ngày Lễ hội Tuyết đốn ngày một trở nên đa dạng với nhiều hình thức phong phú khác nhau. Trong suốt quá trình diễn ra lễ hội này, nhân dân Tây Tạng tại khu vực gần thành phố Lhasa đã xếp thành từng hàng dài, phân chia thành từng nhóm nhỏ, cụ già con trẻ cùng cầm tay nhau, đeo bên mình những chiếc túi với đủ các loại sắc màu sắc sỡ, trên tay ôm các thùng rượu Thanh Khoa và rót xuống khu vườn Nor-bu gling-ka. Trong lễ hội, ngoài các đoàn kịch Tây Tạng đến từ bản địa còn có thêm các đoàn biểu diễn kịch Tây Tạng khác nhau đến từ các khu vực bên ngoài như



Thanh Hải, Cam Túc, Tứ Xuyên, Vân Nam v.v.. Họ cùng tiến đến thánh địa Lhasa để tham diễn các hình thức nghệ thuật dân gian đặc sắc và ý nghĩa.

Người dân không chỉ tham quan chiêm ngưỡng các trò chơi dân tộc Tạng mà còn căng các bạt vải với đầy đủ màu sắc bên dưới những gốc cây râm mát, trải thảm và bày các món ăn dành riêng cho ngày lễ tết, các loại hoa quả và rượu v.v.. Có nơi người ta vừa thưởng thức vừa đàm đạo, có nơi lại tổ chức ca hát múa nhảy, có những đội văn nghệ cũng đến tham gia biểu diễn góp mừng các bài ca, điệu nhảy mang đậm bản sắc dân tộc.

Trong những năm gần đây, nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật, hội thảo học thuật, các cuộc giao lưu trao đổi kinh nghiệm đều được tổ chức với quy mô tương đối lớn trong thời gian diễn ra Lễ hội Tuyết đốn của khu tự trị Tây Tạng, góp phần khiến cho ngày lễ tết cổ truyền này càng mang ý nghĩa quan trọng hơn.

LỄ MỘC DỤC

Tên gọi: Lễ Mộc dục của dân tộc Tây Tạng

Thời gian đón tết: Từ ngày mùng sáu đến ngày hai mươi tháng bảy lịch Tạng

Từ ngày mùng sáu đến ngày hai mươi tháng bảy theo cách tính của lịch Tạng là thời gian diễn ra ngày lễ truyền thống của người dân tộc tại đây, được gọi là Lễ Mộc dục. Lễ Mộc dục hay còn được gọi là "lễ tắm gội", vì lễ tết này kéo dài suốt bảy ngày nên được người Tây Tạng thời xưa gọi là "Tuần Mộc dục".

Tháng bảy lịch Tạng, đúng vào dịp mùa mưa chuẩn bị kết thúc, thời tiết ôn hòa, không khí thanh tịnh, hòa hợp lòng người, nhiệt độ nước ở các sông hồ chỉ 20°C, vừa khéo là thời điểm thích hợp để đi tắm gội. Thế là, mỗi độ đến dịp sao Kim xuất hiện trên bầu trời phương nam, tất cả mọi người dân tộc Tạng liền bắt đầu tiến hành tổ chức các hoạt động tắm gội, mãi cho đến hết bảy ngày sau, khi sao Kim đã lặn mới kết thúc hoạt động chung vui này. Trong thời gian diễn ra ngày lễ tắm gội, bất luận là khu vực thành thị hay vùng nông thôn, không kể khu vực nông nghiệp hay khu vực du mục, người dân đều cưỡi ngựa, lái xe, cầm các loại ô tránh nắng, phông bạt, hay mang theo bánh Tắm Ba, bánh trà mỡ khô, rượu Thanh Khoa và các loại vật phẩm khác nhau dùng trong ngày lễ tết, rồi cùng nô nức kéo đến ven bờ các sông hồ ở thành phố Lhasa, lưu vực sông Yarlung Tsangpo, giương cao





Lễ tết Trung Quốc

chiếc ô tránh nắng hoặc căng các lồng bạt lên, cùng vui chơi giải trí trong suốt cả ngày hôm đó. Người dân đem tất cả những đồ dùng xung quanh mình như chăn gối, trang phục, giày tất ngâm vào trong nước, rồi giặt giũ cho sạch sẽ. Sau đó phơi lên bờ sông, hồ và trên các cành cây. Đến thời điểm giữa trưa, khi ánh mặt trời chiếu sáng rực rỡ, chói chang nhất, nhiệt độ trong nước cũng dần dần tăng cao, người dân bắt đầu thả mình trần trong nước tắm gội, bơi lội, vui đùa thỏa thích, nam nữ thanh niên hay các cụ già, con trẻ không cần phải kiêng dè. Đến chiều, mọi người cùng tập trung quây quần bên nhau trong lều bạt hoặc cùng nhau ca hát nhảy múa, thưởng thức rượu ngon dưới những gốc cây râm mát. Mãi cho đến khi sao Kim xuất hiện trên bầu trời cao, sau khi mọi người đã có một ngày cùng nhau vui chơi giải trí thỏa thích, mới bắt đầu thu dọn lại những đồ đạc như chăn gối, trang phục và các đồ dùng của mình đã đem đi phơi từ trước đó, rồi lái xe hay cưỡi ngựa trở về nhà của mình.

Lễ Mộc dục ít nhất cũng đã có lịch sử hơn bảy tám trăm năm đối với người dân Tây Tạng. Liên quan đến xuất xứ của ngày lễ tết này, người Tây Tạng thời cổ xưa sinh sống tại khu vực cao nguyên vùng tuyết rơi quanh năm đã tương truyền lại vô số các cách giải thích khác nhau, trong đó có một truyền thuyết đầy ý nghĩa là: từ thời cổ đại, ở Tây Tạng có một vị thần y, người đời vẫn thường gọi ông là Vương Dược. Vương Dược sau khi mất, bay lên trời rồi biến thành một vị thần tiên. Một năm nọ, một trận dịch bệnh hoành hành nghiêm trọng lây lan khắp các khu vực, các ngõ ngách



của toàn bộ vùng Tây Tạng, khiến cho người chết la liệt. Người dân lũ lượt kéo nhau đi cầu cứu Vương Dược, nguyện cầu cho ông xuống trần gian cứu giúp nỗi khổ hạnh của chúng sinh. Sau khi biết chuyện, Vương Dược liền biến thành một ngôi sao chiếu sáng khắp bốn phương, tỏa ánh sáng xuống dưới núi, khiến cho cỏ cây đều biến thành những cây thuốc chữa bệnh; tỏa ánh sáng hướng xuống dưới nước, nước liền biến thành nước thuốc. Trong một đêm, mọi người đều nằm mơ một giấc mơ giống hệt nhau, đó là: phía trên bầu trời phía Đông Nam thành phố Lhasa có một vì sao mới tỏa sáng, ánh sáng của hành tinh này rọi rỡ cả bầu trời, dưới ánh sáng một người phụ nữ vừa gầy nhỏ vừa ốm yếu bước đến tắm gội trong lòng sông Lhasa trong suốt, sau khi tắm xong người phụ nữ đó biến thành một cô nương xinh đẹp. Mọi người đều nói rằng đây là phép màu mà Vương Dược ban xuống cõi trần, thế là người dân lần lượt kéo nhau xuống tắm gội dưới lòng sông. Sau thời gian bảy ngày, vì sao đó đã lặn, bệnh dịch hoành hành cũng đã được khống chế, những người trước đó mắc bệnh giờ cũng đều được hồi phục sức khỏe. Cũng từ đó, nhân dân toàn dân tộc Tạng đã hình thành phong tục tập quán tắm gội dưới lòng sông hồ trong thời gian suốt bảy ngày từ khi vì sao Kim xuất hiện cho đến khi lặn khuất, đồng thời phong tục tập quán này dần dần được biến đổi và trở thành ngày lễ tết chung của người dân tộc Tạng.

Căn cứ vào sử ghi chép trong sách về lịch thiên văn của người dân tộc Tạng, thủy văn vào thời điểm cuối mùa hè đầu mùa thu có tất cả tám ưu điểm chính, bao gồm: Nhất cam (ngọt, dễ chịu), Nhị lương (mát, râm), Tam nhuyễn (mềm, êm, dịu), Tứ khinh (nhẹ, đơn giản), Ngũ thanh (trong suốt, tinh mịch), Lục bất xú (không hôi, thối), Thất ẩm bất tổn hầu (uống vào không tổn hại đến họng), Bát hát bất thương phúc (uống vào không tổn thương đến vùng bụng). Do vậy, cuối hạ đầu thu chính là thời gian tốt nhất để diễn ra các hoạt động tắm gội. Có thể nói rằng, Lễ Mộc dục là ngày lễ tết với các hoạt động thể dục thể thao cũng như y tế vệ sinh của người dân tộc Tạng mang đậm bản sắc dân tộc riêng biệt cũng như thể hiện nét đặc trưng riêng về tiết khí.





LỄ RƯỚC ĐUỐC

Tên gọi: Lễ Rước đuốc

Thời gian đón tết: Ngày hai mươi tư tháng sáu âm lịch

Dân tộc Lô Lô phân bố tại các tỉnh: Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu và khu tự trị của dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây. Theo kết quả điều tra nhân khẩu toàn quốc được tiến hành vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Lô Lô tổng cộng là 7.762.300 người. Ngôn ngữ dân tộc Lô Lô thuộc chi ngữ Lô, tộc ngữ Tạng - Myanmar, hệ thống ngôn ngữ Hán - Tạng, có tất cả sáu loại phương ngôn. Dân tộc Lô Lô có chữ viết riêng biệt, là loại văn tự âm tiết xuất hiện sớm nhất toàn Trung Quốc, trong đó số chữ tương đối thông dụng với hơn một ngàn chữ. Tôn giáo tín ngưỡng trong dân tộc Lô Lô chủ yếu là các hoạt động thờ cúng tự nhiên và thờ cúng Ông Bà, bộ phận dân tộc Lô Lô sinh sống tại khu vực Vân Quý lại chịu ảnh hưởng của Đạo giáo và đạo Phật.

Các ngày lễ tết cổ truyền trong đời sống dân gian của dân tộc Lô Lô rất nhiều, trong đó phổ biến nhất, được tổ chức với quy mô lớn và long trọng nhất phải kể đến Lễ Rước đuốc diễn ra vào ngày hai mươi tư tháng sáu âm lịch hàng năm, hay còn được gọi là "Tinh Hồi Tiết". Liên quan đến nguồn gốc của Lễ Rước đuốc, có vô số các cách giải thích không giống nhau. Trong đó có một cách giải thích như sau: có một vị đại lực sĩ trên trời và một vị đại lực sĩ dưới mặt đất hẹn ước đấu vật với nhau vào ngày hai mươi tư tháng sáu âm lịch, kết quả, vị đại lực sĩ trên trời đã bị vật đến chết. Các vị thần tiên trên trời vô cùng tức tối, liền ra lệnh cho đàn châu chấu xuống trần gian đòi lại món nợ sinh mệnh này. Hàng đàn hàng đàn châu chấu phủ kín khắp nơi, chúng ăn liền ba ngày ba đêm, ăn gần hết tất cả các nông trang nơi đây. Để bảo vệ nông trại của gia đình mình, mọi người cùng nhau đốt đuốc để tiêu những đàn châu chấu này trong thời gian ba ngày ba đêm, khiến cho tất cả các loài châu chấu đều bị tiêu diệt sạch. Với mục đích phòng trừ châu chấu lại đến phá hoại thêm một lần nữa, người dân tộc Lô Lô vào ngày hai mươi tư tháng sáu âm lịch hàng năm đều tiến hành hoạt động thắp đuốc khắp đất trời, với tâm nguyện cầu mong cho một năm vụ mùa bội thu.

Người dân tộc Lô Lô thông thường tiến hành những công đoạn chuẩn bị trước cả một tháng cho Lễ Rước đuốc sắp đến này một cách công phu và tinh tế. Những đứa trẻ du mục trong dân tộc Lô Lô đi cùng

đám bạn bè của mình, tay cầm dây thừng và cất vang những bài hát về vùng sơn cước, rồi đi khắp núi đồi tìm những cây sào khô vừa thẳng vừa dài để về làm đuốc. Những ngọn đuốc vùng núi thường được làm từ các cây sào đấng khô và dài, không dùng đến tre trúc hay bất cứ các loại tùng, thông nào, lý do là bởi vì loại sào này còn có công hiệu trừ uế, diệt tà rất tốt. Số đuốc để rước được quyết định căn cứ vào số lượng người, mà mỗi người ba ngọn đuốc. Đương nhiên, đuốc được làm càng dài và càng nhiều thì càng tốt.

Mỗi độ đến dịp này, người trưởng thành trong các gia đình thường lo hai công việc chính: thứ nhất, chuẩn bị đồ phục vụ trong công việc thờ khẩn, cúng tế; thứ hai, chuẩn bị các bộ trang phục dự lễ cho tất cả mọi thành viên trong toàn thể gia đình. Các cô gái dân tộc Lô Lô còn cần chuẩn bị các loại kẹp mái, kẹp nơ hay những bộ áo cánh hoặc váy v.v.. với những màu sắc sắc sỡ. Có những người thiếu nữ còn chuẩn bị áo quần, thắt lưng hay ví hoa cho người yêu của mình. Các chàng trai cũng chuẩn bị những chiếc khăn, hoa tai hay khuyên tai cho người yêu của mình, thậm chí còn chuyên tâm làm ra những chiếc khăn dạ choàng màu xanh lam hay mua tặng những chiếc ô màu vàng che mưa v.v.. Do vậy, có nhiều nghệ sĩ cũng gọi Lễ Rước đuốc của dân tộc Lô Lô thành "Ngày hội ca hát của các cặp tình nhân".

Trong các bản làng hay thôn quê nơi người dân tộc Lô Lô sinh sống, ngoài việc các gia đình chuẩn bị cho mình các loại vật phẩm cần thiết để sử dụng trong quá trình diễn ra Lễ Rước đuốc, thì toàn thôn, toàn bản làng hàng năm sẽ góp tiền để mua một vài con lợn đem về giết thịt, với mục đích dâng đầu lợn lên các vị thần, toàn tâm toàn ý cầu mong họ sẽ giúp chúng sinh tiêu trừ tai nạn. Người người nhà nhà đều đi mua sắm các loại thực phẩm phục vụ riêng trong thời gian đón lễ này như: rượu, đường, mì sợi, hoa quả v.v.. Cả những món đồ để dùng cho riêng bản thân hay cho toàn thể các thành viên trong gia đình và làm quà tặng cho bạn bè, khách quý.

Ngay từ sáng sớm tinh mơ ngày hai mươi tư tháng sáu âm lịch, mọi nhà đều tiến hành các công việc dọn dẹp cho sạch sẽ gọn gàng. Mọi thành viên trong nhà từ già trẻ, nam nữ, thanh niên đều mặc những bộ trang phục đẹp nhất, họ bận rộn với những công việc như đốt lửa giết gà, rang yến mạch hay làm bột. Những người phụ nữ cùng nhau chuẩn bị bữa ăn cho tất cả mọi người trong ngày lễ, còn nam thanh niên ngay từ lúc còn sáng sớm đã đi mổ bò, rồi phân chia đến từng hộ gia đình. Theo





Lễ tết Trung Quốc

truyền thuyết, ăn thịt bò trong ngày lễ sẽ mang lại bình an cát tường cho chính họ.

Sau khi các hộ gia đình thường thức bữa ăn tối thịnh soạn và no say, các hoạt động cúng tế tưởng niệm tổ tiên và các vị thần thánh linh thiêng cũng đã tiến hành xong, mọi người liền bắt đầu nghi thức thắp đuốc. Những người thanh niên giương cao và thắp lửa lên những ngọn đuốc mà họ đã cất công chuẩn bị vô cùng công phu và tinh tế từ trước đó rất lâu, chạy vòng quanh khắp nhà từ một đến ba vòng liên tiếp, sau khi đi khắp vài lượt xung quanh ngôi nhà, họ chuyển sang đi đến những khu đất trong vườn, trong nông trại, đi hết một vòng, vừa đi vừa nói lớn: "Thiêu chết các loài côn trùng gây hại, thiêu chết các dịch bệnh. Ngũ cốc đầy bồ, gia súc phát triển". Tiếp đến là nghi thức tập trung các ngọn đuốc lại với nhau, hình thành nên từng hàng dài những ngọn đuốc cháy sáng. Những ánh sáng rực rỡ chiếu lóa khắp bầu trời, những tiếng reo vang chấn động cả núi rừng, tất cả những điều này khiến cho những bản làng, thôn quê vùng sơn cước vốn yên tĩnh, bình lặng rạo rực hẳn lên, như được thay một bầu không khí mới mẻ. Rồi mọi người, cùng nhau đi đến khu vui chơi giải trí công cộng của thôn bản nơi đây. Họ đem tất cả những ngọn đuốc chất thành một đồng lửa to và sáng vô cùng, tất cả người dân sinh sống tại đây sẽ quây quần bên





Đêm hội Rước đuốc.

nhau, tay trong tay tạo thành vòng tròn vừa nhịp bước chân đi vừa ca hát nhảy múa. Các cụ già gảy nguyệt cầm, các chàng thanh niên thổi nhiều loại sáo, các cô nương thì chơi các loại đàn môi treo trước ngực. Họ đều nguyện cầu cho mọi năm mùa màng bội thu, ngũ cốc đầy kho, gia súc gia cầm đều sinh sôi nảy nở, và cùng hát vang lên những khúc hát vui tươi chào đón cuộc sống tốt đẹp, ý nghĩa. Nơi nơi đều là thế giới của lửa, nơi nơi đều là không gian của những lời ca, điệu nhảy reo vang.

Trong thời gian diễn ra Lễ Rước đuốc, số lượng du khách trong và ngoài nước đến tham quan du lịch tại khu vực này luôn luôn tăng mạnh. Những người làm nghề buôn bán cũng rất phát đạt. Ngoài các hoạt động mang tính chất dân gian cổ truyền như đấu vật, đấu bò, đua ngựa v.v.. nội dung các tiết mục biểu diễn thể dục thể thao, văn nghệ mang đậm tính quần chúng nhân dân cũng ngày một trở nên phong phú đa dạng với những màu sắc và hình thức cũng ngày một được hoàn thiện hơn.

Lễ Rước đuốc còn là ngày lễ tết cổ truyền chung của người dân các dân tộc khác như dân tộc Bạch, dân tộc Nạp Tây, dân tộc Hà Nhì (Cáp Nê), dân tộc La Hủ (Lạp Hổ), dân tộc Pumi (Phổ Mễ) v.v..





LỄ HỘI BÀN VƯƠNG (KING PAN)

Tên gọi: lễ hội Bàn Vương dân tộc Dao

Thời gian đón tết: Ngày mười sáu tháng mười âm lịch

Dân tộc Dao chủ yếu phân bố và sinh sống tại các miền sơn cước khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây và các tỉnh như Hồ Nam, Vân Nam, Quảng Đông, Quý Châu v.v.. Căn cứ theo kết quả điều tra nhân khẩu toàn quốc được tiến hành năm 2000, nhân khẩu dân tộc Dao tổng cộng 2.637.400 người. Dân tộc Dao có ngôn ngữ riêng biệt, đồng thời cũng thông dụng Hán ngữ hoặc Choang ngữ, tuy nhiên họ lại không có chữ viết riêng của dân tộc mình, thông thường người dân tộc Dao sử dụng chữ Hán.

Bàn Vương là tổ tiên thời kỳ sơ khai của dân tộc Dao. Tết Bàn Vương là ngày lễ tết mà người dân tộc Dao tổ chức với mục đích kính thờ tổ tiên của mình, đồng thời cũng là lễ hội ca hát được tổ chức với quy mô lớn nhất, long trọng nhất trong tất cả các ngày lễ tết của dân tộc Dao. Tương truyền, vào thời kỳ xa xưa, Dao Sơn Bình Vương và Cao Vương đã giao chiến với nhau. Bình Vương tuyển sĩ chiêu hiền, hạ lệnh chỉ cần tìm được nhân tài diệt được Cao Vương sẽ gả vị công chúa thứ ba xinh đẹp nhất, mỹ miều nhất cho người đó. Không ngờ chỉ đến ngày thứ hai có một con long khuyến tên là Bàn Hồ đã mang thủ cấp của Cao Vương dâng đến. Bình Vương không quên lời hứa, liền đồng ý gả nàng công chúa thứ ba thương yêu của mình cho Bàn Hồ. Bàn Hồ muốn biến thành người, liền dặn công chúa nhốt mình vào trong một chiếc lồng dùng để hấp rồi đem đi hấp bảy ngày bảy đêm. Hấp đến đêm ngày thứ sáu, công chúa lo lắng chiếc lồng đó sẽ hấp chết chồng mình, liền nhẹ nhàng mở trộm nắp lồng để xem, thì Bàn Hồ quả nhiên đã biến thành một chàng trai cao to vạm vỡ, khôi ngô tuấn tú. Bình Vương phái Bàn Hồ đến Hội Khê Sơn phong làm vương, hiệu Bàn Vương. Bàn Vương và nàng công chúa thứ ba sau khi kết hôn sinh hạ được sáu nam sáu nữ, truyền lại cho nhà Dao mười hai họ. Có một hôm, Bàn Vương lên núi săn bắt, không may bị một con linh dương tấn công và mất tại khu vực núi đèo hiểm trở. Các con trai và con gái của Bàn Vương sau khi nghe được tin, quyết đi tìm bắt con linh dương đã giết hại phụ vương mình, để lột da linh dương làm thành mặt trống dài, mỗi khi tức giận liền vỗ thật mạnh vào mặt trống cho vang lên tiếng thật to để báo thù. Từ đó về sau, mỗi khi đến ngày này, người dân tộc Dao liền tụ tập sum vầy lại bên nhau, hát vang, nhảy

múa tung bưng tỏ lòng tưởng nhớ Bàn Vương. Thanh niên nam nữ cũng coi đây là cơ hội để mượn lời ca tiếng hát thổ lộ những tâm tư tình cảm của bản thân, mong tìm cho mình những người bạn như ý. Cho đến nay, những người dân tộc Dao vẫn còn giữ tập tục không ăn thịt chó.

Hiện nay, Lễ Bàn Vương đã dần dần phát triển thành lễ hội liên hoan giao lưu hữu nghị cung chúc vụ mùa bội thu.



Người dân tộc Dao diễu hành náo nức, nhộn nhịp trong ngày lễ tết Bàn Vương.





LỄ HỘI DANU

Tên gọi: Lễ hội Danu

Thời gian đón tết: Ngày hai mươi chín tháng năm âm lịch

Lễ hội Danu, hay còn được gọi là Tổ Nương Tiết hay Dao Niên, là một trong những ngày lễ tết cổ truyền được tổ chức với quy mô lớn nhất, long trọng nhất của người dân tộc Dao. Do sinh sống trong những khu vực khác nhau, nên phong tục tập quán và thời gian ngũ cốc sinh trưởng cũng như mùa thu hoạch cũng khác nhau rất nhiều. Do vậy, chu kỳ diễn ra ngày lễ tết không chỉ một năm tổ chức một lần, mà có những vùng miền hay địa phương hai ba năm mới tổ chức một lần, có những khu vực từ ba năm đến năm năm tổ chức đón tết một lần, thậm chí có nơi mười hai, mười ba năm mới tổ chức.

Liên quan đến nguồn gốc của lễ hội Danu, có một câu chuyện được lưu truyền phổ biến và thịnh hành trong đời sống dân gian như sau: Vào thời đại xa xưa, tại nơi núi cao rừng thẳm, có hai ngọn núi bảo ngọc hùng vĩ, nằm đối diện với nhau. Ngọn núi nằm phía bên trái được đặt tên là Bullough Xishan; ngọn núi này hiên ngang sừng sững như một dũng sĩ. Ngọn núi phía bên phải có hình dáng xinh đẹp, mượt mà, giống hình một cô gái đang mặc bộ váy kiểu diêm thướt tha, mang tên là Dense Luo Camel. Hàng năm, hai ngọn núi này đều dần dần dịch chuyển tiến sát về phía nhau một chút, trải qua chín trăm chín mươi lăm năm, cuối cùng hai ngọn núi cũng đã nằm sát bên nhau. Vào ngày hai mươi chín tháng năm năm đó, trên không trung đột nhiên vang lên những tiếng sét dữ dội, kinh thiên động địa, giữa hai ngọn núi đó đồng thời nứt ra một khe hở, từ trong ngọn núi mang tên Bullough Xishan bước ra một người con trai tên là Bullough Xiu; từ trong ngọn núi mang tên Dense Luo Camel cũng bước ra một người con gái tên là Dense Luo Camel.



Đàn ông dân tộc Dao gõ trống đồng.

Hai người đó kết đôi nên duyên vợ chồng, hạ sinh được ba người con gái. Dense Luo Camel khi đã về già nói với ba người con gái của mình rằng: "Các con của ta! Đến hôm nay các con đều đã trưởng thành cả rồi, cũng đã đến lúc các con cần phải sống tự lập rồi!". Người con gái lớn của Dense Luo Camel mang theo những đồ vật như cuốc, xẻng, lưới liềm đến khu vực đồng bằng làm công việc đồng áng; người con gái thứ hai của Dense Luo Camel ôm một chồng sách lớn cũng bước chân ra đi, con cháu sau này của cô đã sinh sống và hình thành nên dân tộc Choang; còn người con gái thứ ba của Dense Luo Camel mang theo những hạt lúa mạch và cuốc xẻng, đi khai hoang trồng lúa ở những vùng đất nằm sâu trong các miền sơn cước và an cư lập nghiệp tại khu vực đó, trở thành tổ tiên của dân tộc Dao. Các nông trại, ruộng vườn mà người con gái thứ ba đó tạo dựng nên đều bị thú dữ, chuột và các loại chim ăn trộm hết sạch, cô liền nước mắt ngấn dài và ngậm ngùi quay về nhà than thở với mẹ của mình. Mẹ Dense Luo Camel đưa cho cô một chiếc trống đồng và một chú mèo. Năm thứ hai khi mùa vụ đến, các loài thú và chim chóc lại đến ăn trộm, người con gái thứ ba đã nghe lời mẹ Dense Luo Camel dạy bảo, gõ vang chiếc trống đồng lên, âm thanh vang dội của trống đồng đã khiến cho các loài thú dữ và chim chóc kinh sợ bỏ chạy, đồng thời chú mèo được thả ra cũng đã ăn sạch các loài chuột, cuối cùng mùa vụ của cô đã bội thu. Để cảm tạ ân tình mà người mẹ Dense Luo Camel đã giúp đỡ mình, vào đúng ngày hai mươi chín tháng năm - tức ngày sinh nhật mẹ Dense Luo Camel, người con gái đó đã sắm sửa và bày biện thịnh soạn các loại vật phẩm đem về nhà tỏ lời cung chúc đến mẹ Dense Luo Camel, đồng thời cũng là để chúc mừng cho một vụ mùa bội thu. Sau này, người dân tộc Dao đã lấy ngày này làm ngày lễ tết cho toàn dân tộc mình. Do đó, từ "Da nu" cũng có nghĩa là "không được lãng quên".

Người dân tộc Dao rất coi trọng ngày lễ tết này. Trước thời gian diễn ra ngày lễ tết, khắp mọi thôn bản, hay vùng miền nơi người Dao sinh sống, nhà nhà người người đều phải tiến hành dọn dẹp, vệ sinh tất cả mọi đồ đạc, dọn dẹp một cách sạch sẽ tươm tất. Sau đó tổ chức giết lợn, giết vịt, làm rượu gạo, làm các loại bánh với nguyên liệu từ hạt gạo nếp, cùng nhau làm các vật phẩm đầy đủ, thịnh soạn để sử dụng trong ngày lễ tết. Trên quảng trường trong thời gian diễn ra các ngày lễ tết này, cũng tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao với nội dung đa dạng và phong phú như ca hát, nhảy múa, võ thuật, thi đánh bóng v.v.. Trong các hoạt động đó hấp dẫn mọi người nhất là tiết mục **múa trống đồng**. Thông thường trong tiết mục này, mỗi lần chơi sẽ xuất hiện hai nam một nữ, trong đó một người





Lễ tết Trung Quốc

con trai sẽ gõ lên chiếc trống đồng đó và biểu diễn các điệu nhảy múa truyền thống của dân tộc Dao, người con trai còn lại sẽ kết hợp cùng người thứ nhất để đánh trống, tạo thành cặp đôi tham gia chương trình, người con gái sẽ cầm chiếc ô che mưa tránh nắng và nhún nhảy ca múa, phía sau người con trai đánh trống đồng để biểu diễn các động tác hỗ trợ cho người con trai đó. Khi tiếng trống vang lên càng lúc càng dồn dập, động tác nhảy múa của người biểu diễn cũng càng lúc càng liên tục hơn, khiến cho các tư thế múa càng trở nên đẹp và hấp dẫn hơn, thì những tràng pháo tay của người xem xung quanh vang lên giòn giã, tiếng reo hò, tiếng trầm trồ thán phục vang lên không ngớt. Sau khi các tổ đã biểu diễn xong các tiết mục của mình, mọi người tranh nhau chúc rượu tay trống xuất sắc nhất đồng thời phong tặng danh hiệu "Trống vương" cho người đó.

Tiết mục diễn ra ngay sau tiết mục gõ trống đồng là **bắn pháo chỉ thiên**. Người dân đem pháo chỉ thiên đã được chuẩn bị sẵn từ trước đó đặt ở một vị trí nhất định với số lượng từ hàng chục cái đến hàng trăm tại quảng trường. Mọi người không phân biệt nam nữ cùng nhau chăm ngòì nổ pháo, cho đến khi tiếng pháo cuối cùng vang lên mới thôi. Đồng thời đếm xem trong cùng một thời gian, ai chăm ngòì cho pháo chỉ thiên nổ vang với số lượng nhiều nhất. Sau khi cuộc thi đấu kết thúc, tất cả các loài chim ngừng hót, các thành viên tham gia và tất cả mọi người xung quanh cùng nín thở, chăm chú dõi theo và lắng nghe tiếng người đếm kết quả về số lượng pháo chỉ thiên được chăm ngòì. Khi tiếng pháo vang lên, cũng là lúc những đốm lửa liên tiếp vút bay lên không trung, không khí diễn ra vô cùng náo nhiệt và rộn ràng. Người dân vây quanh người chăm ngòì pháo giành chiến thắng, cùng nhắc bóng và tung người đó lên cao.

Các hoạt động diễn ra trong ngày lễ tết Danu còn có rất nhiều như: hát đối các bài hát về miền sơn cước, thổi sáo, biểu diễn võ thuật v.v.. Dân tộc Choang tại một số khu vực của tỉnh Quảng Tây cũng đón ngày lễ tết Danu này.

LỄ HỘI THUYỀN RỒNG

Tên gọi: Lễ hội Thuyền rồng

Thời gian đón tết: Từ ngày hai mươi tư đến ngày hai mươi bảy tháng năm âm lịch

Dân tộc H'Mông (Miêu) chủ yếu phân bố tại các tỉnh như: Quảng Châu, Hồ Nam, Vân Nam, Tứ Xuyên, Quảng Tây, Hồ Bắc, Hải Nam v.v.. Căn cứ theo kết quả điều tra thống kê nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tổ chức lần thứ năm vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc H'Mông tổng cộng là 8.940.100 người. Dân tộc H'Mông sử dụng ngôn ngữ Miêu, thuộc chi tộc Miêu, tộc ngữ Miêu - Dao, hệ ngữ Hán - Tạng. Dân tộc Miêu có tín ngưỡng sùng bái vạn vật có linh hồn hoặc thần ma quỷ, cúng tế tưởng niệm tổ tiên cha ông, sùng bái tự nhiên, cho rằng thần linh có những sức mạnh mà không một ai, không một nơi nào có thể cưỡng cự lại được. Bất luận là thiên tai bệnh dịch hay cầu tự cầu tài v.v.. thì họ đều tiến hành cầu khẩn thần linh, tổ tiên với tâm nguyện cầu mong cho thần linh, tổ tiên phù hộ độ trì cho mình. Quá trình khẩn cầu cũng như trừ thiên tai dịch bệnh, trừ tà trừ ma quỷ, sẽ do một vị pháp sư tiến hành với quy mô tổ chức rất long trọng và hoành tráng.

Ngày mừng năm tháng năm âm lịch là ngày Tết Đoan ngọ của mọi người trong dân tộc Hán, người dân thường tổ chức chèo thuyền rồng với mục đích tưởng nhớ thi nhân Khuất Nguyên. Dân tộc Dao trong thời gian tháng năm âm lịch hàng năm cũng tổ chức Lễ hội Thuyền rồng (Lễ hội Long châu), tiến hành các cuộc thi đấu chèo thuyền rồng trong quá trình diễn ra lễ hội này.

Lễ hội Thuyền rồng của dân tộc Dao có nguồn gốc rất đặc biệt. Tương truyền rằng, tại khu ven sông Đẩu Thủy, có một con hắc long lớn rất tàn ác, tàn hại tất cả mọi chúng sinh, khiến cho mọi người cảm thấy vô cùng đau khổ và căm phẫn, họ suy nghĩ để tìm ra trăm phương ngàn kế trừ loài hắc long này. Ven sông có một gia đình ngư dân, chỉ có hai cha con sống với nhau, lấy công việc đánh bắt cá làm nghề sinh sống chính. Trong một ngày tháng năm âm lịch của một năm nọ, người con trai trong lúc đánh bắt cá đã bị hắc long bắt đi. Người cha sau khi biết tin đã vô cùng căm phẫn, uất ức, ông quyết tâm loại trừ loài hắc long yêu tinh hại dân lành và cứu người con trai đáng thương của mình. Ông đã mang theo dao và bật lửa, tới thẳng nơi ở của hắc long và quyết đấu một phen.





Thuyền rồng Miêu gia.

Cuộc chiến diễn ra vô cùng gay go và ác liệt trong suốt chín ngày chín đêm. Ông chặt hắc long thành ba phần, cứu được người con trai yêu dấu của mình và thiêu trụi hang ổ của hắc long để loài hắc long không gây hại cho dân lành. Không ngờ, sóng sông nổi lên cuộn cuộn, thì thể hắc long theo dòng chảy ầm ầm của sóng nước mà chảy xuống phía dưới, khiến cho hai đầu của dòng sông biến thành một màu đen tối, đất trời xám xịt như mực. Đùng lúc ấy, có một cô nương dân tộc Miêu đi đến bên sông lấy nước, không cẩn thận làm rơi chiếc gáo gỗ đùng để mức nước. Cô dùng chiếc đòn gánh vớt chiếc gáo gỗ đó lên, nhưng khi chiếc đòn gánh vừa chạm vào gáo gỗ thì phát ra âm thanh leng keng... leng keng... bầu trời lập tức trở nên tươi sáng, không khí đen tối, ảm đạm dần dần biến mất, ánh hào quang chiếu rọi muôn nơi.

Với mục đích tưởng nhớ và tri ân ngư ông đã có nghĩa cử diệt tà trừ ma đòi lương thiện, công bằng đem về cho dân chúng và công đức của cô nương người dân tộc Miêu đã biến chuyển đất trời tươi sáng trở lại, thoát khỏi cảnh tối tăm, người dân tộc Miêu đã lấy thời gian từ ngày hai mươi tư đến ngày hai mươi bảy tháng năm hàng năm làm ngày lễ tết cổ truyền tổ chức cuộc thi bơi thuyền rồng trên sông hồ.



Đàn ông dân tộc Miêu mặc những bộ trang phục truyền thống gắng sức chèo thuyền.





Lễ tết Trung Quốc

Tuy nhiên, thuyền rồng của dân tộc Miêu và thuyền rồng trong ngày Tết Đoan ngọ của dân tộc Hán không giống nhau. Thuyền rồng của dân tộc Hán là một chiếc thuyền có hình dài, thẳng tắp từ đầu đến cuối mũi thuyền còn thuyền rồng dùng trong lễ hội thuyền rồng của dân tộc Miêu lại do ba chiếc thuyền gọi là thuyền mẹ và thuyền con cùng hợp nhất lại với nhau. Chúng là những chiếc thuyền độc mộc được làm từ những thân cây lớn được đục rỗng ruột bên trong với các độ to nhỏ, dày mỏng không thống nhất. Chiếc ở giữa được gọi là thuyền mẹ, hay còn được gọi là thuyền chủ, tương đối dài; hai chiếc bên cạnh được gọi là thuyền con, hay còn được gọi là thuyền phụ, tương đối ngắn. Phía trên đầu chiếc thuyền mẹ trang trí một chiếc đầu rồng có chiều cao khoảng chừng vài mét, đầu rồng được làm từ thân gỗ liễu được chạm trổ một cách tài tình và công phu, tỉ mỉ, bên trên đầu rồng chạm trổ những nét hoa văn cực kỳ tinh mỹ, đặc biệt là mắt rồng và râu rồng, khiến cho mắt và râu rồng sống động như thật. Do vậy, toàn thể chiếc thuyền rồng chính là một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo và mang nhiều ý nghĩa. Đến ngày tiến hành tổ chức thi đấu, các thuyền rồng tham gia thi đấu đều được trang trí và chăm chút tỉ mỉ trông như mới. Trên thuyền cắm các loại cờ với đầy đủ sắc màu không giống nhau, các vận động viên tham gia cuộc đua mặc những bộ trang phục được làm bằng chất liệu vải màu xanh lam, trên đầu đội những chiếc nón gắn các thỏi bạc trắng phân chia thành hai hàng thẳng dọc, đều đặn và song song với nhau. Vị dũng sĩ đánh trống với nhiệm vụ chỉ huy cả đoàn quân tham gia thi đấu đứng ở phía trên cùng của chiếc thuyền, thể hiện phong thái và tư thế uy nghi, hùng tráng.

Khi tiếng còi bắt đầu vang lên, dũng sĩ đánh trống đánh vang lên những tiếng trống giòn giã theo nhịp rộn ràng, đoàn vận động viên cùng hát vang lên bài ca thuyền rồng, băng băng lướt trên dòng sông, dùng hết sức mạnh của cả đoàn cố gắng vượt lên phía trước. Lúc ấy, cảnh tượng diễn ra trên mặt sông vô cùng hoành tráng và náo nhiệt. Từng đoàn từng đoàn thuyền rồng giống hệt những con rồng thật, lướt đi với vận tốc nhanh như gió trên mặt sông. Những tiếng hoan hô reo vang của nhân dân tụ tập hai bên bờ sông, hòa nhịp với tiếng trống, tiếng mái chèo khua nước rất rộn rã và sinh động.

Thời khắc dân tộc Miêu đón mừng Lễ hội Thuyền rồng hiện còn được bảo tồn cùng với một số phong tục tập quán cổ truyền đặc sắc. Thứ nhất là trước thời gian diễn ra các hoạt động trong Lễ hội Thuyền rồng, nhất định phải cấy xong hết mạ xuống ruộng, làm xong tất cả mọi việc

nhà nông, nếu không trong quá trình tham gia thi đấu sẽ bị người đời coi thường; thứ hai là đối với những người đã từng phát sinh ra những mâu thuẫn hay cãi vã trong đời sống thường ngày, khi bước chân lên thuyền rồng bắt buộc phải nắm chặt tay lại và miệng reo vang lên những tiếng hoan hô chúc mừng, đoàn kết thống nhất với nhau; thứ ba là người tổ chức cuộc thi đấu phải đặt một con vịt sống to và béo tại nơi đích đến, để cho vận động viên chèo đến đích trước chạy đến bắt. Tất cả hình thành nên một bức họa vô cùng ý nghĩa và đặc sắc.

Người dân tộc Miêu rất coi trọng Lễ hội Thuyền rồng. Mỗi thôn, mỗi bản làng hay địa phương đều có thuyền rồng riêng của mình, những thuyền rồng này được chế tạo và trang trí một cách tinh xảo và mỹ lệ, đồng thời để bảo quản tốt thuyền rồng, họ còn xây dựng những ngôi nhà dành riêng cho việc bảo quản thuyền. Ở trên bờ của các con sông hoặc hồ, luôn luôn có thể nhìn thấy những ngôi nhà được làm từ gỗ, lợp mái ngói với hình dáng dài, những ngôi nhà này được gọi là nhà thuyền. Cuộc thi đấu vừa kết thúc, thuyền rồng được cất giữ vào trong kho, với mục đích che mưa nắng, bảo quản cho thuyền. Do vậy, thuyền rồng của dân tộc Miêu có thể được sử dụng trong khoảng thời gian mười mấy năm hay thậm chí đến vài chục năm, có khi tuổi thọ còn lên tới hàng trăm năm.

LỄ HỘI HOA SƠN

Tên gọi: Lễ hội Hoa Sơn dân tộc Miêu

Thời gian đón tết: Từ ngày mùng hai đến ngày mùng bảy tháng giêng âm lịch

Thời gian từ ngày mùng hai đến ngày mùng bảy tháng giêng âm lịch chính là Lễ hội Hoa Sơn, một năm được tổ chức một lần của người dân tộc Miêu sinh sống tại các khu vực ven tỉnh Vân Nam, hay còn được gọi là "Sái Hoa Sơn". Mỗi độ đến dịp lễ hội này, những người dân thuộc dân tộc Miêu từ các bản làng, thôn quê lũ lượt kéo nhau từ bốn phương tám hướng đổ về, giống như nước trong hồ trong suối, họ hướng về các vùng đất rộng lớn thênh thang giữa các bản làng, để cùng chúc lẫn nhau và đón chào các hoạt động sẽ được tổ chức trong lễ hội, số lượng người tham gia thường lên đến hàng vạn người.

"Hoa Can" là biểu tượng quan trọng trong Lễ hội Hoa Sơn, người dân thường lựa chọn các loại cây bách hoặc cây tùng xanh với thân cây cao lớn





Lễ tết Trung Quốc

và thẳng, tại chỗ cách đỉnh cột khoảng chừng một mét có treo các lá cờ với những sắc màu sắc sỡ như: đỏ, vàng, xanh lam hay trắng, và những loại khèn làm từ thân lau sậy hay các loại kẹo đường v.v.. tượng trưng cho việc đón chào năm mới và để tặng cho những người giành chiến thắng trong cuộc thi **trèo cột hoa**. Người quắn cột hoa hay còn được gọi là "Hoa Can Đầu", là "người có lòng tốt" được tất cả mọi người công nhận. Người này bắt buộc phải tranh thủ lúc mặt trời chưa mọc, đem dựng cột hoa thẳng đứng ngay trong buổi sáng sớm ngày đầu tiên diễn ra lễ hội.

Vào Lễ hội "Sải Hoa Sơn", đầu tiên là "Hoa Can Đầu" hướng lên phía trước kính rượu, chúc phúc cho những thành viên tham gia cuộc thi "Sải Hoa Sơn"; ngay sau đó sẽ tuyên bố thời gian diễn ra Lễ hội "Sải Hoa Sơn" đã được bắt đầu. Vào thời gian này, hội trường tại toàn khu vực trong ngoài Hoa Sơn đều rộn rã, tiếng pháo nổ âm ỉ, tiếng trống đồng reo vang theo từng nhịp lên xuống đều đặn, những bó hoa tươi, những lá cờ rực rỡ đa sắc màu cũng bay phấp phới theo làn gió; các hoạt động cung chúc đón



Ca vũ khèn làm từ thân lau sậy của dân tộc Miêu.

chào cho ngày lễ hội lần lượt được bắt đầu. Các nam thanh nữ tú lúc thì đối xứng các bài ca về miền sơn cước, lúc thì nhảy múa những vũ điệu khác nhau; có người lại thổi khèn (một thứ nhạc cụ của các dân tộc Miêu, Dao, Đồng), có người thì múa sơn lâm, ngoài ra còn có các hoạt động như đấu vật, khiến cho cả khung cảnh Lễ hội Hoa Sơn trở nên náo nhiệt, tưng bừng như chưa từng có.

Lễ hội "Sái Hoa Sơn" một năm được tổ chức một lần, chính là thời gian và cũng là cơ hội vô cùng tốt cho các cặp đôi nam nữ thanh niên của dân tộc Miêu thể hiện những tâm tư, tình cảm yêu thương với nhau, hoặc cùng nhau giao lưu kết bạn hoặc ngõ lời cầu hôn cùng nhau. Nam nữ thanh niên khi chính thức bày tỏ tình yêu, thì bên nam dùng hoa quẩn chân hay dây lưng hoa để đem tặng cho cô gái, đồng thời bên nữ cũng tự tay dùng hàng trăm hàng ngàn sợi tơ thêu nên những chiếc mũ hoa, khăn thắt đầu tặng lại cho chàng trai.

Khu vực Điện Đông Bắc và Điện Nam dân tộc Miêu, ngày mùng sáu tháng sáu âm lịch hàng năm chính là thời gian diễn ra Lễ hội "Sái Hoa Sơn". Truyền thuyết kể lại rằng, vào thời kỳ cổ đại xa xưa, dân tộc Miêu bị đánh thua trận và phải tản mạn lưu lạc tại nhiều vùng miền xa xôi, khi nhớ đến ông cha tổ tiên đã vất vả khổ cực lưu vong khắp nơi mà không cảm được lệ xót thương. Vào ngày mùng sáu tháng sáu hàng năm, tổ tiên cha ông hiện linh về, khuyên nhủ mọi người không nên quá thương nhớ, quá đau xót như vậy, nên đi đến những khu vực núi non hùng vĩ kia mà thổi khèn, ca hát nhảy múa để tổ tiên cha ông thưởng thức, chiêm ngưỡng. Khi lời nói vừa dứt thì từ trên không trung rơi xuống một đóa hoa nhỏ, mắc ngay trên một cây cao. Mọi người cùng nhau quây quần xung quanh cây đó và ca hát nhảy múa, thổi khèn. Nông gia trang trại của tất cả mọi nhà vào năm đó đã thu hoạch được mùa. Từ đó về sau, vào ngày mùng sáu tháng sáu hàng năm, người dân thuộc dân tộc Miêu đều khoác lên mình những bộ trang phục đẹp để dành cho ngày lễ tết, đi đến những ngọn núi cao lớn hùng vĩ và chặt một cây hoa đem về, để tổ chức các hoạt động như đối ca, thổi khèn nhảy múa, đấu vật, múa lân, trò hoa can v.v.. Trong đó, hoạt động hấp dẫn và thu hút mọi người nhiều nhất chính là trò hoa can, ai trèo lên càng cao thì sẽ được ban tặng vật phẩm là một chiếc thủ heo và những loại rượu thơm ngon. Múa lân cũng là một trong những hoạt động quan trọng được tổ chức trong ngày lễ tết này. Nếu đội múa lân nào có những điệu nhảy múa càng đẹp mắt, nhảy lên càng cao thì cũng sẽ nhận được quà tặng là thủ heo và các loại rượu thơm ngon.





TẾT TẾ NƯỚC

Tên gọi: Tết Té nước dân tộc Thái

Thời gian đón tết: Từ ngày mùng sáu tháng sáu đến ngày mùng bảy tháng bảy của dân tộc Thái (dương lịch khoảng từ giữa đến cuối tháng tư)

Dân tộc Thái ở Trung Quốc phân bố và sinh sống chủ yếu tại các khu vực và địa phương thuộc địa phận dân tộc Tây Song Bản Nạp tỉnh Vân Nam. Căn cứ vào kết quả thống kê điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tiến hành lần thứ năm vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Thái tổng cộng là 1.159.000 người. Dân tộc Thái sử dụng ngôn ngữ Thái, có chữ viết dành riêng cho dân tộc mình, tuy nhiên mỗi nơi lại có sự khác biệt. Vào thập niên năm mươi của thế kỷ XX, dân tộc Thái đã tiến hành công cuộc cải cách chữ viết. Dân tộc Thái tôn sùng Phật giáo Tiểu thừa, đồng thời còn kế thừa và lưu truyền các phong tục tập quán là tàn dư của các hoạt động sùng bái quỷ thần thời nguyên thủy. Tại Tây Song Bản Nạp, vào thời cổ đại xưa, các chàng trai chưa đến độ tuổi trưởng thành phần lớn đều phải kinh qua một thời gian sống giống như một vị tăng lữ, đọc kinh niệm Phật, sau đó hoàn tục quay trở về nhà, trong đó có một số thì xuất gia thành tăng. Phật giáo có ảnh hưởng và tác động lớn đến cuộc sống thường nhật cũng như trong các phong tục tập quán của người dân tộc Thái.

Tết Té nước của người dân tộc Thái, căn cứ theo cách tính lịch và thời gian đón năm mới của lịch Thái, chính là ngày lễ tết cổ truyền tiễn đưa năm cũ, nghênh đón năm mới. Liên quan đến xuất xứ của Tết Té nước này, truyền thuyết, thần thoại lưu truyền trong dân gian từ thời xưa vô cùng đa dạng và phong phú với những nội dung không giống nhau, chủ yếu tương truyền một câu chuyện như sau: Vào thời đại xa xưa, có một con quỷ vô cùng ác độc, lần lượt lấy bảy người con gái làm vợ. Bảy cô gái thông minh lanh lợi đủ điều, quyết tâm vì chúng sinh diệt trừ nguy hại, giết chết quỷ vương. Các cô gái tìm cách dụ dỗ, chiếm được lòng tin cậy của quỷ vương, sau khi tìm hiểu được điểm yếu mệnh nhất tử chính trong miệng hắn thốt ra, liền chuốc rượu cho tên quỷ uống đến say mê. Cô gái thứ bảy dũng cảm nhất đã ghìm chết tên ác quỷ này. Tóc của quỷ vương rơi tuột xuống phía dưới, nhưng bất luận rơi tuột về nơi nào thì

nơi đó đều bốc lên cháy thành đống lửa. Thế là, các cô gái bắt chắp nguy hiểm đến tính mạng của mình, lần lượt ôm chặt lấy mớ tóc của tên ác quỷ để dập tắt ngọn lửa đang bốc cháy. Chính vì vậy, bảy người trong số họ hàng năm luân phiên nhau mỗi người một lần ôm tóc quỷ vương, mỗi độ đến dịp đổi phiên, người dân đều tiến hành té nước cho cô gái đã ôm chặt mớ tóc của tên ác quỷ đó, rưới lên những vết thương cũng như vết bẩn trên cơ thể của cô, để gột sạch mọi sự vất vả khó nhọc của cô gái. Cũng từ đó hình thành nên tập tục hàng năm mỗi khi đến thời gian đó đều té nước lên người nhau và chúc phúc lẫn nhau, tượng trưng cho ý nghĩa tưởng nhớ, kỷ niệm.

Ngày đầu tiên trong thời gian diễn ra Tết Té nước được gọi là đêm giao thừa, các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí bao gồm phóng cao thăng, chèo thuyền rồng v.v.. Cao thăng là một loại mũi tên hỏa thổ được chế tác từ mìn và các ống tre nứa, phía dưới cùng có gắn một cột tre hoặc trúc tương đối dài, khi vừa mới bắt đầu châm đốt liền phát ra âm thanh reo vang, những đám khói bắn lóe ra trên không trung bao la vẽ thành hình như chiếc vòng cung.

Ngày thứ hai được gọi là "Không Nhật" với ý nghĩa ngày này vừa không phải là thời gian của năm cũ cũng chẳng phải thuộc về năm mới,



Té nước chúc phúc.





Lễ tết Trung Quốc

chính là một ngày của thời gian "trống rỗng". Theo phong tục tập quán cổ truyền của người Thái từ thời xưa, trong ngày này người dân hoặc tĩnh dưỡng tại nhà hoặc đi lên núi săn bắt.

Ngày thứ ba được gọi là Nguyên Đán, hay còn được xưng là "một ngày là vua trong tất cả các ngày đã đến". Vào lúc sáng sớm tinh mơ, người dân đã khoác lên mình những bộ trang phục đẹp đẽ, đi đến các ngôi chùa thờ cúng Phật, đồng thời dùng các hạt cát mịn đắp thành 3 ngôi bảo tháp cao khoảng hơn một mét, trên đỉnh của bảo tháp cắm tám cành trúc có quấn dây vải dài đầy màu sắc như đỏ, xanh lá cây. Sau đó, tất cả mọi người quây quần bên nhau, lắng nghe kinh Phật, cầu nguyện cho một năm mưa thuận gió hòa, nhà nhà hưng thịnh.

Vào thời gian buổi trưa, mỗi người phụ nữ sẽ bưng một bát nước đến rửa sạch sẽ mọi bụi trần cho tượng Phật, với mục đích nguyện cầu Phật phù hộ độ trì cho mình. Tiếp ngay sau đó, người dân liền bắt đầu **té nước** lẫn nhau, biểu thị cho những lời chúc phúc tốt đẹp, hy vọng dùng nước thanh khiết dội sạch đi những bệnh dịch hay tai nạn, thảm họa, đổi lấy một cuộc sống hạnh phúc và mỹ mãn. Nước được dùng trong ngày Tết Té nước tượng trưng cho ý nghĩa cát tường, hạnh phúc và khỏe mạnh, do vậy, càng được té nhiều nước thì càng biểu hiện cho một năm mới với nhiều vận may và thành công.



Thiếu nữ dân tộc Thái đón mừng Tết Té nước.

Nói đến té nước, có thể phân chia thành hai loại là "Văn Bát" và "Vũ Bát". Dùng lá cây đựng nước để té hoặc dùng miệng ngậm từng ngụm nước rồi té được gọi là "Văn Bát", thể hiện những hành động tương đối nhã nhặn và lịch sự. Khi vào giai đoạn cao trào, các phương thức té nước cũng được chuyển từ "Văn Bát" sang "Vũ Bát". Người dân dùng các loại đồ vật như bát đồng, chậu rửa mặt thậm chí đến các thùng nước đựng đầy nước, mang đi khắp các khu vực đường phố hay mọi ngõ ngách, đuổi theo nhau và cùng tham gia hoạt động này. Người thì lấy hết sức lực té nước thật mạnh, đổ thật dữ, người thì toàn thân từ đỉnh đầu đến bàn chân đều ướt sũng. Thế nhưng tâm trạng của mọi người đều vui tươi và háo hức, nơi nơi chồn chồn đều vang lên những tiếng cười rộn rã thích thú. Sau khi trải qua một phần nghi thức trong lễ té nước, người dân liền vây thành những vòng tròn, trong âm thanh rộn ràng với những tiếng trống, tiếng chiêng gõ liên thanh, tất cả mọi người dân không phân biệt thành phần dân tộc, không phân biệt tuổi tác hay nghề nghiệp, chức tước, đều nhảy múa tưng bừng, rộn rã, hăng say. Trong phần khích, người dân còn hô vang những tiếng hoan hô giòn giã "nước, nước, nước". Có những chàng thanh niên còn vừa nhảy múa vừa uống rượu, tâm hồn như

say như mộng, thức thâu đêm suốt sáng đón mừng ngày lễ.



Thủ tướng Chu Ân Lai cùng nhân dân dân tộc Thái đón mừng lễ tết Té nước tại Tây Song Bản Nạp.

Khi thời gian đã vào lúc nửa đêm, khắp các thôn bản đều vang lên tiếng trống gõ liên thanh, người người gửi gắm những tâm tư tình cảm vào trong những lời ca tiếng hát và các điệu nhảy múa, không khí đón mừng vô cùng náo nhiệt. Trong suốt quá trình diễn ra ngày lễ tết này, ngoài các hoạt động với tính chất vui chơi giải trí mang đậm bản sắc cổ truyền như đua thuyền rồng, phóng cao thăng, đặt đèn Khổng Minh, té nước, văng túi v.v.. còn có cả những tiết mục với các hoạt động mới mẻ như chọi gà, phóng khí cầu v.v..





TAM NGUYỆT NHAI

Tên gọi: Tam Nguyệt Nhai (đường phố tháng ba của dân tộc Bạch)

Thời gian đón tết: Từ ngày mười lăm đến ngày hai mươi tháng ba âm lịch hàng năm

Dân tộc Bạch là một dân tộc thiểu số có truyền thống văn hóa và lịch sử lâu đời, mang đậm bản sắc riêng biệt của khu vực biên cương phía tây nam Trung Quốc, họ chủ yếu phân bố tại châu tự trị dân tộc Bạch thuộc vùng Đại Lý tỉnh Vân Nam. Căn cứ vào kết quả điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tổ chức lần thứ năm vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Bạch tổng cộng là 1.858.100 người. Dân tộc Bạch sử dụng ngôn ngữ Bạch của riêng dân tộc mình, thuộc tộc ngữ Tạng - Myanmar, hệ ngữ Hán - Tạng. Hầu hết người dân cư trú và sinh sống tại khu vực này đều sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình, ít người biết nói tiếng Hán. Dân tộc Bạch tôn sùng Phật giáo.

"Tam Nguyệt Nhai" là một ngày lễ tết được tổ chức với quy mô lớn và phổ biến nhất đối với dân tộc Bạch. Vào thời gian từ ngày mười lăm đến ngày hai mươi tháng ba âm lịch hàng năm, lễ hội được tổ chức tại các khu vực như Điểm Thương Sơn Lộ hay Thành Tây Đại Lý, trong đó mục đích chính là cúng tế cầu nguyện cho mùa vụ bội thu, ngũ cốc đầy đủ. Trong tâm trí của tất cả người dân thuộc dân tộc Bạch, tháng ba mùa xuân được coi là thời gian đẹp nhất, "thiên thời địa lợi nhân hòa" nhất. Núi Điểm Thương với những hàng cây xanh mướt, phong cảnh hùng vĩ tráng lệ, hồ Nhĩ Hải với những con sóng xanh ngọc dập dềnh, hoa Sơn trà đang vào mùa tỏa hương thơm ngát, tất cả mọi cảnh vật cùng đan xen hòa quyện vào nhau, góp phần tô vẽ nên bức tranh mỹ lệ khiến lòng người luôn cảm thấy khoan khoái, nhẹ nhàng và vui vẻ thành thơi.

"Tam Nguyệt Nhai" hay còn có tên gọi khác là "Quan Âm Thị". Tương truyền lại rằng, vào thời đại Nam Chiếu Quốc (thời gian từ năm 938 đến năm 1253) ở khu vực Vân Nam, Quan Âm Bồ Tát đã đến Đại Lý truyền kinh vào ngày mười lăm tháng ba, do vậy mỗi độ đến dịp này hàng năm, tất cả mọi thiện nam tín nữ đều dựng lều tụng kinh niệm Phật và tiến hành các hoạt động thờ cúng tế lễ, chính vì vậy, Tam Nguyệt Nhai trở thành miếu hội của các hoạt động giảng kinh học Phật của người dân. Do miền Đại Lý có các tuyến giao thông đặc biệt quan trọng, các tín đồ Phật giáo khu vực Vân Nam thời cổ xưa vô cùng đông đảo, cùng với sự phát triển của kinh tế và xã

hội, các miếu hội dần dần chuyển biến thành các điểm tập trung của các hoạt động giao lưu kinh tế ở khu vực Điện Tây Vân Nam, cũng như là nơi tổ chức các ngày lễ tết với quy mô lớn và phổ biến trong đời sống nhân dân.

Vẫn còn một truyền thuyết được gọi là "Nguyệt Lương Hội" với nội dung như sau: công chúa thứ ba của Đại Lý quốc đã đem lòng yêu một chàng trai làm nghề đánh cá, vào ngày mười lăm tháng ba hai người đã cùng nhau đi đến hội Nguyệt Lương, không mua được các công cụ làm nông, cũng chẳng mua được lưới đánh cá, họ bèn quay trở về quê nhà. Những người họ hàng thân thích nơi quê nhà đã dịch chuyển "Nhai Tử" (tức nơi tụ tập giao lưu) của Nguyệt Lương đến vùng đất này, từ đó Đại Lý liền xuất hiện ngày lễ hội long trọng. Từ nội dung truyền thuyết này có thể thấy được rằng, nguồn gốc xuất xứ của Tam Nguyệt Nhai - nơi được coi là khu vực tụ tập giao lưu vật chất với quy mô vô cùng lớn đã có từ rất lâu. Cho đến ngày nay, người dân Đại Lý vẫn có thói quen gọi Tam Nguyệt Nhai là "Tam Nguyệt". Truyền thuyết kể lại rằng, các mặt hàng giao lưu kinh tế của Tam Nguyệt Nhai thời cổ xưa chủ yếu là các loài động vật như la, ngựa, các đồ vùng sơn cước, các loại thuốc, các loại lá trà. Nhưng đến thời hiện đại, bất luận điều kiện hoàn cảnh của khu vực nơi tiến hành các hoạt động tụ tập giao lưu hay các vật phẩm trong nội dung giao lưu trao đổi đều có những biến chuyển và thay đổi vô cùng lớn. Mỗi độ đến thời



Phụ nữ dân tộc Bạch bán những tác phẩm công nghệ dệt nhuộm trong ngày lễ Tam Nguyệt Nhai.





Tam Nguyệt Nhai khu vực Đại Lý được tổ chức quy mô lớn, các vật phẩm được chế tạo từ loại "Đà Đại Lý" vô cùng đắt hàng.



Cảnh chụp trong bộ phim điện ảnh "Ngũ Đóa Kim Hoa".

gian diễn ra ngày hội này, các lễ bạt được dựng lên đa dạng phong phú, dòng người tham gia du ngoạn đông đúc, họ hối hả lựa chọn mua bán các vật phẩm cần thiết. Tam Nguyệt Nhai cũng là một sân khấu biểu diễn các hoạt động vui chơi nhảy múa mang đậm nét văn hóa nghệ thuật với các nội dung và hình thức phong phú, đa dạng, đặc sắc. Trong suốt quá trình diễn ra lễ hội này, những lời ca và các điệu nhảy múa luôn luôn không ngừng, các trò chơi diễn ra liên hồi. Các hoạt động truyền thống thể hiện đậm nét phong cách và hương vị cuộc sống của người dân tộc Bạch như đua ngựa, thi thuyền rồng, chơi quất roi Bá vương, trình diễn âm nhạc truyền thống của dân tộc Bạch v.v.. đã thu hút các dân tộc khác như dân tộc Hoi, dân tộc Hán, dân tộc Tạng, dân tộc Lô Lô, dân tộc Nạp Tây, dân tộc Thái v.v.. cùng đến chơi, cùng tham gia và góp vui với các bài hát và nhảy múa chung đôi. Các dân tộc như dân tộc Lô Lô, dân tộc Bạch, dân tộc Hoi, dân tộc Tạng còn tham gia các trận đua ngựa, thi hát, mỗi ngày số lượng người tham gia ở đây đông đến hơn một trăm ngàn người. Hàng năm cũng có hàng chục người dân và các bạn bè đến từ các khu vực và các quốc gia như Hồng Kông, Ma Cao, Anh, Mỹ, Đức, Italy, Nhật Bản v.v.. đến tham quan du lịch và chiêm ngưỡng, thưởng thức lễ hội.

Tam Nguyệt Nhai không chỉ là ngày hội long trọng với các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí và giao lưu kinh tế, mà còn là cơ hội làm





Lễ tết Trung Quốc

quen và tìm hiểu, giao lưu giữa các nam thanh nữ tú của dân tộc Bạch, đây cũng là cơ hội tốt để mọi người bày tỏ tâm tư tình cảm, thổ lộ lời yêu thương. Ở Đại Lý, khu vực được coi là đẹp đẽ, lý tưởng nhất cho các đôi tình nhân chính là suối Hồ Điệp. Truyền thuyết kể về một đôi nam nữ thanh niên yêu nhau rất đỗi chân thành, để chứng minh cho tình yêu ấy họ đã cùng nhau nhảy xuống thác nước và biến thành đôi uyên ương hồ điệp. Chính câu chuyện truyền thuyết này đã khiến cho suối hồ điệp trở thành khu vực mang đậm màu sắc lãng mạn, lung linh huyền ảo của toàn miền Đại Lý. Vào những năm năm mươi của thế kỷ trước, bộ phim điện ảnh nổi tiếng toàn quốc một thời mang tên "Ngũ Đóa Kim Hoa" cũng lấy bối cảnh từ vùng suối Hồ Điệp này, bản nhạc chính trong bộ phim vẫn còn được cất vang cho đến tận ngày hôm nay tại khắp mọi nhà, đông đảo mọi người đều biết hát bài ca này.

CA KHƯ MỪNG BA THÁNG BA

Tên gọi: Ca Khư mừng ba tháng ba

Thời gian đón tết: Ngày mừng ba tháng ba âm lịch hàng năm

Dân tộc Choang là một dân tộc với số lượng nhân khẩu đông đảo nhất trong tất cả các dân tộc thiểu số của Trung Quốc, chủ yếu sinh sống tại tỉnh Vân Nam, khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, một bộ phận nhỏ phân bố tại các tỉnh như Quảng Đông, Hồ Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên v.v.. Căn cứ vào kết quả điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tiến hành vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Choang tổng cộng là 16.178.800 người. Dân tộc Choang sử dụng ngôn ngữ Choang của riêng dân tộc mình, thuộc chi ngữ Choang - Thái, tộc ngữ Choang - Đông, hệ ngữ Hán - Tạng. Năm 1955, nhà nước đã giúp dân tộc Choang sáng chế ra một loại chữ viết riêng cho dân tộc Choang dựa trên cơ sở mẫu tự La tinh, và được sử dụng phổ biến trong đời sống.

Dân tộc Choang là một dân tộc có khả năng ca hát rất tốt. Người dân thuộc dân tộc Choang bất luận là nam hay nữ, ngay từ thuở mới lên bốn lên năm tuổi đã bắt đầu tập hát các bài ca của miền sơn cước. Tại các khu vực nông thôn, bất luận là xuống đồng cày cấy, lên núi đốn củi, ma chay, cưới xin, gặt gở, đón tết hay các cuộc giao lưu, tìm hiểu yêu đương giữa các nam thanh nữ tú trong vùng v.v.. tất cả mọi người đều sử dụng các bài hát về miền sơn cước của dân tộc mình để biểu đạt tâm tư tình

Lưu Tam Thư

Lưu Tam Thư là "Ca Tiên" trong truyền thuyết dân gian của dân tộc Choang. Tương truyền, Lưu Tam Thư là con gái trong một gia đình làm nông nghiệp của dân tộc Choang ở triều đại nhà Đường, sinh năm 703, từ nhỏ đã thông minh lanh lợi hơn người, có tài ca hát nhảy múa, mười hai tuổi đã có thể xuất khẩu thành thơ, nổi tiếng khắp thôn xóm bản làng. Lưu Tam Thư đã từng kế thừa và lưu truyền các bài ca tại khắp mọi nơi dân tộc Choang sinh sống. Liên quan đến cuộc sống sau đó của Lưu Tam Thư, tương truyền rằng cô đã bỏ trốn và sinh sống cùng người tình, không rõ kết cục sau đó ra sao; cũng có một tương truyền rằng, vì Lưu Tam Thư quá tài năng và giỏi giang hơn người nên dẫn đến nhiều sự ganh ghét đố kỵ của bọn lưu manh gian tà, sau đó bị sát hại tại vùng Liễu Châu, Quảng Tây.



Ca Tiên trong truyền thuyết của dân tộc Choang - Lưu Tam Thư.

cảm. Có những khu vực, vùng miền hay địa phương thậm chí là giữa các thành viên trong gia đình còn sử dụng lời hát thay cho lời nói khi trò chuyện hay tranh luận với nhau. Ca hát đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống thường ngày của nhân dân dân tộc Choang. Do vậy, các bản làng, thôn quê rộng lớn thênh thang nơi dân tộc Choang sinh sống đều được phong tặng danh hiệu mỹ lệ là "Ca Hải", hay còn được các thi nhân xưng là "Phô Mãn Cẩm Kiện Đích Thổ Địa". Sử sách còn lưu danh không ít những ca kĩ nổi tiếng được phong tặng danh hiệu "Ca Tiên" hay "Ca Vương" như Lưu Tam Thư, Hoàng Tam Đệ v.v..

Người dân tộc Choang không chỉ ca hát trong nhà, ca hát vào bất cứ thời gian nào trong ngày, mà còn tổ chức định kỳ các lễ hội hát lên những các bài ca về miền sơn cước, được gọi là "Ca Khư" hay "Ca Tiết". Căn cứ vào kết quả điều tra, tỉnh Quảng Tây hiện nay có đến 640 điểm Ca Khư. Thời gian diễn ra các hoạt động Ca Khư chủ yếu vào ngày mùng ba tháng ba âm lịch. Tuy nhiên, trong các ngày hỷ lễ đón chào các lễ hội từ Tết Nguyên đán, ngày Tết mùng tám tháng tư, Tết Trung nguyên, Tết Trung thu đến hôn nhân đại sự, thôi nôi, đầy tháng, khánh thành nhà mới v.v.. cũng đều tiến hành tổ chức hoạt động Ca Khư, thậm chí có những khi vì bận rộn chuẩn bị không kịp thì ngay trên đường cũng có thể tiến hành các hoạt động Ca Khư tạm thời. Ca Khư được chia thành hai loại, bao gồm Ca Khư ban ngày và Ca Khư ban đêm. Ca Khư ban ngày được tổ chức tại các bãi đất trống, lấy "Dựa Ca Trạch Phối" (tức nhờ lời ca kén chồng kén vợ) giữa các nam thanh nữ tú làm các nội dung chủ đạo.





Lễ tết Trung Quốc

Ca Khư ban đêm được tổ chức trong các thôn quê hay bản làng nơi sinh sống của dân tộc Choang, chủ yếu là các bài hát về chủ đề lịch sử, chủ đề tiết mùa lễ hội, chủ đề sản xuất làm ăn thể hiện các hoạt động sản xuất để bảo tồn và lưu truyền cho con cháu ngày sau, về kiến thức xã hội hay các kỹ năng sống v.v.. Các bài hát dân gian của dân tộc Choang tương đối nhiều, tuy nhiên, thời gian và điều kiện lưu truyền của các bài hát này đều cần phải tuân thủ theo nguyên tắc về các nghi thức lễ tiết được quy định một cách chặt chẽ, không được hát tự do, hát sai. Đặc biệt là các bài hát về thời sự chính trị, về các hình thức nghi lễ, về các bản tình ca, thì khi hát ở bất cứ nơi đâu hay trong bất kỳ trường hợp nào cũng đều có những quy tắc mô phạm nhất định. Ví dụ như các bản tình ca, trong lễ hội Ca Khư được tổ chức tại các khu đất trống thì phải hát một cách toàn tâm toàn ý, nhưng khi ở trong nhà, trước mặt các bậc gia trưởng, hay trong Ca Khư ban đêm thì không được phép hát. Đối với các bài hát về chủ đề nghi thức lễ nghĩa hay chủ đề cúng tế cầu khẩn nên hát như thế nào, khi cưới xin ăn hỏi hay tại các nơi tổ chức mai táng phải hát ra sao thì tuyệt đối không được hát một cách tùy tiện.

Ca Khư được tổ chức vào ngày mùng ba tháng ba hàng năm, các nam nữ thanh niên tụ tập và quây quần bên nhau thành một vòng tròn rộng tới hàng trăm mét, số lượng những người tham gia hát đối các bài ca về miền sơn cước ít thì vài trăm người, nhiều cũng phải lên đến hàng vạn người, khiến cho vùng đất tươi đẹp - nơi dân tộc Choang sinh sống trở thành đại dương của các bài ca. Trước thời gian diễn ra ngày lễ hội Ca Khư, người dân thường phải chuẩn bị sẵn nhiều loại trứng có sắc màu sặc sỡ và loại cơm ngũ sắc, các cô gái nơi đây còn gấp rút thêu các hình tú cầu. Trong ngày lễ Ca Khư, các chàng trai và các cô gái đều mặc những bộ trang phục đẹp để bắt mắt dành cho ngày lễ tết, nam giới đeo các món quà, nữ giới mang theo các quả tú cầu thêu hoa, xếp thành hàng dài lần lượt. Các cô gái xếp các quả tú cầu thêu hoa thành chiếc lều ngũ sắc, đợi các chàng thanh niên đi đến, vừa đối ca vừa dò xét tính cách cũng như tài hoa của đối phương. Các cô gái **ném tú cầu thêu hoa** vào ý trung nhân



Hát Ca Sơn.

của mình, nếu như đối phương cũng cùng một lòng một ý với người con gái đó sẽ buộc món quà mình chuẩn bị sẵn từ trước lên quả tú cầu thêu hoa đó rồi đem trả lại cho bên gái. Có những lễ hội Ca Khư còn lưu truyền tập tục **Chạm trứng** với nội dung như sau: Các chàng trai dùng các quả trứng có màu sắc sặc sỡ cầm trên tay chạm vào các quả trứng cũng có màu sắc sặc sỡ trên tay các cô gái, nếu cô gái đồng ý làm bạn với chàng trai đó sẽ để lộ ra một nửa quả trứng để cho chàng trai chạm vào, còn ngược lại nếu cô gái đó không đồng ý cho chàng trai làm bạn với mình sẽ ôm cả quả trứng vào lòng bàn tay. Có những ngày lễ hội Ca Khư còn được tổ chức và sắp xếp như sau: Làng bên A đem tặng cho làng bên B những quả tú cầu màu sắc sặc sỡ, hẹn ước với nhau vào ngày hoàn trả lại tú cầu sẽ tổ chức cuộc thi hát đối các bài ca về miền sơn cước. Nếu làng bên B bị thua cuộc, tú cầu sẽ không được hoàn trả nữa, đến năm sau lại tiếp tục cuộc thi đấu, cho đến khi nào trong cuộc thi hát làng bên B giành được chiến thắng mới kết thúc.

LŨNG ĐOAN NHAI

Tên gọi: Lũng Đoan Nhai dân tộc Choang (tức lễ hội Đường hoa) hay còn gọi tết Lũng Đoan

Thời gian đón tết: Tháng ba âm lịch hàng năm

Lũng Đoan Nhai là một ngày lễ tết được tổ chức với quy mô hoành tráng và long trọng của dân tộc Choang phân bố tại các miền Phú Ninh, Quảng Nam thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Lễ hội được tổ chức vào tháng ba âm lịch hàng năm, số lượng người tham gia đông đảo, lên đến hàng ngàn thậm chí hàng vạn người. Lũng Đoan Nhai không phải là Nhai (tức con đường) mà mọi người vẫn thường nhắc đến, mà có ý nghĩa là "đi đến những vùng miền rộng lớn bằng phẳng". Địa điểm được lựa chọn làm "Nhai" phần lớn là trên các bờ đê bên cạnh ruộng đồng rộng lớn, bằng phẳng, cho nên cũng được gọi là "Càn Điền Bá Nhai". Thời gian của con đường này thường tồn tại từ ba cho đến năm ngày, vừa là cơ hội cho các nam thanh nữ tú đi tìm bạn đời hay tỏ tình, cầu hôn, cũng vừa là nơi diễn ra hoạt động giao lưu, trao đổi hàng hóa và các cuộc biểu diễn ca hát, nhảy múa của mọi người.





Lễ tết Trung Quốc

Có câu tục ngữ được lưu truyền như thế này: Vô hý bất Lũng Đoan. Trong thời gian diễn ra các hoạt động của ngày tết Lũng Đoan, người dân thường dựng lên các sân khấu tạm thời trên các bãi đất trống để tổ chức các hoạt động. Trong tiếng pháo nổ giòn giã, trong tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng công, tiếng reo hò náo nhiệt, tung bừng như mưa như gió, người ta tổ chức **cuộc chơi cổ truyền dân tộc Choang** mang đậm bản sắc dân tộc và đầy ý nghĩa riêng biệt - các cuộc thi diễn ra liên tiếp, các cuộc biểu diễn tung bừng không ngớt, quần chúng nhân dân nườm nượp kéo đến tham quan và tham gia các cuộc chơi. Trong ngày lễ tết này, nam nữ thanh niên đặc biệt hoạt bát và nhanh nhẹn khác thường, thông qua các hoạt động đối ca hay cùng nhau giao lưu nhảy múa mà họ quen biết, tìm hiểu nhau từ đó tình cảm thêm sâu sắc tốt đẹp, đồng thời cuộc thi còn căn cứ vào diện mạo cũng như nhân phẩm, tài năng trong quá trình tham gia thi đấu để giới thiệu và chọn ra "người phong lưu" nhất, lý tưởng nhất trong mùa thi của năm đó. Cho nên, Lũng Đoan Nhai còn được mọi người gọi là "Càn Phong Lưu Ca Hội" (tức hội thi ca hát để tìm ra người ưu tú nhất). Trong các khu rừng hay bên cạnh các bờ hồ, ven sông suối, các cô gái và các chàng trai cầm những chiếc ô hoa, đội những chiếc mũ nan, đánh đàn tam huyền, thổi lá cây và đi đến bên cạnh nhau. Đầu tiên họ cùng hát đối tập thể, khi người con trai yêu thích một cô gái nào đó, anh ta liền tìm cách liếc mắt đưa tình cho người con gái đó biết; nếu cô gái cũng có ý tình với chàng trai thì sẽ cùng đối đáp với chàng trai đó trong phần thi hát các bài ca về miền sơn cước, để cùng tìm hiểu tình hình và hoàn cảnh của đối phương, và tỏ lời yêu thương dành riêng cho nhau. Nếu như hai người đó trong thời gian ban ngày càng hát cùng nhau càng tỏ ra tâm đầu hợp ý, sẽ tiếp tục hát thâu đêm suốt sáng cho đến tận ngày hôm sau. Sau khi hát xong, người con trai sẽ tặng cho cô gái trang sức, đồ trang điểm hay tiền bạc, còn bên gái sẽ tặng lại cho bên trai các loại thực phẩm, giày vải v.v.. Hai bên cùng có tình cảm với nhau sẽ hát bài ca ly biệt trong tâm trạng tiếc nuối không đành rời xa nhau; có những đôi trai



Kịch Choang.

gái còn thể non hẹn biển, thể ước nguyện đời đời kiếp kiếp bên nhau không xa rời.

Trong thời gian diễn ra các hoạt động đón ngày lễ tết, các thôn bản hay làng quê nơi tổ chức Lũng Đoàn Nhai thậm chí cả những khu vực lân cận đều thu hút số lượng du khách lớn đến tham quan thưởng thức. Người dân giết gà vịt, mổ trâu bò và uống rượu làm thú vui giải trí. Có những người dân còn mang các đồ dùng, vật phẩm sinh hoạt hằng ngày hay nông sản thu hoạch trong các mùa vụ đem đi làm vật phẩm giao lưu trao đổi, số lượng người dân tham gia các hoạt động này đông đảo hơn hẳn các ngày bình thường.

TIẾT ĐAO CAN

Tên gọi: Tiết Đao Can dân tộc Lisu (Lật Túc)

Thời gian đón tết: Ngày mùng tám tháng hai âm lịch hàng năm

Dân tộc Lisu (Lật Túc) chủ yếu phân bố và sinh sống tại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, một bộ phận nhỏ khác sinh sống tại tỉnh Tứ Xuyên. Theo kết quả thống kê điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tiến hành vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Lật Túc tổng cộng là 634.900 người. Vào khoảng thế kỷ thứ VIII SCN, tổ tiên của dân tộc Lật Túc sinh sống tại các vùng miền rộng lớn thênh thang ở hai bên lưu vực Nhã Lung Giang và Kim Sa Giang. Dân tộc Lật Túc sử dụng ngôn ngữ riêng của dân tộc mình, thuộc một chi của tộc ngữ Tạng - Myanmar, hệ ngữ Hán - Tạng. Các hoạt động săn bắt chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống cổ truyền của dân tộc Lật Túc. Dân tộc Lật Túc có thói quen tiếp khách nhiệt tình, long trọng và các hình thức lễ nghĩa cũng rất đặc biệt và mang đậm bản sắc của dân tộc.

Đao Can Tiết là một lễ tết mang tính chất thể dục thể thao truyền thống của dân tộc Lật Túc, mỗi năm được tổ chức một lần vào ngày mùng tám tháng hai âm lịch đã có lịch sử hàng trăm năm. Tổ tiên xa xưa của người Lật Túc tương truyền lại cho con cháu đời sau rằng, vào triều đại nhà Minh, các dân tộc khác xâm chiếm biên cương khu vực Vân Nam, triều đình ban lệnh xuất binh, phái thượng thư Vương Ký đem binh đi đánh dẹp. Sau khi đi đến vùng Địch Tây Bắc, Vương Ký đã dựa vào sức mạnh đoàn kết của quần chúng nhân dân thuộc dân tộc Lật Túc để tiến





Lễ tết Trung Quốc

hành các cuộc chiến đấu, và nhanh chóng đánh dẹp được giặc xâm. Ngày mừng tám tháng hai, Vương Ký được lệnh quay trở về triều đình, nhưng không may khi trở về đã bị gian thần ám sát. Để tưởng nhớ vị anh hùng đã có công chống lại giặc ngoại xâm, đồng thời tưởng niệm những người đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu ấy, nhân dân dân tộc Lật Túc đã quyết định đặt tên ngày này thành "Đao Can Tiết". Từ đó về sau lễ tết này được bảo tồn và lưu truyền lại đến các đời con cháu, dần dần hình thành nên các hoạt động thể dục thể thao truyền thống trong đời sống dân gian của người dân.

Vào đúng ngày này hàng năm, người dân đều khoác lên mình những bộ trang phục đẹp để dùng trong ngày lễ tết, họ cùng nhau đi thành hàng thành đội đến hội trường nơi tổ chức Đao Can Tiết, để tham quan và chiêm ngưỡng các hoạt động được tổ chức diễn ra trong ngày lễ tết này như "Thượng Đao Sơn, Hạ Hỏa Hải". Sau vài tiếng súng chỉ thiên được phát lên trên không trung, đầu tiên từ bảy đến tám nghệ sĩ trong lễ Đao Can sẽ biểu diễn các tiết mục "Khiêu Hỏa Vũ" cho quần chúng nhân dân chiêm ngưỡng và thưởng thức. Phần trên cơ thể họ không mặc bất cứ một loại trang phục nào, đi chân trần, mô phỏng các động tác của các loài cầm thú hoang dã trong tự nhiên rồi, nhảy múa bên cạnh từng chùm củi lửa đang được đốt



Tiết mục thể dục thể thao được tổ chức trong tiết Đao Can - Thượng Đao Sơn.

cháy đỏ rực; thỉnh thoảng lại tóm lấy vài đốm củi xoa vào cơ thể của mình, những đốm lửa tròn đang cháy bùng xoay xung quanh theo vòng tay lắc lư, mềm mại, uyển chuyển; người Lạt Túc tin rằng kinh qua nghi lễ tắm lửa như thế này sẽ giúp cho mọi người diệt trừ các tai nạn trong suốt cả một năm.

Ở trung tâm của hội trường, có bắc hai trụ cột làm từ những thân cây to, chắc nịch, cao khoảng chừng trên 20 mét, dựng đứng hiên ngang giữa bầu trời. Trên cột trụ đó buộc ba mươi sáu lưỡi dao dài và sắc nhọn, miệng dao hướng lên phía trên, sáng loáng, hình thành nên một hình bậc thang làm từ các lưỡi dao này khiến cho lòng người chiêm ngưỡng cảm nhận được một thứ cảm giác vô cùng uy nghiêm và ghê rợn. Khi tất cả mọi người còn đang trong trạng thái trầm trồ thán phục, xen lẫn lo lắng, sợ hãi thì các nghi lễ cúng tế thờ khẩn "Thượng Đao Can" - một nghi lễ không thể thiếu trong quá trình diễn ra ngày lễ tết, được bắt đầu. Vài vị dũng sĩ mặc trang phục màu đỏ, đầu đội chiếc mũ đỏ, đi chân trần bước chậm từng bước dũng mãnh đi đến phía dưới Đao Can. Họ quỳ dưới tượng của Vương Kỳ, hai tay bưng chén rượu nâng lên cao quá đầu, miệng lầm bầm cầu khẩn rồi sau đó uống sạch rượu trong chén. Tiếp theo, các vị dũng sĩ này nhảy phốc lên, nhẹ nhàng mà khéo léo trèo lên các bậc thang Đao Can được làm từ các lưỡi dao đó, vận dụng bản lĩnh khí công mà thường ngày họ vẫn chăm chỉ tập luyện, hai tay nắm chặt sống dao, hai chân giẫm lên những lưỡi dao sắc, lần lượt bước lên từng bậc thang. Vị dũng sĩ đầu tiên trèo đến đỉnh bậc thang còn làm động tác trồng cây chuối với độ khó gấp nhiều lần và châm ngòi đốt pháo. Hàng ngàn quần chúng nhân dân ngẩng đầu kính cẩn dõi theo chiêm ngưỡng, rồi tiếng pháo nổ ùng ùng vang dội cả một góc trời. Từ trên "Đao Can" bước xuống, các vị dũng sĩ với tinh thần sáng khoái đầy nhiệt huyết đều giơ cao lòng bàn chân lên cho quần chúng nhân dân chiêm ngưỡng, trừ các vết hằn in vào lòng bàn chân thì không có bất cứ một vị dũng sĩ nào bị lưỡi dao làm đứt xước làn da dù chỉ là một chút xíu. Tất cả mọi khán giả đều thán phục và dành những tràng pháo tay không ngớt cho các vị dũng sĩ đã tham gia nghi lễ này.

Nghi lễ Thượng Đao Sơn vô cùng nguy hiểm nhưng lại mang nét đặc sắc đã chính thức trở thành một hoạt động thể dục thể thao truyền thống của tất cả người dân thuộc dân tộc Lạt Túc.





TẾT TÂN MỄ

Tên gọi: Tiết Tân Mễ dân tộc Va (Ngõa) (tức Lễ hội Lúa gạo)

Thời gian đón tết: Giữa và sau tháng tám âm lịch hàng năm

Căn cứ vào kết quả điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tiến hành vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Va (Ngõa) tổng cộng là 396.600 người, chủ yếu phân bố tại khu vực Tây Nam thuộc tỉnh Vân Nam. Dân tộc Ngõa tự xưng là "A Ngõa", có nghĩa là "Người sống trên vùng núi". Đại bộ phận người dân thuộc dân tộc Ngõa đều có khả năng ca hát rất tốt, vốn kiến thức về văn học dân gian phong phú và đặc sắc. Một bộ phận của dân tộc Ngõa tôn sùng là Phật giáo và Ki-tô giáo.

Tết Tân Mễ là một ngày lễ tết được yêu thích nhất đối với người dân tộc Ngõa. Vào thời gian từ giữa đến cuối tháng tám âm lịch là tiết mùa bận rộn, náo nhiệt nhất của A Ngõa Sơn. Mỗi sáng sớm tinh mơ, cao nguyên sơn cước và vùng miền xa gần đều vang lên tiếng giã gạo "Tùng tặc! Tùng tặc". Không lâu sau đó, thóc lúa liền biến thành những hạt gạo màu nâu.

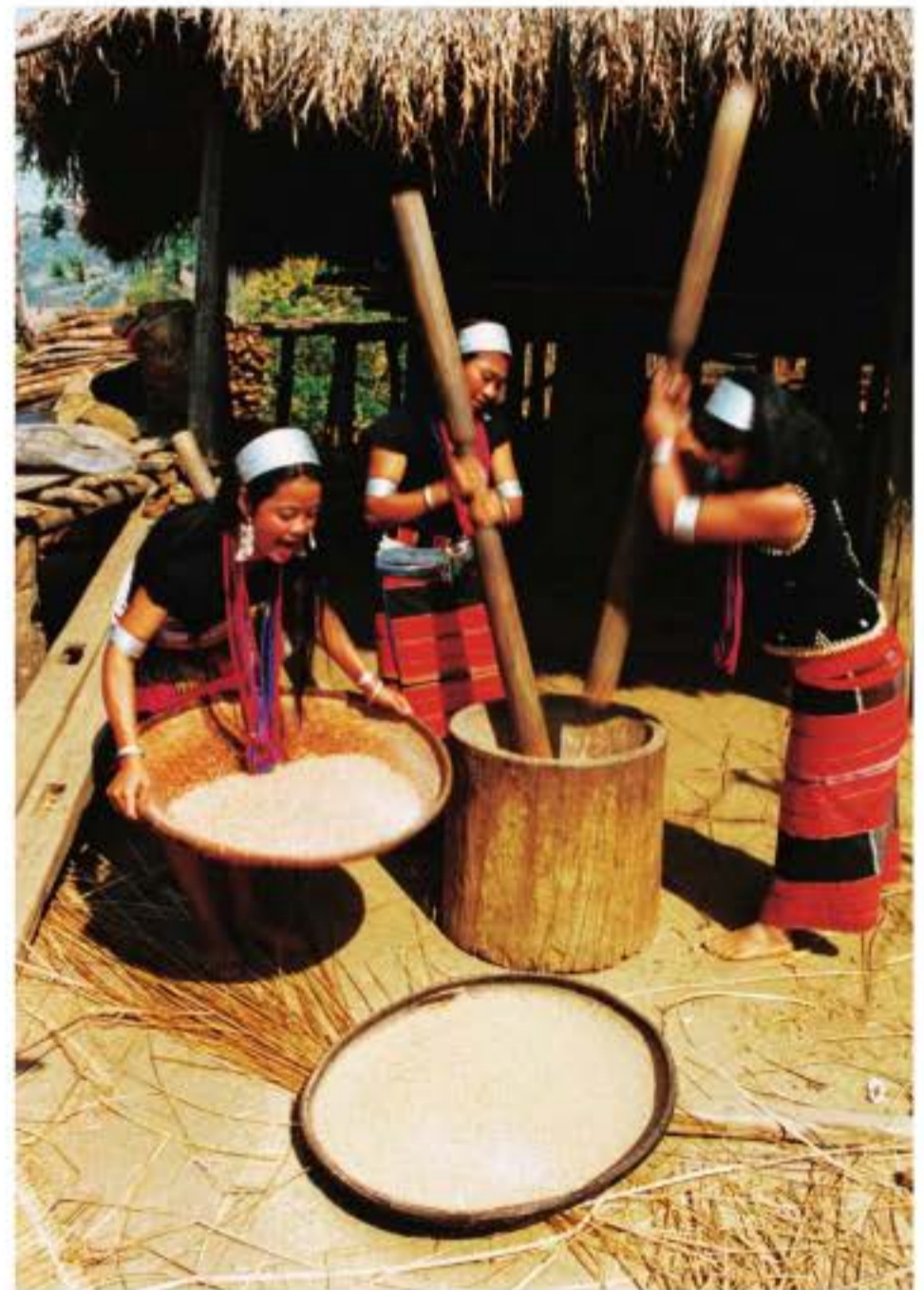
Vào thời điểm ngũ cốc đã chín và bắt đầu thu hoạch được, các hộ gia đình đều căn cứ theo thời gian và địa điểm mà người đứng đầu hướng dẫn, sẽ đi đến khu vực ruộng đồng thu hoạch "ngũ cốc đầu tiên" đem về nhà. Một phần ngũ cốc ấy chất vào kho hoặc trong các đống các bồ, phần còn lại đem thành gạo rồi nấu một nồi cơm trắng, đem ra bảy bát đầy, trên mỗi bát cơm trắng đặt một miếng thịt lớn, rồi chuẩn bị bảy cốc rượu cùng bày lên bàn thờ, để cầu nguyện các vị thần linh, thổ địa, thần núi, thần cốc, liệt tổ liệt tông đến thưởng thức. Tiếp theo, người dân châm lửa thắp bảy nén nhang, cụ sẽ tiến hành các nghi lễ cúng tế khẩn cầu, sau đó đem lộc cơm đi mời những người cao tuổi và con cháu thưởng thức. Dân tộc Ngõa cho rằng, các cụ già và các em nhỏ là những người "sạch sẽ thuần khiết" nhất trên toàn thế giới này, làm như vậy, là sự tôn trọng các vị thần thánh linh thiêng cũng như thể hiện sự tôn trọng cha ông tổ tiên kiếp trước, đồng thời cũng biểu hiện sự yêu thương chăm sóc của tất cả mọi người đối với người già và con trẻ.

Khi màn đêm bắt đầu lan tỏa khắp xóm bản, đồng bào dân tộc Ngõa quây quần bên nhau, họ ngồi xung quanh đồng lửa trại cháy sáng bập bùng, giơ lên những cánh tay chắc khỏe cường tráng, chân nhảy theo nhịp trống rộn ràng, hát những bài ca vui nhộn. Họ cùng nhau

đón mừng ngày Tết Tân Mễ thâu đêm suốt sáng. Đối với những người khách phương xa tới tham quan, chủ nhà sẽ mời những vị khách đó cùng vui vẻ thưởng thức cuộc vui với mọi người. Họ đem loại rượu quý nhất, thịt gà và cơm nấu ngon nhất, đẹp nhất bung lên mời các vị khách thưởng thức.

Dân tộc Ngõa là một dân tộc nhiệt tình và hiếu khách, đã có thuyết "Vô tửu bất thành lễ" về đặc điểm này. Rượu mới cất xong, ngọt ngào và thơm nồng. Phương thức mà dân tộc Ngõa sử dụng khi thưởng thức rượu vô cùng tinh tế và cầu kỳ. Người chủ nhà sẽ uống một ngụm đầu tiên, dùng tay phải lau sạch chiếc cốc làm từ ống tre đó, rồi hai tay bung lên kính cẩn mời khách thưởng thức. Lúc này, vị khách cần giơ tay phải ra, lòng bàn tay hướng lên phía trên đón ly rượu mà vị chủ nhà đang đưa cho, tượng trưng cho lòng thành và sự biết ơn. Sau khi vị khách thưởng thức xong một ngụm rượu, cũng làm theo hành động của chủ nhà rót cho những người khác, rồi lần lượt mọi người cùng nhau thưởng thức. Bất luận có bao nhiêu người tham gia, không kể đến việc đã uống bao nhiêu chén rượu, thì số lượng chén rượu được sử dụng trước sau vẫn chỉ là một. Khi người khách đang thưởng thức hương vị rượu, cần phải chú ý các điều cấm kỵ không được làm như: nhất định không được phép dùng tay để gãi đầu hay sờ vào tai, hoặc không được phép biếu tặng cho con gái chủ nhà những vật phẩm như các đồ trang sức hay thuốc lá thơm, bởi vì những điều này có ý nghĩa tượng trưng cho hành động tỏ tình, cầu hôn.

Ngày thứ hai của tết Tân Mễ, toàn thể thanh niên trong các thôn làng, địa phương của toàn khu vực tiến hành các hoạt động sửa đường và gia cố các cây cầu, với mục đích chuẩn bị cho con đường vận chuyển các loại ngũ cốc mới thu hoạch được đem về trong thôn bản. Những người phụ nữ càng không được thảnh thơi, rảnh rỗi chút nào, họ dọn dẹp tân trang lại mọi nhà kho, bồ thóc hay những vật dụng dùng đựng thóc lúa để dành,



Phụ nữ dân tộc Ngõa đang giã gạo.





Lễ tết Trung Quốc

quét dọn sạch sẽ bụi bặm trong ngoài nhà, giặt sạch các loại thảm bông, lau rửa sạch sẽ các vật dụng và đồ đạc. Những đứa trẻ giống như những chú lươn, vô tư chạy nhảy trong các vũng nước bên sông, hồ.

Ngày cuối cùng trong thời gian diễn ra tết Tân Mão, nam thanh nữ tú thổi vang lên những âm điệu trầm bổng, du dương từ những chiếc khèn môi và mọi người cùng đi tìm ý trung nhân cho mình. Sau thời gian ba ngày, người dân liền bắt đầu cật rập tất bật cho công việc thu hoạch mùa màng.

TẾT MỤC NẢO

Tên gọi: Tết Mục Nảo dân tộc Kachin (Cảnh Pha) (Mục Nảo Tung Ca)

Thời gian đón tết: Ngày mười lăm tháng giêng âm lịch hàng năm

Dân tộc Kachin (Cảnh Pha) của Trung Quốc chủ yếu phân bố tại khu vực tỉnh Vân Nam. Căn cứ theo kết quả điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tiến hành vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Cảnh Pha tổng cộng là 132.100 người. Họ chủ yếu sử dụng ngôn ngữ Cảnh Pha của riêng dân tộc mình, thuộc chi ngữ Cảnh Pha, tộc ngữ Tạng - Myanmar, hệ ngữ Hán - Tạng, có chữ viết riêng lấy mẫu tự La - tinh làm cơ sở cho phiên âm văn tự của mình - được gọi là chữ Cảnh Pha. Tổ tiên cổ xưa của dân tộc Cảnh Pha phần lớn đều sùng bái vạn vật có linh hồn trong hệ đa thần giáo nguyên thủy, mê tín và tuân thủ theo những điều cấm kỵ. Hoạt động mang tính chất thờ cúng tế lễ với quy mô lớn nhất và long trọng nhất được gọi là "Mục Nảo Tung Ca", hoạt động này đã phát triển thành một lễ tết được tổ chức mỗi năm một lần với quy mô long trọng và trang hoàng nhất của dân tộc Cảnh Pha - Tết Mục Nảo.

Mục Nảo Tung Ca có nghĩa là "mọi người sum vầy vui vẻ bên nhau, cùng nhau ca hát và nhảy múa". Tết Mục Nảo thông thường diễn ra vào ngày mười lăm tháng giêng âm lịch hàng năm. Thời gian đón tết kéo dài khoảng bốn đến năm ngày, các cuộc biểu diễn ca hát, nhảy múa được chọn làm nội dung chủ yếu, diễn ra trong suốt quá trình đón mừng ngày Lễ này. Đây đồng thời cũng là dịp người dân thuộc dân tộc Cảnh Pha ăn mừng cho ngày lễ tết cổ truyền, họ cùng nhau chúc tụng cát tường hạnh phúc và mùa màng được bội thu.

Mục Nảo Tung Ca đã có bề dày lịch sử lâu đời, tổ tiên người Cảnh Pha tương truyền rằng đây là sự lưu truyền lại của Thần Mặt Trời. Vào thời cổ đại, chỉ có con của Mặt Trời mới biết nhảy các vũ điệu Mục Nảo Tung Ca. Có một lần, các loài chim công của cõi trần gian đến tham gia lễ hội được tổ chức long trọng này, đã học được những vũ điệu mỹ lệ hấp dẫn lòng người ấy rồi tập nhảy múa hoan ca trong các khu rừng sâu thẳm. Tổ tiên của Cảnh Pha - cô bé Ninh Quán đã nghe được việc ấy và tìm đến tận mắt chiêm ngưỡng cảnh đẹp, rồi học hỏi những điệu múa hấp dẫn đó đem về dạy lại cho mọi người trong dân tộc của mình. Sau khi tổ chức xong lễ hội lần thứ nhất, quả nhiên người và vạn vật trong dân tộc phát triển hưng thịnh hẳn lên. Từ đó về sau, để tưởng nhớ và báo ơn tổ tiên của mình, nguyện cầu những điều bình an vô sự và hạnh phúc, vụ mùa thu hoạch bội thu, thóc gạo đầy bồ, người dân tộc Cảnh Pha liền lấy ngày mười lăm tháng giêng âm lịch hàng năm làm ngày hội "Mục Nảo Tung Ca".

Mục Nảo Tung Ca thường được tổ chức tại các quảng trường hoặc trên các khu đất rộng lớn, thoáng đãng. Đầu tiên người dân dựng lên hai cây cột mục nảo hoa văn đặc sắc, thẳng đứng hiên ngang ngay trung tâm của khu vực được lựa chọn, cây cột cao khoảng chừng hai mươi mét, nguyên liệu được làm từ thân gỗ cây dẻ. Giữa hai cây cột đó gắn hai chiếc dao lớn sắc nhọn sáng loáng giao nhau, tượng trưng cho đặc điểm tính cách người dân tộc Cảnh Pha hiên ngang bất khuất, kiên cường, gan dạ, không gì có thể lay chuyển được. Phía hai bên cột Mục Nảo còn có hai tấm gỗ, cao chừng khoảng tám mét, mặt ngoài chạm trổ các hình họa tiết, hoa văn tượng trưng cho ý nghĩa cát tường thịnh vượng. Phía bên trên Mục Nảo có hai cao đài lớn, nghe nói rằng từ phía cao đài đó có thể nhìn ngắm và biết trước được mọi cảnh vật tương lai.

Khi bắt đầu tiến hành buổi lễ, đầu tiên là hoạt động đốt pháo nổ, tiếp đến là những tiếng trống, tiếng chiêng vang lên rộn ràng, trong không khí náo nức tưng bừng xen lẫn tâm trạng vui tươi háo hức, người dân tộc Cảnh Pha cùng với các dân tộc khác biếu tặng cho nhau mọi vật phẩm như trứng gà, rượu, gạo v.v.. Họ còn biếu các vị khách mời những chiếc bánh truyền thống làm từ gạo nếp cẩm bọc lá chuối xanh. Trước tiên hai cụ già được tất cả mọi người trong dân tộc kính trọng đi đến nhảy múa. Họ mặc những chiếc áo rỗng, đầu đội mũ lông chim, tay cầm chiếc dao hoa, chân bước theo nhịp trống. Phía bên dưới hàng ngàn hàng vạn người tụ tập xếp thành





Lễ tết Trung Quốc



Ngày lễ tết cổ truyền quy mô lớn và long trọng nhất của dân tộc Cảnh Pha - Mục Nảo Tung Ca.

từng hàng từng đội dài nhảy múa. Những người thiếu nữ múa những động tác hình hoa lượn sóng, múa quạt hay múa hoa vòng tròn, lắc lư eo hông, những bộ trang sức bằng bạc đeo trên người họ vang lên những âm thanh liên tiếp không ngừng. Những chàng thanh niên đầu đội những chiếc kẹp trắng được làm từ các loại trang sức màu đỏ phớt, trên người mặc bộ áo màu trắng và quần màu đen, tay cầm những chiếc dao dài, sắc nhọn, trắng lóa. Tất cả mọi tư thế thể hiện những thân hình rắn chắc anh tài và mỹ lệ, hấp dẫn. Người dân thuộc các dân tộc khác cũng cùng nhau tham gia các điệu nhảy múa vui chơi, trong đám hội vang lên những tiếng rêu hò "U la! U la" rộn ràng không ngớt. Trên sân khấu nhảy múa, tiếng "Ba Trát" (ngôn ngữ Cảnh Pha có nghĩa là sáo gió) liên tục được cất lên, hòa cùng tiếng trống tiếng chiêng náo nức, vang dội cả một góc trời, những nhịp chân bước rộn ràng theo những điệu múa vừa thiết tha vừa uyển chuyển rung động cả một vùng núi non hùng vĩ. Các vũ điệu của Mục Nảo Tung Ca đơn giản dễ học, mà lại thướt tha, quyến rũ, tiết tấu lại nhanh, mạnh, dứt khoát phản ánh những hoạt động sinh hoạt trong đời sống thường ngày của người dân tộc Cảnh Pha như các hoạt động săn bắt, công việc nhà nông làm đồng cày ruộng v.v.. Trong đó tiếng nhạc cao vút, hấp dẫn khiến người nghe động lòng cũng muốn nhảy múa theo từng nhịp. Người dân

còn nhịp nhàng, say sưa trong những vũ điệu trong tiếng nhạc thánh thót mê say, khi cất bước chân lên nhảy múa là liền nhảy không ngừng không nghỉ trong suốt thời gian hai ngày liên tục.

PHONG NIÊN TẾ

Tên gọi: Phong Niên Tế dân tộc Cao Sơn

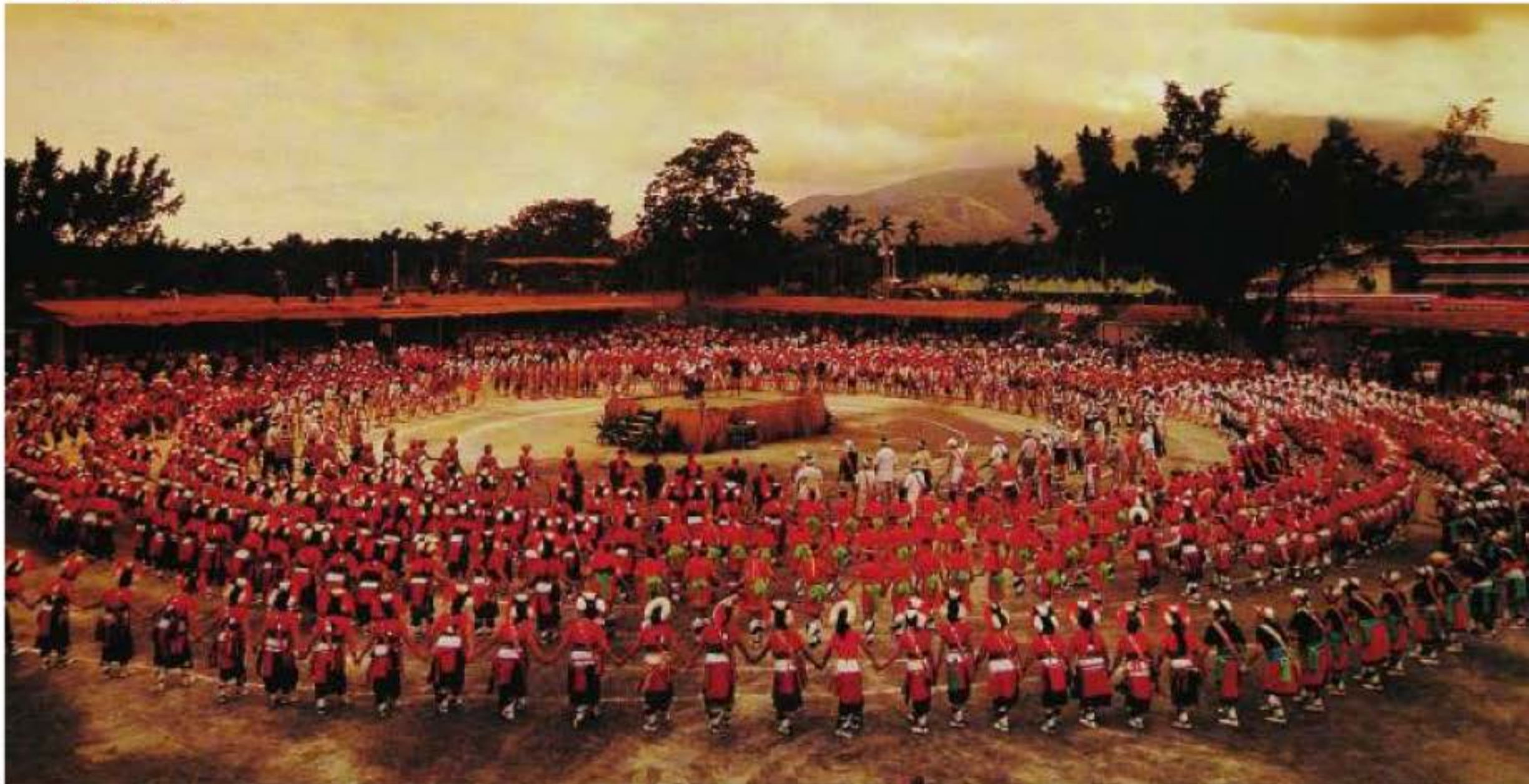
Thời gian đón tết: Ngày mười lăm tháng tám âm lịch hàng năm

Được nhân dân Trung Quốc đại lục gọi theo thói quen là các quần thể dân tộc sinh sống tại Đài Loan, dân tộc Cao Sơn hiện có khoảng chừng bốn trăm ngàn nhân khẩu, chủ yếu sinh sống trên các quần đảo hay các bình nguyên, vùng núi đèo thuộc miền đông và khu vực sơn cước ở miền trung của Đài Loan, Trung Quốc. Ngoài ra, còn có khoảng hơn 4.500 người sinh sống tản mạn tại các tỉnh thành như tỉnh Phúc Kiến, thành phố Bắc Kinh, thành phố Thượng Hải, thành phố Nam Kinh v.v.. Dân tộc Cao Sơn sử dụng ngữ tộc Cao Sơn, không có chữ viết riêng của dân tộc mình, họ sử dụng thông thạo chữ Hán.

Dân tộc Cao Sơn theo tín ngưỡng nguyên thủy, tôn thờ vạn vật có linh hồn, sùng bái các vị thiên thần, thần thánh tự nhiên và các loài yêu quái. Sau khi Cơ đốc giáo truyền bá vào đời sống, một bộ phận dân tộc Cao Sơn chuyển sang sùng bái Cơ đốc giáo. Các lễ tết cổ truyền của dân tộc Cao Sơn thông thường được đan xen, hòa hợp với các hoạt động thờ cúng tế lễ, các hoạt động thờ cúng tế lễ của các dân tộc vô cùng nhiều, ví dụ như tế trồng trọt gieo hạt, tế bình an vô sự, tế tổ tiên, thần linh, tế thần ngũ cốc, tế sơn thần, tế phong niên, tế phi ngư v.v.. Trong tất cả các ngày lễ tết chung, thì lễ tết "Phong Niên Tế" được đông đảo quần chúng nhân dân chào đón và hưởng ứng nhất.

Phong Niên Tế là ngày lễ tết đánh dấu vụ mùa bội thu, ngũ cốc đầy bồ, một năm được tổ chức một lần; thông thường được lựa chọn tổ chức kỷ niệm vào thời gian của ngày mười lăm tháng tám hàng năm. Tất cả mọi người dân từ già trẻ, nam nữ đều khoác lên mình những bộ trang phục riêng mang đậm bản sắc truyền thống của dân tộc với những màu sắc rực rỡ, đa dạng, phong phú. Những người phụ nữ cài lên mái tóc những bông hoa xinh tươi, đeo những bộ trang sức trước ngực hay đeo khuyên tai, vòng tay, lắc tay v.v.. Các chàng trai tuổi thành niên trên đầu đội những chiếc mũ





Quy mô long trọng trong "Phong Niên Tế" .

lông chim hay gắn từ hai đến ba chiếc lông chim vào phía hai bên đầu, eo lưng gắn bộ lắc được làm bằng đồng. Thanh niên yêu thích gắn lên cơ thể mình những bộ lắc chân, góp phần gia tăng thêm xúc cảm tiết tấu trong quá trình vui chơi nhảy múa. Mọi người truyền cho nhau những miếng thịt hay những vòng bánh gạo, vừa uống và thưởng thức cho thật đã, vừa hát vang những bài ca rộn ràng với những điệu nhảy không ngớt.

Trong khu vực nơi diễn ra các hoạt động vui chơi ca, hát, nhảy múa vào thời gian diễn ra các ngày lễ tết này, tài ca hát và khả năng nhảy múa tốt chính là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để nam thanh nữ tú lựa chọn đối tượng cho mình. Các cô gái có ấn tượng tình cảm với ai, thì không nói thẳng ra mà chỉ đứng bên cạnh chàng trai đó nhảy múa chung vui cùng nhau, thông qua các điệu nhảy múa vui tươi chứa đựng bên trong hàng ngàn hàng vạn những lời mà các cô gái muốn bày tỏ cùng chàng trai. Những chàng trai lao động tốt đồng thời lại có khả năng ca hát, nhảy múa tốt, có khi có đến hai ba cô gái cùng lúc đến bên cạnh nhảy múa theo họ. Trong thời gian vui chơi giải trí của ngày lễ tết này, những vũ điệu được lựa chọn để nhảy múa, thường bao gồm một số đặc điểm chủ yếu như: vừa hát vừa nhảy trong tiếng nhạc, nhảy múa không tiếng nhạc, những bước nhảy thay đổi biến hóa theo từng người kế tiếp, được mọi người truyền nhau gọi là "Lạp Thủ Vũ" (tức những điệu nhảy kéo tay nhau).

"Lạp Thủ Vũ" là một điệu nhảy mang tính chất giải trí đã có lịch sử hơn một ngàn năm trong đời sống của người Cao Sơn và được bảo tồn, lưu truyền sâu rộng cho đến ngày hôm nay.

Trong đời sống vui chơi giải trí của nhân dân, "Lạp Thủ Vũ" là điệu nhảy mà mọi người đều có thể tham gia, không phân biệt nam hay nữ, ít thì khoảng từ ba đến năm người, nhiều thì khoảng vài chục người, vào thời gian cao điểm diễn ra ngày lễ tết thì số lượng nhân dân tham gia còn lên tới hàng trăm người. Trong khi nhảy múa, mọi người lần lượt quây thành từng vòng tròn hoặc nhiều vòng tròn; thông thường do một vị có tài ca hát nhảy múa đứng ra làm nhiệm vụ của người dẫn xướng dẫn dắt cho mọi người tham gia. Nội dung các bài hát bao gồm hát nhớ ơn, niệm cha ông tổ tiên, hát ca tụng thán phục các vị anh hùng, hát chúc mừng mùa vụ bội thu, hát cổ vũ khuyến khích gia tăng sản xuất, hát tăng tình đoàn kết hữu nghị v.v.. ngoài ra còn có những bài ca tức cảnh sinh tình không hẹn mà vang lên. Trong lời ca tiếng hát luôn luôn có rất nhiều những hư từ, ví dụ như "na luo wan na yi na yo", "yin nai yo he yin hai ya" v.v.. thậm chí có cả những lời bài hát mà từ đầu đến cuối đều dùng những hư từ. Hàng trăm hàng ngàn người cùng nắm tay nhau cất vang những điệu ca lời hát, cùng nhảy những điệu nhảy thống nhất và được biến chuyển liên tục không ngắt. Khoảnh khắc tất cả mọi người cùng đồng loạt nhấc chân lên và giậm chân xuống, diễn ra rất nhịp nhàng, đẹp mắt, hấp dẫn tất cả mọi người đang tham gia, và điều này có thể dễ dàng tưởng tượng được ra. Trong lúc nhảy những điệu nhảy náo nức và tưng bừng này, có những chàng thanh niên còn phấn khích bật vài vòng khiến cho những chiếc lông chim gắn trên đầu lướt qua đất rồi ngay lập tức đứng thẳng lên tiếp tục các động tác nhảy múa. Cơ thể không ngừng thẳng vút cao lên rồi gập thấp xuống, động tác nhanh và dứt khoát khiến cho những chiếc lông chim chuyển động thướt tha, uyển chuyển. Dòng người tham gia các vũ điệu hoan lạc, bao la như nước dưới sông dưới hồ, không ngừng cuộn chảy nườm nượp, khiến cho mọi người quên đi mọi sự việc để bất cứ lúc nào cũng có thể "lạc lối" vào thế giới của những dòng chảy đại dương về những lời ca điệu nhạc hấp dẫn lòng người.





TẾT NGƯỜI CAO TUỔI

Tên gọi: Tết Người Cao tuổi dân tộc Triều Tiên (Hồi Giáp Tiết)

Thời gian đón tết: Không thống nhất ở mỗi địa phương

Căn cứ vào kết quả điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tổ chức vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Triều Tiên tổng số là 1.923.800 người, chủ yếu phân bố tại ba tỉnh: Hắc Long Giang, Cát Lâm và Liêu Ninh; trong đó một bộ phận sinh sống tản mạn tại các thành phố lớn và vừa của các khu vực tỉnh thành như thành phố Bắc Kinh, thành phố Thượng Hải, thành phố Hàng Châu và khu vực tự trị Nội Mông Cổ v.v.. Tỉnh Cát Lâm nằm ngay sát châu tự trị dân tộc Triều Tiên, đại đa số dân cư tại đây sử dụng ngôn ngữ Triều Tiên và chữ viết Triều Tiên, những người dân tộc Triều Tiên sinh sống cùng dân tộc Hán thì sử dụng thông thạo được chữ Hán. Các ngày lễ tết của dân tộc Triều Tiên cũng tương tự với dân tộc Hán, đều bao gồm Tết Nguyên đán, Tết Thanh minh, Tết Đoan ngọ, Tết Trung thu v.v.. Ngoài ra, còn có thêm ba ngày lễ tết gia đình riêng biệt, đó là: lễ thôi miên, "Hồi giáp tiết" (người già sáu mươi đại thọ) và "Hồi hôn tiết" (ngày kỷ niệm hôn nhân sáu mươi năm).

Dân tộc Triều Tiên từ xưa đã có truyền thống tốt đẹp là kính trọng các người cao tuổi, trong cuộc sống sinh hoạt đời thường luôn tỏ thái độ kính cẩn, lễ phép đối với người già. Ví dụ như: Con cháu không được uống rượu hay hút thuốc trước mặt các bậc tiền bối của mình; khi đồng hành cùng các bậc tiền bối, con cháu không được phép đi ngang qua phía trước mặt; nếu như phải đi qua phía đằng trước các bậc tiền bối, bắt buộc phải xin phép; nếu như các bậc tiền bối đi qua phía của mình thì con cháu cần phải nhường đường, nhường chỗ; khi nói chuyện với các bậc tiền bối thì con cháu càng phải lễ phép dùng những lời nói kính cẩn v.v.. Tết Hồi Giáp và Tết Hồi Hôn chính là những ngày lễ tết cổ truyền được tổ chức dành riêng cho người dân thuộc dân tộc Triều Tiên. "Hồi giáp" để chỉ những cụ già có tuổi thọ từ sáu mươi trở lên; "Hồi hôn" để chỉ những cặp vợ chồng cao tuổi, khi tuổi thọ của họ đều đã trên sáu mươi tuổi.

Trong tất cả các ngày lễ tết và những nghi thức, phong tục tập quán được tổ chức của dân tộc Triều Tiên thì Tết Hồi giáp được coi là ngày lễ tết được tổ chức với quy mô long trọng nhất. Dân tộc Triều Tiên quy ước tuổi sáu mươi là cột mốc đánh dấu đoạn trường đã trải qua



Kính rượu chúc thọ các cụ già.

của cả một đời người, do vậy mà trong đời sống của cha ông họ thuở xưa đã có thuyết "Hoa Giáp Yến" dành riêng cho những người đã qua sáu mươi tuổi. Vào ngày lễ tết này, con cháu bày chiếu thọ dành riêng cho các cụ già, mời gọi người thân họ hàng và hàng xóm láng giềng đến cùng chúc chung vui với các cụ, để mọi người cùng

nhau bày tỏ lòng biết ơn về công lao dưỡng dục của đấng sinh thành. Và khi nhắc đến "Hoa Giáp Yến", mọi người ở đây còn lưu truyền cho nhau một câu chuyện như sau.

Từ thời xa xưa, quốc vương Cao Lệ đã ban bố một quy định: các cụ già khi thọ sáu mươi hoa giáp, dù đã mất hay còn sống thì cũng đều phải tiến hành mai táng. Có một chàng trai họ Kim không đành lòng chôn sống phụ thân của mình mang đi mai táng, liền đem ông giấu kín. Không lâu sau, có một vương quốc khác gửi cho quốc vương Cao Lệ ba câu hỏi vô cùng khó giải, và tuyên bố rằng nếu không tìm được đáp án cho những câu hỏi ấy, ngay lập tức họ sẽ thôn tính vương quốc Cao Lệ. Quốc vương đã rất lo lắng và buồn rầu vì điều này. Khi chàng trai họ Kim kia đem cơm cho phụ thân của mình ăn, anh kể lại câu chuyện này cho ông nghe, ông cụ liền nheo đôi lông mày lại suy nghĩ lời giải cho câu hỏi đầy thách thức mà nước nọ đưa ra. Ông đã nghĩ ra ba lời giải vô cùng tinh tế để trả lời cho ba câu hỏi này. Chàng trai đem những lời giải báo lại cho quốc vương, giúp quốc vương cứu thoát được vận nước nguy nan. Sau đó, quốc vương Cao Lệ biết được rằng những lời giải ấy lại chính do một cụ già đáng lẽ đã bị đem đi chôn sống từ trước đó nghĩ ra, thì lập tức hạ lệnh hủy bỏ điều luật quy định chôn người già từ 60 tuổi trở lên, đồng thời ban lệnh thiết lập "Hoa Giáp Yến" để tri ân các cụ già. Những câu chuyện liên quan đến chủ đề kính lão trong dân tộc Hán cũng như trong các dân tộc khác cũng được bảo tồn và lưu truyền phổ biến, tuy nhiên việc hình thành các ngày lễ tết về chủ đề kính lão của các dân tộc đó giống như đối với dân tộc Triều Tiên thì lại không nhiều. Nếu như bạn may mắn được tham gia các hoạt động cũng như các nghi thức cùng





Lễ tết Trung Quốc

chúc thọ trong ngày lễ tết kính lão này, bạn sẽ cảm nhận được một cách sâu sắc truyền thống mỹ đức tốt đẹp của dân tộc Triều Tiên, đồng thời càng tăng thêm sự hiểu biết và lòng kính trọng biết ơn đối với dân tộc.

Vào ngày Lễ Hồi giáp này, tất cả mọi vùng miền và địa phương của toàn dân tộc Triều Tiên đều rất vui mừng và phấn chấn. Người người nhà nhà đều phải chuẩn bị làm các loại thực phẩm như "Ma Khắc Liệt" (một loại rượu làm từ nguyên liệu gạo), bánh bột, mì lạnh, thịt chó v.v.. đem các loại thực phẩm đó bày lên bàn thịnh soạn. Người già mặc những bộ trang phục đẹp dùng trong ngày lễ tết, đeo những bông hoa màu đỏ rực xinh đẹp và ngồi vào vị trí chính giữa chiếu; tiếp nhận những lời cung chúc và kính thọ từ các vị trưởng bối, người thân họ hàng và hàng xóm láng giềng. Khi bắt đầu buổi lễ kính thọ, bắt đầu từ các bậc trưởng tử, cho đến con cái, cháu chắt, toàn thể thành viên trong gia đình đều lần lượt chúc rượu và quỳ gối kính lạy cung chúc cụ già, cảm ơn sự vất vả khó nhọc lao động cũng như công ơn sinh thành dưỡng dục của các cụ. Từ con cái cho đến các đời cháu chắt, hay người thân họ hàng trong gia đình đều kính tặng cho các cụ già những món quà như các loại vải may trang phục, các loại trang sức vàng bạc v.v..

Vào ngày Lễ Hồi giáp này, tất cả mọi người còn tham gia các hoạt động mang tính chất vui chơi giải trí như ca hát, nhảy múa, đánh đu, đánh cầu, đấu vật, với mục đích đem đến cho các cụ già niềm vui và cảm xúc trong ngày lễ tết đầy ý nghĩa này.

Thời gian đón Tết Người cao tuổi của dân tộc Triều Tiên được tổ chức tại những địa phương khác nhau thì cũng diễn ra vào những thời điểm khác nhau. Đối với tỉnh Hắc Long Giang thì thời gian đón tết là ngày hai mươi hoặc hai mươi tư tháng sáu âm lịch hàng năm, khu vực gần sát dân tộc Triều Tiên tại châu tự trị vào khoảng ngày mười lăm tháng tám âm lịch hàng năm.

TẾT THIÊN THƯƠNG

Tên gọi: Tết Thiên Thương

Thời gian đón tết: Ngày hai mươi lăm tháng giêng âm lịch hàng năm

Dân tộc Mãn, theo kết quả điều tra nhân khẩu phổ cập toàn quốc được tổ chức vào năm 2000, nhân khẩu dân tộc Mãn tổng cộng là 10.682.300 người, số lượng nhân khẩu đông thứ hai trong toàn bộ các

dân tộc thiểu số của Trung Quốc. Họ sinh sống chủ yếu tại các vùng và địa phương ở tỉnh Liêu Ninh, một bộ phận khác sống tản mạn tại các khu vực khác nhau. Ngôn ngữ của dân tộc Mãn thuộc chi ngữ Mãn, tộc ngữ Thông Cổ Tư - Mãn, hệ ngữ Thái, chữ viết Mãn được căn cứ theo và sáng chế từ mẫu tự văn Mông Cổ. Triều đại nhà Thanh - vương triều cuối cùng trong lịch sử chế độ phong kiến của Trung Quốc là do dân tộc Mãn kiến lập lên. Bởi vì từ triều đại nhà Thanh đến nay, một số lượng lớn người dân thuộc dân tộc Mãn di cư vào các khu vực Trung nguyên, một số lượng lớn người dân thuộc dân tộc Hán di cư và sinh sống tại các khu vực Sơn Hải Quan khiến cho nền kinh tế, văn hóa và cuộc sống xã hội của cả hai vùng miền đều có sự giao lưu mật thiết với nhau, người dân tộc Mãn dần dần có thói quen sử dụng chữ viết và ngôn ngữ Hán. Người dân tộc Mãn đã từng tín ngưỡng Saman giáo.

Dân tộc Mãn chịu ảnh hưởng văn hóa từ dân tộc Hán, các ngày lễ tết cũng tương tự so với các ngày lễ tết của dân tộc Hán. Tết Nguyên đán được tất cả mọi người coi trọng nhất trong đời sống xã hội. Ngày mười lăm tháng giêng đón Tết Hoa đăng; ngày hai mươi lăm tháng giêng đón Tết Thiên thương và cầu nguyện ước mong cho vụ mùa bội thu, ngũ cốc đầy kho vào năm sau; ngày mùng hai tháng hai âm lịch chính là ngày "Tỏa Long"; bên cạnh đó còn các ngày lễ tết khác cũng được đón chào tưng bừng như: Tết Đoan ngọ vào ngày mùng năm tháng năm, Tết Trùng vương vào ngày mùng sáu tháng sáu, Tết Trung thu vào ngày mười lăm tháng tám v.v..

Ngày hai mươi lăm tháng giêng hàng năm được gọi là Tết Thiên thương. Ý nghĩa của ngày này chính là: vào thời gian đó, các nhà kho, nhà cất chứa vật phẩm đều trống rỗng cả, để lấp đầy bồ, đầy kho, đầy nhà thì mọi người cần phải xuống ruộng lao động làm lụng. Ngày nay, người người nhà nhà tại khắp các địa



Tượng đất "Chuột gả con gái", tượng trưng cho tâm nguyện và kỳ vọng tốt đẹp của nhân dân kiên quyết diệt trừ dịch bệnh từ loài chuột, bảo hộ mùa màng, ngũ cốc sinh sôi.





Lễ tết Trung Quốc

phương cũng như các vùng miền thôn xóm của dân tộc Mãn đều nấu cơm, cao lương cho vào bên trong nhà kho, dùng thân cây cao lương bện thành hình đuôi ngựa rồi cắm lên trên miệng thố cơm, bày tỏ ý nghĩa tượng trưng cho hình ảnh ngựa phi vào nhà và nhà đầy lương thực, hy vọng mọi người đều được ăn no mặc ấm, vật chất dồi dào. Sau đó lại xới thêm cơm mới, làm liên tục cho đến đủ ba lần. Cũng có những người trong các gia đình khác dùng thân cây cao lương chẻ thành hình hai chiếc cuốc hoặc xẻng rồi cắm lên trên miệng bát cơm. Những phong tục tập quán này vẫn được kế tục và bảo lưu tại một số địa phương cũng như vùng miền tại khu vực nông thôn, bản làng vùng Đông Bắc cho đến ngày nay.

PHỤ LỤC:

BẢNG TÓM TẮT NIÊN ĐẠI LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm - 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm - 4000 năm trước
Hạ	Năm 2070 - năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 - năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 - năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 - năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 - năm 221 TCN
Tần	Năm 221 - năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN - năm 25
Đông Hán	Năm 25 - năm 220
Tam Quốc	Năm 220 - năm 280
Tây Tấn	Năm 265 - năm 317
Đông Tấn	Năm 317 - năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 - năm 589
Tùy	Năm 581 - năm 618
Đường	Năm 618 - năm 907
Ngũ đại	Năm 907 - năm 960
Bắc Tống	Năm 960 - năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 - năm 1279
Nguyên	Năm 1206 - năm 1368
Minh	Năm 1368 - năm 1644
Thanh	Năm 1616 - năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1912 - năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949

Lễ tết Trung Quốc

Dịch giả: Đinh Thị Thu

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: THI ANH - MAI LIÊN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 38256713 - 38247225 - 38296764
Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 754-12/CXB/10-93/THTPHCM cấp ngày 29/06/2012.